

ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA
CÁC KỲ ĐẠI HỘI

TỈNH ỦY KHÁNH HÒA

ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA
CÁC KỲ ĐẠI HỘI

THÁNG 9 - 2020



**CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VĨ ĐẠI
SỐNG MÃI TRONG SỰ NGHIỆP CỦA CHÚNG TA!**

LỜI GIỚI THIỆU

Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa là một trong những Đảng bộ tỉnh được thành lập sớm (ngày 24-02-1930), chỉ ba tuần, sau ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Từ khi thành lập đến nay, Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa đã trải qua 17 kỳ Đại hội. Mỗi kỳ Đại hội là sự kiện trọng đại trong đời sống chính trị của toàn Đảng, toàn quân và Nhân dân trong tỉnh; là những mốc son lịch sử quan trọng, đánh dấu sự trưởng thành và phát triển của Đảng bộ tỉnh trong quá trình lãnh đạo cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân toàn tỉnh vượt qua khó khăn, thử thách ác liệt, chiến thắng thiên tai, địch họa; góp phần cùng cả nước đấu tranh giành chính quyền, đánh thắng các kẻ thù xâm lược, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và đã giành được những thành tựu đáng tự hào trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Mỗi kỳ Đại hội là thời điểm Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa tiến hành tổng kết, đánh giá và rút ra bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo

của mình, từ đó, đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong giai đoạn tiếp theo.

Chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII (nhiệm kỳ 2020 - 2025), hướng tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xuất bản tập sách “Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa - Các kỳ Đại hội”. Tập sách cung cấp thông tin tương đối đầy đủ, có hệ thống về quá trình hình thành và phát triển của Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa qua các kỳ đại hội, nhằm giúp cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh tìm hiểu, nghiên cứu về các kỳ Đại hội của Đảng bộ tỉnh. Đồng thời, là tài liệu để các cơ quan, đơn vị, địa phương tuyên truyền, giáo dục cho thế hệ trẻ hiểu sâu sắc hơn về quá trình thành lập và lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh qua các thời kỳ cách mạng.

Tập sách “Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa - Các kỳ Đại hội” được nghiên cứu, biên soạn dựa trên các tài liệu Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Khánh Hòa, giai đoạn 1930 - 1975 và Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Khánh Hòa, giai đoạn 1975 - 2005; các Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa từ 1950 đến 2015; các nghị quyết và báo cáo của Tỉnh ủy... Tuy nhiên, trong quá trình sưu tầm tài liệu, một số nội dung còn thiếu hoặc không có tài liệu, nhất là trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ; nhiều đồng chí lãnh đạo tỉnh, nhân chứng lịch sử

qua các thời kỳ đã mất... nên tập sách khó tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế nhất định.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chân thành cảm ơn ý kiến đóng góp của các đồng chí lãnh đạo và nguyên lãnh đạo tỉnh; các đồng chí cán bộ hưu trí của tỉnh, các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong và ngoài tỉnh đã cung cấp nhiều tư liệu quý giúp Ban biên soạn hoàn thành tập sách này. Ban Thường vụ Tỉnh ủy rất mong nhận được ý kiến đóng góp của đồng chí, đồng bào, bạn đọc gần xa để tiếp tục bổ sung, nâng cao chất lượng tập sách trong những lần tái bản sau..

**BAN THƯỜNG VỤ
TỈNH ỦY KHÁNH HÒA**

QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG THÀNH LẬP ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỈNH KHÁNH HÒA VÀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH TỪ KHI THÀNH LẬP ĐẾN ĐẠI HỘI LẦN THỨ I (1930 - 1950)

Quá trình vận động thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Khánh Hòa

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, Nhân dân cả nước đã nhất tề đứng lên đấu tranh giành độc lập dân tộc. Tuy nhiên, các phong trào đấu tranh đều thất bại và bị chìm trong bể máu. Tại Khánh Hòa, năm 1886, sau khi phong trào “Bình Tây cứu quốc đoàn” do Trịnh Phong lãnh đạo bị dập tắt, toàn tỉnh rơi vào ách thống trị của thực dân Pháp và tay sai. Chúng thi hành chính sách áp bức, bóc lột nặng nề làm cho đời sống của Nhân dân Khánh Hòa cực khổ và tăm tối. Ách áp bức nặng nề; tình yêu quê hương xứ sở, lòng khao khát độc lập, tự do; chí căm thù bọn thực dân cướp nước và bè lũ tay sai đã hun đúc lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất của Nhân dân Khánh Hòa. Tuy nhiên, cũng giống như cả nước, phong trào cách mạng của Nhân dân tỉnh Khánh Hòa trước khi có Đảng đều

không có một đường lối rõ rệt, đúng đắn và thiếu một tổ chức lãnh đạo nên không thể giành được thắng lợi.

Trong bối cảnh ấy, ngày 05-6-1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước. Sau khi bôn ba khắp năm châu, bốn biển, tháng 7-1920, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc tiếp cận bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin. Người khẳng định: “Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”. Từ đó, Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin; tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Người đã tranh thủ nhiều sự ủng hộ của Quốc tế Cộng sản, của các đảng cộng sản cho phong trào cách mạng Việt Nam. Tháng 6-1925, Người sáng lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên - tổ chức yêu nước đầu tiên theo khuynh hướng cộng sản. Thông qua Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Người đã huấn luyện hàng trăm chiến sĩ cách mạng; chuẩn bị về tổ chức và lý luận cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tại Khánh Hòa, trong những năm 1925 - 1926, chủ nghĩa cộng sản bắt đầu được truyền bá thông qua các tài liệu, sách báo của Đảng Cộng sản Pháp, của Hội Liên hiệp thuộc địa, của các tờ báo có khuynh hướng thiên tả ở Nam Kỳ... Thông qua các tài liệu, sách báo đó, lớp thanh niên tiên bộ trong tỉnh bắt đầu

biết đến và ngưỡng mộ tên tuổi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, các hoạt động cách mạng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, đón nhận ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô... Một khuynh hướng cách mạng mới bắt đầu manh nha xuất hiện tại Khánh Hòa.

Cũng trong thời gian này, hai thầy giáo Ngô Đức Diễn, Hà Huy Tập (người Hà Tĩnh) được cử vào dạy học tại tỉnh Khánh Hòa. Hai thầy là hội viên Hội Phục Việt (tổ chức tiền thân của Đảng Tân Việt). Thầy Diễn dạy học tại trường Pháp - Việt Ninh Hòa. Thầy Tập dạy tại trường Pháp - Việt Nha Trang. Hai ông đã tuyên truyền, vận động trong học sinh, viên chức và nhân dân lao động tại Nha Trang và Ninh Hòa về lập trường yêu nước theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin. Tuy chỉ hoạt động tại Khánh Hòa chỉ một thời gian ngắn nhưng hai ông đã đặt nền móng cơ bản cho việc xây dựng tổ chức và đảng viên của Đảng Tân Việt tại tỉnh Khánh Hòa.

Năm 1929, trong xu thế chung của phong trào cách mạng ở Việt Nam, Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên bị phân liệt, dẫn đến sự ra đời của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng. Trong nội bộ Đảng Tân Việt cũng diễn ra cuộc đấu tranh về đường lối, dẫn đến sự ra đời của Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

Ngày 24-12-1929, tại phố Mươi Căn (nay là đầu đường Thống Nhất, phía nhà ga), diễn ra một hội nghị của Đảng Tân Việt tại Khánh Hòa. Tại hội nghị này, đồng chí Trần Hữu Duyệt thay mặt Kỳ bộ Nam kỳ phổ biến chủ trương lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Hội nghị quyết định thành lập Tỉnh ủy lâm thời Đông Dương Cộng sản Liên đoàn, gồm các đồng chí Trần Hữu Duyệt, Lê Dung, Đỗ Long, Trần Đình Giáp, Trương Hiệu (tức Thiệt). Đồng chí Trần Hữu Duyệt làm Bí thư.

Ngày 03-02-1930, tại Hương Cảng (Hồng Kông, Trung Quốc) dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập trên cơ sở hợp nhất Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kiện lịch sử cực kỳ trọng đại, một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối, tổ chức. Từ đây, cách mạng nước ta có Đảng Cộng sản Việt Nam – người tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam; một chính đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của mình.

Trong tháng 02-1930, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn đề nghị được gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngày 24-02-1930, đồng chí Ngô Gia Tự, đại diện cho



Đồng chí Hà Huy Tập, Tổng Bí thư Đảng
Cộng sản Việt Nam (1936 - 1938). Người
từng tham gia hoạt động cách mạng tại tỉnh
Khánh Hòa những năm 1925 - 1926



Trường Pháp -Việt Nha Trang (trường THPT Nguyễn Văn Trỗi, thành phố Nha Trang hiện nay), nơi dạy học và hoạt động cách mạng của thầy giáo Hà Huy Tập trong những năm 1925 - 1926.



Đồng chí Ngô Đức Diễn, lãnh đạo chủ chốt
của Tân Việt Cách mạng Đảng. Người từng
tham gia hoạt động cách mạng tại tỉnh Khánh
Hòa những năm 1925 - 1926.



Trường Pháp - Việt Ninh Hòa (Trung tâm Chính trị thị xã Ninh Hòa hiện nay), cơ sở cách mạng của Đảng bộ Đảng Tân Việt tỉnh Khánh Hòa, Đảng bộ Đông Dương Cộng sản liên đoàn tỉnh Khánh Hòa, Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Khánh Hòa.



Đồng chí Trần Hữu Duyệt, Bí thư Tỉnh ủy
Đồng Dương Cộng sản Liên đoàn tỉnh Khánh
Hòa (1929 - 1930), Bí thư Tỉnh ủy Đảng
Cộng sản Việt Nam tỉnh Khánh Hòa (1930).

Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam ký quyết định công nhận Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Khánh Hòa (gọi tắt là Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa) được chính thức thành lập từ ngày có quyết định này. Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Khánh Hòa vẫn gồm các đồng chí: Trần Hữu Duyệt, Lê Dung, Đỗ Long, Trần Đình Giáp, Trương Hiệu, do đồng chí Trần Hữu Duyệt làm Bí thư Tỉnh ủy.

Việc thành lập Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa đã đánh dấu thời kỳ phong trào cách mạng trong tỉnh chuyển kịp theo trào lưu chung, chuyển sang giải quyết vấn đề yêu nước trên lập trường của giai cấp công nhân, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, phong trào tiếp tục được mở rộng, cơ sở đảng được củng cố và phát triển. Các tổ chức quần chúng như Công hội đỏ, Nông hội đỏ, Thanh niên Cộng sản Đoàn, Hội phụ nữ, Mặt trận phản đế đồng minh lần lượt ra đời và phát triển.

Sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh từ khi thành lập đến Đại hội lần thứ I

Ngay sau khi ra đời, hưởng ứng và ủng hộ phong trào cách mạng của Nhân dân Nghệ - Tĩnh, Đảng bộ đã lãnh đạo Nhân dân trong toàn tỉnh tham gia một cao trào cách mạng rộng lớn mà đỉnh cao là cuộc biểu tình ngày 16-7-1930 của hơn 1.000 người dân huyện

Tân Định (nay là thị xã Ninh Hòa). Đây là cuộc biểu tình quy mô lớn đầu tiên ở Nam Trung Bộ. Cuộc biểu tình đã giáng một đòn mạnh vào bộ máy thống trị của thực dân Pháp và tay sai trong toàn tỉnh. Sự kiện này, chứng minh uy tín và khả năng của Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa - một Đảng bộ vừa mới thành lập đã có khả năng vận động, tập hợp quần chúng, phát huy tinh thần yêu nước của quần chúng để tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.

Sau cuộc biểu tình, thực dân Pháp tiến hành khủng bố một cách quyết liệt, các đồng chí trong Tỉnh ủy lâm thời đều bị bắt, hầu hết đảng viên và quần chúng cách mạng trong toàn tỉnh cũng bị địch đàn áp, đến cuối năm 1931 phong trào tạm lắng xuống.

Những năm 1932 - 1935, đồng chí Phạm Xuân Hòa, Bí thư Ban Cán sự Trung Nam của Xứ ủy Trung kỳ vào Khánh Hòa để khôi phục cơ sở của Đảng. Phong trào cách mạng trong tỉnh dần hồi phục. Trên cơ sở đó, tại Chín Cùm (huyện Vạn Ninh) đã tổ chức Hội nghị thành lập Ban Cán sự Đảng tỉnh do đồng chí Phạm Xuân Hòa chủ trì. Tại Hội nghị, đồng chí Phan Đáng (Tur Thìn) được bầu làm Bí thư Ban Cán sự Đảng tỉnh. Từ đó, một số phong trào đấu tranh của công nhân muối Hòn Khói và Nhân dân Vĩnh Xương nổ ra. Ít lâu sau, địch phát hiện ra tổ chức và cơ sở

đảng của ta, các đồng chí trong Ban Cán sự Đảng đều bị địch bắt.

Trong những năm 1936 - 1937, mặc dù tổ chức Đảng và đảng viên chưa được phục hồi nhưng các đảng viên hoạt động riêng lẻ trong tỉnh vẫn cố gắng tổ chức các hoạt động đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, tự do, cơm áo, hòa bình theo khẩu hiệu chung của Đảng. Cuối năm 1937, đồng chí Nguyễn Trí, Xứ ủy viên Trung kỳ vào Khánh Hòa để khôi phục tổ chức Đảng và đảng viên. Trong khoảng thời gian này, nhiều đồng chí mãn hạn tù trở về quê hương Khánh Hòa, một số đồng chí tại các địa phương khác bị địch truy nã cũng chuyển vùng hoạt động đến Khánh Hòa.

Tháng 10-1938, đồng chí Trần Công Xứng được Xứ ủy Trung Kỳ phái vào tăng cường cho Ban Cán sự Nam Trung Bộ và được phân công phụ trách Khánh Hòa. Ngày 15-10-1938, đồng chí Trần Công Xứng triệu tập Hội nghị đại diện lãnh đạo các tổ chức đảng trong toàn tỉnh tại Ghềnh Đá, phía Nam Cầu Đá, Nha Trang. Hội nghị đã bầu Tỉnh ủy lâm thời gồm các đồng chí Đoàn Bá Thừa, Mai Dương và Võ Đức Thuận do đồng chí Đoàn Bá Thừa làm Bí thư Tỉnh ủy lâm thời, cơ quan đóng tại Chụt (Nha Trang). Sau Hội nghị, Tỉnh ủy đã lãnh đạo phong trào quần chúng đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ với quy mô rộng lớn hơn, đa dạng các giai tầng trong

xã hội tham gia, không chỉ công nhân, nông dân mà có cả viên chức, tiểu thương, tiểu chủ... Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ 2 bùng nổ, địch thi hành chính sách khủng bố các chiến sĩ cách mạng và các tổ chức quần chúng của Đảng. Toàn bộ các đồng chí trong Tỉnh ủy lâm thời bị bắt, phong trào cách mạng tiếp tục gặp nhiều khó khăn và tạm thời lắng xuống.

Trong lúc đó, đất nước ta chịu cảnh “một cổ hai tròng”, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương. Kẻ thù chính của các dân tộc Đông Dương lúc này không chỉ là thực dân Pháp mà cả phát xít Nhật. Chúng ra sức vơ vét, bóc lột Nhân dân ta đến cùng cực để phục vụ cho chiến tranh. Trong những năm 1942 – 1943, một số chiến sĩ cách mạng như Trần Chí Hiền, Mai Dương, Nguyễn Văn Chi... mãn hạn tù, về Khánh Hòa hoạt động. Các đồng chí đã tiếp thu tinh thần Nghị quyết Trung ương 7, 8, nhất là chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh, đồng thời, liên lạc với các đồng chí đảng viên cũ, phổ biến chủ trương mới của Đảng, xây dựng nhiều cơ sở Việt Minh trong toàn tỉnh. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), đồng chí Trịnh Huy Quang thoát khỏi cạm bẫy an trí Trà Khê (Phú Yên) về hoạt động cách mạng tại tỉnh Khánh Hòa. Đồng chí nhanh chóng bắt liên lạc với các nhóm Việt Minh ở Ninh Hòa.



Đồng chí Đoàn Bá Thừa, Bí thư Tỉnh ủy
(1938 - 1939)

Cuối tháng 3-1945, tại Suối Ré (Ninh Hòa), hội nghị đại diện các nhóm Việt Minh ở Ninh Hòa, Vạn Ninh được triệu tập do đồng chí Trịnh Huy Quang chủ trì. Hội nghị quyết định thành lập Ban vận động cứu quốc tỉnh (Ban vận động Việt Minh tỉnh) và cử đồng chí Trịnh Huy Quang phụ trách chung. Đầu tháng 4-1945, Tỉnh ủy lâm thời được thành lập gồm 3 đồng chí: Võ Phước Lý, Mai Dương, Trịnh Huy Quang, do đồng chí Trịnh Huy Quang làm Bí thư. Tỉnh ủy lâm thời nằm bên trong Ban vận động Việt Minh tỉnh. Đến đầu tháng 6-1945, Tỉnh ủy lâm thời được bổ sung đồng chí Nguyễn Chí Thanh và Nguyễn Văn Chi.

Đầu tháng 8-1945, Ủy ban Việt Minh tỉnh được thành lập, phong trào cách mạng có nhiều chuyển biến tích cực; khắp cả tỉnh, từng thôn, xóm, từ nông thôn đến thành thị, trong các giai tầng, kể cả trong hàng ngũ viên chức, binh lính địch đều có cơ sở của Việt Minh.

Ngày 14-8-1945, Nhật đầu hàng quân Đồng Minh. Chớp thời cơ cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Việt Minh, Nhân dân toàn tỉnh đã khởi nghĩa, thiết lập chính quyền cách mạng. Ngày 14-8, cuộc khởi nghĩa của Nhân dân Vạn Ninh giành thắng lợi. Tiếp đó, ngày 17-8 là Ninh Hòa và ngày 19-8 là Nha Trang, Diên Khánh, Vĩnh Xương đều

khởi nghĩa thắng lợi. Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Khánh Hòa được thành lập. Ngày 22-8, Ba Ngòi (thành phố Cam Ranh ngày nay) là địa phương cuối cùng khởi nghĩa thành công. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trong toàn tỉnh giành được thắng lợi trọn vẹn, góp phần cùng cả nước đập tan ách thống trị của thực dân phong kiến hơn nửa thế kỷ.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, một số đồng chí Tỉnh ủy viên chuyển công tác, Tỉnh ủy lâm thời lúc này chỉ còn 2 đồng chí: Mai Dương và Võ Phước Lý. Đồng chí Nguyễn Mô (Bùi Định) và đồng chí Trương An được Xứ ủy Trung Kỳ phái vào tham gia Tỉnh ủy. Tỉnh ủy đã lãnh đạo Ủy ban Việt Minh, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh gấp rút triển khai các chính sách như chống giặc đói, giặc dốt, ban bố các quyền tự do dân chủ cho Nhân dân, xóa bỏ các thứ thuế bất công của bọn thực dân, thực hiện cuộc vận động “Đời sống mới”... Bên cạnh đó, còn tổ chức chống địch gây hấn, xây dựng lực lượng chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài mà ta biết không thể tránh khỏi.

Đầu tháng 10-1945, quân Pháp đổ bộ lên thị xã Nha Trang (nay là thành phố Nha Trang). Trước tình hình đó, rạng sáng ngày 23-10-1945, quân dân thị xã Nha Trang, của tỉnh và các đơn vị Nam tiến đồng loạt



Đồng chí Mai Dương, Bí thư Tỉnh ủy
(1946 - 1948, 1961 - 1964, 1965 - 1966,
1972 - 1973, 1975)



Đồng chí Trịnh Huy Quang, Bí thư Tỉnh ủy
(1945)

nổ súng tại Mặt trận Nha Trang, mở đầu cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Khánh Hòa và Nam Trung Bộ. Ta đã tiến hành bao vây quân Pháp tại Nha Trang trong 101 ngày đêm, gây cho địch nhiều thiệt hại lớn, được Bác Hồ gửi thư khen ngợi. Qua đó, ta có điều kiện chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Trung tuần tháng 4-1946, đồng chí Trần Tổng, phái viên Xứ ủy Trung Bộ vào triệu tập Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng tại thôn Đại Điền Đông để phổ biến tình hình chung, bàn việc thi hành Hiệp định Sơ bộ và kiểm tra tình hình sẵn sàng đánh địch. Hội nghị bầu bổ sung vào Tỉnh ủy 3 đồng chí: Tổng Đình Phương (Ninh Hòa), Trần Danh (Diên Khánh) và Lê Cường (Vĩnh Xương). Đồng chí Mai Dương được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Các cơ quan lãnh đạo kháng chiến tỉnh được dời lên căn cứ ở Hòn Dũ để ổn định công tác.

Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, hưởng ứng “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Hồ Chủ tịch (ngày 19-12-1946) và chấp hành Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến” của Trung ương Đảng, quân dân Khánh Hòa quyết tâm đẩy mạnh cuộc kháng chiến lên một bước mới.

Tháng 3-1947, tại một địa điểm dưới chân Hòn Lớn, phía Nam huyện Ninh Hòa, Tỉnh ủy Khánh Hòa tổ chức Hội nghị mở rộng bàn cách đối phó với âm mưu của

địch và đẩy mạnh kháng chiến. Hội nghị quyết định bổ sung vào Tỉnh ủy các đồng chí: Phạm Cự Hải, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, Mai Xuân Cống, Bí thư Thị ủy Nha Trang và Lê Thanh Liêm, Bí thư Huyện ủy Vĩnh Xương. Tỉnh ủy đã lãnh đạo đẩy mạnh xây dựng căn cứ địa cách mạng, tích cực sản xuất và khai thông hành lang Bắc - Nam; củng cố lực lượng vũ trang, đẩy mạnh chiến tranh du kích, gây cho địch nhiều thiệt hại lớn, cả ở vùng nông thôn lẫn đô thị.

Năm 1948, đồng chí Mai Dương được cấp trên điều động nhận công tác khác. Liên Khu ủy Khu 5 điều đồng chí Trần Quỳnh làm Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa.

Từ đầu năm 1948, địch chuyển sang thực hiện chính sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”. Tỉnh ủy đề ra chủ trương “Tiến về làng” kháng chiến ở hương thôn theo phương châm “tin vào dân, dựa vào dân”. Chi bộ, đảng viên bám phong trào, sống trong dân, đánh tan những tư tưởng cầu an, sợ khổ, thiếu tin tưởng quần chúng nhân dân. Nhờ đó, phong trào kháng chiến đã vượt qua khó khăn, có nhiều bước phát triển.

Cuối năm 1948, Tỉnh ủy dời cơ quan về Hòn Hèo ở phía Đông huyện Ninh Hòa. Các cơ quan tỉnh đóng tại thôn Đầm Vân (xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa hiện nay). Ngay sau khi đến Hòn Hèo, Tỉnh ủy đã lãnh đạo các cơ quan quân - dân - chính - Đảng,



Đồng chí Trần Quỳnh, Bí thư Tỉnh ủy
(1948 - 1949)

Nhân dân trong khu căn cứ đánh bại cuộc hành quân “Bão táp” (Opération typhon) kéo dài 21 ngày đêm (từ ngày 10-12 đến ngày 29-12-1949) với sự tham gia của trên 4.000 quân địch, có 7 máy bay và 6 tàu chiến yểm trợ.

Ngày 13-02-1949, Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị cán bộ bất thường. Đồng chí Trần Quỳnh, Bí thư Tỉnh ủy được cấp trên điều đi công tác khác. Hội nghị bầu bổ sung một số đồng chí vào Tỉnh ủy và bầu đồng chí Trương An làm Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Võ Phước Lý (Tước) làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Sau một thời gian ngắn, đồng chí Trương An nhận công tác khác, đồng chí Tôn Thất Vỹ làm Bí thư Tỉnh ủy.

Tháng 6-1949, Tỉnh ủy mở Hội nghị cán bộ toàn tỉnh để quán triệt tình hình, nhiệm vụ mới của cả nước, của toàn Liên khu, đánh giá tình hình địa phương qua những tháng đầu năm 1949 và đề ra nhiệm vụ cụ thể nhằm thực hiện phương hướng chiến lược của Đảng là: “Tích cực cầm cự, chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công”. Hội nghị cũng đặt ra kế hoạch xây dựng và phát triển “Đảng quần chúng đông đảo và mạnh mẽ” theo Đề án của Liên Khu ủy. Tỉnh ủy lãnh đạo đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào đấu tranh của quần chúng nổi lên nhiều nơi như Diên Khánh, Vĩnh Xương, Nha Trang.

Cuối năm 1949, đoàn cán bộ của tỉnh về Khu họp, khi thuyền ra đến bến Hòn Khói thì bị địch phát hiện, bao vây. Đồng chí Võ Phước Lý, Phó Bí thư Tỉnh ủy bị bắt và sau đó bị bắn.

Như vậy, từ khi Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa được thành lập đến Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I (3-1950) đã có 08 đồng chí được bầu (hoặc được điều động, chỉ định) làm Bí thư Tỉnh ủy, gồm các đồng chí: Trần Hữu Duyệt, Phan Đáng, Đoàn Bá Thừa, Trịnh Huy Quang, Mai Dương, Trần Quỳnh, Trương An, Tôn Thất Vỹ.



Đồng chí Trương An, Bí thư Tỉnh ủy (1949)



Đồng chí Tôn Thất Vỹ, Bí thư Tỉnh ủy
(1949 - 1951)

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA LẦN THỨ I

Đại hội diễn ra từ ngày 10 đến ngày 17-3-1950, tại Hòn Ngang (Hòn Hèo, huyện Ninh Hòa - nay là thị xã Ninh Hòa). Về tham dự Đại hội có trên 100 đại biểu thay mặt cho 2.949 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Chủ đề của Đại hội: “Hoàn thành chuẩn bị tổng phản công, chuyển mạnh sang tổng phản công”.

Đại hội đã kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết của Tỉnh ủy. Đại hội cũng phân tích những nét lớn của tình hình thế giới từ năm 1949 đến đầu năm 1950; tình hình chuẩn bị tổng phản công trong toàn quốc, trong Liên khu 5 và đi sâu kiểm điểm tình hình chuẩn bị tổng phản công trong tỉnh.

Đại hội nhận định: Trong năm 1949, địch đã lập thêm các đồn bót và đóng thêm nhiều tháp canh; chúng bắt dân dồn làng đến gần đồn bót; bắt dân ngủ tại đồn, tập trung lúa vào đồn để chúng dễ kiểm soát. Đồng thời, chúng đẩy mạnh các hoạt động gián điệp ở vùng thượng du (miền núi). Những thủ đoạn này của địch đã gây cho ta nhiều thiệt hại.

Trước âm mưu, thủ đoạn của địch, Tỉnh ủy lãnh đạo tiến hành nhiều hoạt động quân sự. Trong Thu Đông 1948, ta đã đánh nhiều trận thắng ở Bắc Khánh Hòa như: Trận tiêu diệt đồn Phước Thuận, trận Phước Mỹ, các trận đánh phục kích đường giao thông ở Vạn Ninh... Tiếp đó, trong Xuân Hè 1949, tiêu diệt nhiều sinh lực địch ở Nam Khánh Hòa như: Trận hạ đồn Đại Điền Trung, đồn Trại Cá, trận Xuân Hiệp... Tại Nha Trang, Cam Ranh cũng có những chiến công vang dội của các đội biệt động. Công tác địch vận cũng được đẩy mạnh, hàng trăm lính ngụy bỏ súng. Phong trào dân quân tại Vĩnh Xương, Diên Khánh lên cao. Tại đại hội nuôi quân tổ chức ở Đồng Bò, gần 1.000 đồng bào vùng địch hậu Vĩnh Xương, Nha Trang đã ủng hộ 80.000 đồng Đông Dương. Bước vào Thu Đông 1949, ta mở chiến dịch tại Nam Khánh Hòa. Tuy nhiên, chiến dịch không đạt kết quả như mong muốn. Sau chiến dịch, phong trào kháng chiến ở Khánh Hòa sa sút và gặp nhiều khó khăn.

Về công tác chính quyền, Đại hội đánh giá cao việc thành lập hội đồng nhân dân xã trong toàn tỉnh vào năm 1949. Các ủy ban kháng chiến hành chính xã cũng được bầu lại sau khi thành lập hội đồng nhân dân xã. Việc cải thiện đời sống dân sinh cho Nhân dân có nhiều tiến bộ. Tiêu biểu như xã Phát Đạt (nay là 02 xã Ninh Phước và Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa) đã thanh toán nạn mù chữ và đã giải quyết được nạn đói, xã Phước Trung (nay là xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa) cũng đã giải quyết được



Quang cảnh nơi diễn ra
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ I (3-1950).

nạn đói cho Nhân dân. Việc phá tề mạnh và diễn ra liên tiếp ở Nam Khánh Hòa. Công tác thi đua ái quốc đã trở thành nền nếp trong toàn tỉnh.

Về công tác dân vận và Mặt trận, Đại hội đã kiểm điểm công tác dân vận, phân tích diễn biến tư tưởng của Nhân dân trước các âm mưu, thủ đoạn mới của địch. Từ năm 1948, phong trào tiến về làng diễn ra rầm rộ, sôi nổi, kịp thời đã gây được ảnh hưởng tốt đến quần chúng. Tuy nhiên, qua năm 1949, việc tiến vào vùng địch hậu diễn ra tốt ở Nam Khánh Hòa còn ở Bắc Khánh Hòa bị sa sút. Đại hội cũng lưu ý tinh thần cầu an trong một bộ phận Nhân dân ở đồng bằng, những đặc điểm riêng về sinh hoạt, về phong tục của đồng bào miền núi nhằm tuyệt đối tránh chủ quan và đề ra những phương châm, phương pháp công tác dân vận thích hợp. Đối với công tác mặt trận dân tộc thống nhất, ta đã tiến hành thành công việc thống nhất Việt Minh và Liên Việt tỉnh thành Mặt trận Liên Việt tỉnh. Vì thế, cần phải làm cho quần chúng thấy được ý nghĩa quan trọng của sự thống nhất 02 tổ chức này, phát huy uy tín của Mặt trận Liên Việt tỉnh, mở rộng hơn nữa khối đại đoàn kết dân tộc cho công cuộc kháng chiến.

Về kinh tế, tài chính, năm 1949, ta gặp nhiều khó khăn do chính sách dồn dân, ngu dân của địch. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy đã đặt ra vấn đề cần phải tự túc lương thực bằng cách làm ruộng hoang và bảo vệ mùa

màng. Năm 1949, toàn tỉnh làm được 2.011 mẫu ruộng bị bỏ hoang. Việc sản xuất tự túc đã trở thành phong trào thi đua trong các cơ quan cấp tỉnh. Việc bảo vệ mùa màng, chống địch cướp lúa được các địa phương ở Nam Khánh Hòa thực hiện tốt. Việc phá hoại kinh tế địch có bước tiến, ta đã đốt kho Charner, kho Lục Lộ (Nha Trang), gây cho địch nhiều thiệt hại lớn. Việc tổ chức sản xuất tập thể, thành lập các nông đoàn được thực hiện, mang lại thành công như ở Hòn Khói, Tân Hưng, Tây Sơn (Ninh Hòa). Về tài chính, so với năm 1948, năm 1949, thu ngân sách đạt gấp hơn 2 lần; đồng tiền Việt Nam đã được sử dụng tại một số thôn. Tuy nhiên, chế độ tài chính chưa được thực hiện thống nhất, đồng tiền Việt Nam chưa được lưu thông rộng rãi trong tỉnh.

Về giáo dục, văn hóa, năm 1948, ta đã thành lập Ty học vụ nhằm phụ trách bình dân học vụ, giáo dục tiểu học và bồi dưỡng văn hóa cho cán bộ. Tính đến năm 1949, toàn tỉnh đã có 13 thôn thanh toán xong nạn mù chữ, đã tổ chức được 19 trường tiểu học với 422 học sinh. Về văn hóa, năm 1949, ta đã thành lập một ban liên lạc văn nghệ để tiến tới thành lập một tổ chức văn nghệ chính thức, có nhiệm vụ sáng tác văn nghệ kháng chiến, phổ biến văn nghệ mới trong vùng địch kiểm soát và chống tuyên truyền của địch.

Về công tác xây dựng Đảng, đến cuối năm 1949, toàn Đảng bộ tỉnh có 2.949 đảng viên (933 chính thức,

2.016 dự bị), tăng gấp 5 lần so với con số đại biểu hội nghị tháng 2/1949. Việc phát triển đảng viên ở vùng địch hậu, nữ giới đã được quan tâm hơn. Đa số đảng viên được kết nạp có ý thức khá về Đảng, có nhiều thành tích chống giặc, có năng lực lãnh đạo quần chúng. Công tác huấn luyện đảng viên được đẩy mạnh, riêng năm 1949 mở lớp với 1.729 học viên tham dự, đạt hơn một nửa tổng số đảng viên.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Đại hội đã chỉ ra một số hạn chế: Cuộc vận động rèn cán, chỉnh quân trong dân quân chưa được quan tâm đúng mức, cả về chiến thuật, trang bị và công tác chính trị. Công tác địch vận còn nhiều khuyết điểm, nhất là ở Bắc Khánh. Cấp ủy, chính quyền nhận thức còn hạn chế về lãnh đạo quân sự và vai trò trong việc phát triển phong trào dân quân. Mỗi quan hệ chỉ đạo công tác quân sự chưa có sự phối hợp thống nhất giữa Tỉnh ủy và Chính ủy (Trung đoàn 803). Việc bố trí cán bộ hội đồng nhân dân, ủy ban kháng chiến hành chính xã còn hạn chế. Công tác huấn luyện cán bộ hội đồng nhân dân, ủy ban kháng chiến hành chính chưa theo kịp yêu cầu đề ra. Việc cải tiến lề lối làm việc còn chậm, nhiều công việc không giải quyết theo pháp luật, chủ yếu dựa trên thói quen, kinh nghiệm. Việc chuyên môn hóa hoạt động của các cơ quan, của từng cán bộ ít được chú ý. Công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền đôi khi thiên về mệnh lệnh, không lắng nghe ý kiến của người dân. Việc cải thiện

đời sống Nhân dân còn hạn chế, nhất là công tác đấu tranh đòi cải thiện đời sống dân sinh ở vùng địch kiểm soát. Chưa huy động được sức mạnh của quần chúng đứng lên phá tề, phá nguy quyền; không quan tâm xây dựng chi bộ tự động công tác. Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu quan điểm quần chúng, chủ quan khinh địch, có tư tưởng bi quan mỗi lúc tình hình biến chuyển gay go, dễ bất mãn mỗi khi bị phê bình chỉ trích, thiếu ý thức giai cấp.

Để “gấp rút hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị tổng phản công chuyển mạnh sang tổng phản công”, Đại hội đề ra nhiệm vụ chung: “Ra sức phát triển chiến tranh du kích và chiến tranh nhân dân đến cực độ, thu hẹp phạm vi hoạt động của địch. Làm hao tổn nhiều người, vật chất và tinh thần của địch về mọi mặt, quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, triệt phá mọi nguồn bổ sung quân sự, chính trị, kinh tế của địch. Bổ sung lực lượng quân sự, chính trị, kinh tế của ta, kiên quyết động viên sức người, sức của sâu rộng”.

Đại hội đề ra các nhiệm vụ cụ thể năm 1950 là:

- *Về quân sự*: Cần nắm vững các phương châm phối hợp với chiến trường chính Bắc Bộ và các chiến trường trong Liên khu. Áp dụng linh động phương châm chiến lược: Đẩy mạnh vận động chiến, đưa vận động chiến lên hàng chủ yếu, du kích chiến là phụ, đồng thời tập đánh trận địa chiến. Xây dựng cơ sở du kích mạnh mẽ

ở Nha Trang, Cam Ranh. Xây dựng bộ đội địa phương hùng hậu thay thế chủ lực tập trung, đề cao công tác địch vận. Xây dựng căn cứ địa, làng chiến đấu của ta.

- *Về công tác chính quyền*: Tổng động viên nhân tài, vật lực, phục vụ tiền tuyến và đẩy mạnh chiến tranh nhân dân. Phối hợp các hoạt động dân vận, chính quyền và quân sự, ra sức phá tan bộ máy chính trị, chính quyền và những mưu mô mới của địch.

- *Về kinh tế, tài chính*: Tích cực huy động Nhân dân bao vây, phá hoại kinh tế địch. Đẩy mạnh tăng gia sản xuất, dự trữ lương thực và giảm tô 25%. Thực hiện sản xuất theo các hình thức tập thể. Phá tan âm mưu phá hoại kinh tế ta của địch, tiến tới tự túc tài chính và lưu thông rộng rãi đồng tiền Việt Nam.

- *Về văn hóa, giáo dục*: Thanh toán nạn mù chữ; khuyến khích sáng tác văn nghệ trong cán bộ và Nhân dân. Phổ biến văn hóa của ta vào các đô thị và vùng địch hậu, phá văn hóa địch. Phối hợp công tác giáo dục và công tác đào tạo cán bộ.

- *Về công tác dân vận, Mặt trận*: Đại hội nhấn mạnh phải tin tưởng sức mạnh của quần chúng, đặt quyền lợi của dân lên trên hết, phải biết cách động viên quần chúng thi hành chính sách của Đảng, tránh mệnh lệnh, áp đặt; tăng cường giác ngộ ý thức cách mạng cho quần chúng. Các tổ chức quần chúng cần được tổ chức chặt chẽ, tổ chức sinh hoạt đều và gắn với việc cải thiện

đời sống dân sinh của Nhân dân. Phát triển và củng cố Mặt trận Liên Việt. Đề cao vai trò của công nông, tăng cường công tác Hoa vận, thương du vận. Mở rộng cơ sở địch vận.

- *Về xây dựng Đảng*: Đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên, có kế hoạch, tránh bừa bãi; đề cao đạo đức cách mạng. Xây dựng chi bộ tự động. Đẩy mạnh học tập lý luận, đào tạo cán bộ. Kiện toàn bộ máy đảng, chính quyền từ tỉnh xuống xã, sửa đổi phương thức lãnh đạo và lề lối làm việc. Việc phát triển đảng viên, tuyển cán bộ, tuyển quân phải thận trọng để tránh người của địch lọt vào hàng ngũ ta. Đồng thời, cũng không hoang mang, dao động, phải đề phòng kế ly gián của địch. Công tác tuyên truyền, giác ngộ quần chúng là nhiệm vụ rất quan trọng; phải bám sát đường lối của Đảng, chống các khuynh hướng tuyên truyền qua loa, không sâu sắc, không liên tục, không cụ thể, không dễ hiểu, không linh động, không kịp thời, không phối hợp...; chống các luận điệu tuyên truyền của địch. Các cơ quan chính quyền, quân sự (tỉnh báo, công an) và tất cả các đảng viên phải làm tai mắt cho Đảng trong công tác phòng gian, đề phòng âm mưu tổ chức gián điệp của địch.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 13 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 06 đồng chí, đồng chí Tôn

Thất Vỹ làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Mai Liêm làm Phó Bí thư Tỉnh ủy .

Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

1. Đồng chí Tôn Thất Vỹ - Bí thư Tỉnh ủy.
2. Đồng chí Mai Liêm - Phó Bí thư Tỉnh ủy.
3. Đồng chí Lê Đoan.
4. Đồng chí Lê Thái Hòa.
5. Đồng chí Lê Thanh Liêm.
6. Đồng chí Hồ Ngọc Nhưường.

Tỉnh ủy viên:

7. Đồng chí Đặng Vinh Hàm.
8. Đồng chí Lê Huy Phát.
9. Đồng chí Nguyễn Sinh.
10. Đồng chí Nguyễn Kim Toàn.
11. Đồng chí Trần Nguyên Tích.
12. Đồng chí Nguyễn Đức Trí.
13. Đồng chí Lưu Văn Trọng.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA LẦN THỨ II

Đại hội được tiến hành vào tháng 12-1951, tại căn cứ Đá Bàn, huyện Ninh Hòa (nay là thị xã Ninh Hòa). Về tham dự Đại hội có 130 đại biểu thay mặt cho toàn đảng viên trong Đảng bộ. Đồng chí Nguyễn Côn, Ủy viên Ban Thường vụ Liên Khu ủy Khu 5 dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I đề ra. Đại hội khẳng định vai trò thiết thực của căn cứ Đá Bàn đối với phong trào kháng chiến của tỉnh. Công tác xây dựng cơ sở, xây dựng lực lượng có những tiến bộ nhất định. Sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và các huyện, thị ủy bắt đầu có chuyển biến trong tư tưởng, tác phong và lề lối làm việc tỏ rõ sát việc, sát phong trào hơn trước. Tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang có tinh thần chịu đựng gian khổ, hy sinh. Nhân dân trong vùng địch kiểm soát vẫn hướng về cách mạng, tin tưởng Bác Hồ và Đảng. Tỉnh ủy và các huyện ủy, thị ủy đã quan tâm chỉ đạo lực lượng vũ trang, kể cả các đơn vị chủ lực biệt phái hoạt động trên địa bàn tỉnh. Mọi quan hệ giữa lực lượng chính



Căn cứ Đá Bàn (Ninh Hòa), nơi diễn ra
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ II (12-1951).

trị, lực lượng bán vũ trang địa phương và bộ đội chủ lực từng bước được điều chỉnh đúng đắn, hợp quy luật phát triển của chiến tranh nhân dân, đồng thời phù hợp với thực tế của chiến trường vùng tạm chiếm. Qua cuộc vận động phê bình và tự phê bình, công tác xây dựng Đảng đạt được kết quả bước đầu, cán bộ của tỉnh được tôi luyện và trưởng thành trong chiến đấu. Nhận thức về xây dựng “một đảng quân chúng đông đảo và mạnh mẽ” được phổ biến rộng rãi trong Đảng bộ. Các cuộc đấu tranh giành lúa, vận động Nhân dân tự bảo vệ quyền lợi cho mình đạt được một số kết quả.

Đại hội đã chỉ ra mặt yếu của phong trào cách mạng là phương châm “kiên trì vận động cách mạng” chưa được quán triệt sâu sắc trong toàn Đảng bộ. Việc truyền đạt nhiệm vụ chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công còn vội vàng, lúc đầu gây được không khí lạc quan, chờ đợi trong cán bộ và Nhân dân, nhưng khi nghe “phải kiên trì vận động cách mạng”, “kháng chiến trường kỳ gian khổ, tự lực cánh sinh” thì một số tỏ ra bi quan, lo lắng. Việc xây dựng cơ sở gặp rất nhiều khó khăn do Nhân dân bị tập trung ngũ đồn, hầu hết cán bộ thôn, xã thoát ly lên chiến khu, thỉnh thoảng mới về làng. Những nơi ở sâu trong lòng địch, cán bộ ta ít gặp được dân, có nơi về được nhưng vì không có hầm bảo đảm nên bị thương vong, tổn thất. Chủ trương và chính sách của mặt trận chưa thấm nhuần trong cán

bộ, đảng viên. Một số nơi, chưa tập hợp được đồng bào tôn giáo, dân tộc thiểu số, công thương gia... tham gia mặt trận chống đế quốc nên họ càng xa lánh, ít hiểu công việc kháng chiến. Chính sách lôi kéo nguy quân, nguy quyền ủng hộ phong trào đấu tranh chưa đạt hiệu quả.

Trong xây dựng lực lượng vũ trang còn nặng về xây dựng bộ đội tập trung, thiếu quan tâm đầy đủ lực lượng dân quân, du kích; tách rời cơ sở quần chúng với cơ sở dân quân, du kích và lực lượng vũ trang tập trung. Năm 1950, trước hoàn cảnh khó khăn, thiếu cân nhắc trong việc rút hàng loạt du kích tập trung xã bổ sung cho quân chủ lực đã làm cho dưới bị “hồng chân”, do đó lực lượng du kích xã trở nên yếu và hao mòn, tan rã dần qua các lần bị địch đánh úp.

Bên cạnh đó, quan niệm phát triển Đảng của ta không đúng, từ chỗ quá hẹp hòi, khắt khe đến phát triển rộng rãi, bừa bãi dẫn đến kết nạp đảng một số người không đủ tiêu chuẩn, ý thức về Đảng và giai cấp kém. Hậu quả là những năm 1951-1952, khi phong trào gặp khó khăn, không ít đảng viên tỏ ra tiêu cực, cầu an, bỏ công tác, bỏ sinh hoạt đảng, không thi hành các nghị quyết của Đảng. Đảng bộ cũng chưa nắm vững chỉ đạo của Trung ương về việc tạm ngưng kết nạp đảng viên mới, dẫn đến việc dừng luôn tuyên truyền gây ảnh hưởng cho Đảng, đồng thời không chú ý kết

nap đảng đối với những trường hợp đặc biệt trong các thành phần như công nhân, nông dân, lực lượng vũ trang và bán vũ trang có thành tích trong phong trào thi đua, hăng hái trong công việc, lập nhiều chiến công ngoài mặt trận. Chưa quan tâm đúng mức đến việc bồi dưỡng, đào tạo cán bộ địa phương và đề bạt cán bộ nữ.

Về lãnh đạo đấu tranh, nhất là những cuộc đấu tranh giành lúa, các cấp ủy đặt thành nhiệm vụ lớn, bỏ ra công sức nhiều nhưng kết quả chưa cao; việc đưa lúa lên núi, một phần ta sử dụng, một phần bị địch cướp bóc, đốt phá, một phần do thú rừng ăn làm hư hại.

Bằng việc đưa ra những vấn đề quan trọng, nêu rõ thực tế, vạch rõ sai lầm, Đại hội biểu thị thái độ kiên quyết sửa chữa khuyết điểm.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 15 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 5 đồng chí, đồng chí Nguyễn Xuân Hữu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Lê Thanh Liêm làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

1. Đồng chí Nguyễn Xuân Hữu - Bí thư Tỉnh ủy.
2. Đồng chí Lê Thanh Liêm - Phó Bí thư Tỉnh ủy.

(*) Báo cáo chính trị của Đại hội không thể hiện phân phương hướng, mục tiêu; chưa tìm thấy Nghị quyết của Đại hội.

3. Đồng chí Lê Doan.
4. Đồng chí Hồ Ngọc Nhưường.
5. Đồng chí Nguyễn Sinh.

Tỉnh ủy viên:

6. Đồng chí Tôn Thất Chí.
7. Đồng chí Mai Xuân Cống.
8. Đồng chí Đặng Vinh Hàm.
9. Đồng chí Lê Hình.
10. Đồng chí Tô Văn Ôn.
11. Đồng chí Trần Nguyên Tích.
12. Đồng chí Nguyễn Thúc Tịnh.
13. Đồng chí Nguyễn Kim Toàn.
14. Đồng chí Nguyễn Đức Trí.
15. Đồng chí Lưu Văn Trọng.

Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, trước yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ mới, tháng 8-1954, Liên Khu ủy Khu 5 chọn một số đồng chí Tỉnh ủy viên cũ, để thành lập Tỉnh ủy bí mật do đồng chí Lê Thanh Liêm làm Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Mai Xuân Cống làm Phó Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Đặng Vinh Hàm làm Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Sau đó, đồng chí Nguyễn Xuân Hữu về lại Khánh Hòa giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Lê Thanh Liêm. Không lâu sau, đồng chí Nguyễn Xuân Hữu được phân công công tác khác, đồng chí Lê Thanh Liêm trở lại cương vị Bí thư Tỉnh ủy.



Đồng chí Nguyễn Xuân Hữu,
Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khóa IV, V Bí thư Tỉnh ủy
(1951- 1954, 1975 - 1986)



Đồng chí Lê Thanh Liêm, Bí thư Tỉnh ủy
(1954 - 1957, - 1960)



Đồng chí Lê Văn Hiền, Bí thư Tỉnh ủy
(1957 -)



Đồng chí Tô Văn Ổn,
Quyền Bí thư Tỉnh ủy (1960 - 1961),
Bí thư Tỉnh ủy (1964 - 1965)

Tháng 3-1956, đồng chí Mai Xuân Công, Phó Bí thư Tỉnh ủy bị địch bắt. Tháng 8-1956, đồng chí Trần Nguyên Tích được cử giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Cuối năm 1957, đồng chí Lê Văn Hiền, Phó Bí thư Liên Tỉnh ủy 3, kiêm Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận được điều ra làm Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa thay đồng chí Lê Thanh Liêm ra hoạt động hợp pháp.

Sau đó, có chủ trương đưa các đồng chí hoạt động hợp pháp trở về căn cứ, trong đó có đồng chí Lê Thanh Liêm. Khu ủy Khu 5 điều động đồng chí Lê Văn Hiền nhận công tác khác và chỉ định đồng chí Lê Thanh Liêm làm Bí thư Tỉnh ủy.

Tháng 3-1960, dưới sự lãnh đạo của Liên Tỉnh ủy 3, miền núi tỉnh Khánh Hòa nhập với huyện Bắc Ái (Ninh Thuận) thành khu Ái - Vĩnh - Sơn. Về mặt Đảng, lãnh đạo khu Ái - Vĩnh - Sơn là Ban Cán sự miền Tây do đồng chí Lê Tụng làm Bí thư, một thời gian sau do đồng chí Mai Xuân Thưởng làm Bí thư. Tỉnh ủy lúc này chỉ phụ trách khu vực đồng bằng Khánh Hòa. Sau khi đồng chí Lê Thanh Liêm mất sau một cơn ốm nặng, đồng chí Tô Văn Ôn được cử làm Quyền Bí thư Tỉnh ủy.

Tháng 8-1961, sau khi Ban Cán sự miền Tây sáp nhập vào Tỉnh ủy Khánh Hòa, đồng chí Tô Văn Ôn tiếp tục làm Quyền Bí thư Tỉnh ủy. Đồng thời, cũng trong tháng 8-1961, đồng chí Mai Dương, Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên được Khu ủy điều làm Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA LẦN THỨ III

Đại hội được tiến hành vào tháng 2-1962 tại buôn A Xây, phía Tây Nam Hòn Dù, huyện Vĩnh Khánh (nay là huyện Khánh Vĩnh) - đây là Đại hội đại biểu đầu tiên trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Về tham dự Đại hội có 40 đại biểu thay mặt cho toàn đảng viên trong Đảng bộ.

Đại hội tập trung đánh giá tình hình, tổng kết kinh nghiệm chỉ đạo đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, kinh nghiệm vận dụng “hai chân, ba mũi giáp công”, công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị, kinh nghiệm phá ấp chiến lược, phá kềm.

Đại hội đã đề ra những chủ trương lớn:

- Tập trung sức xây dựng cơ sở ở nông thôn đồng bằng, tiếp tục phá kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược của địch. Tích cực bám dân, bám cơ sở, chú trọng đào hầm bí mật, bám địa bàn vùng sâu, ven đường giao thông chiến lược, căn cứ quân sự địch.

- Phát triển cơ sở ở thị xã, thị trấn, tăng cường cán bộ cho Nha Trang, chú trọng khu vực Đá Bạc, Ba Ngòi.



Thôn A Xây, huyện Vĩnh Khánh,
nơi diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ III
(2-1962)

- Củng cố miền núi thành chỗ dựa vững chắc cho phong trào đồng bằng, tạo thế liên hoàn với vùng căn cứ của các tỉnh Ninh Thuận, Đắk Lắk và Lâm Đồng. Tích cực tăng gia sản xuất, coi cây mì là chiến lược, bắp, lúa là quan trọng, phát triển trồng bông để giải quyết một phần vải mặc cho dân, khơi luồng tiếp tế muối, vải, nông cụ cho miền núi.

- Khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang ở đồng bằng và miền núi.

- Kiện toàn sự chỉ đạo của Đảng bộ, tiến hành đại hội ở cấp huyện.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 13 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm có 05 đồng chí, đồng chí Mai Dương làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Tô Văn Ôn làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

1. Đồng chí Mai Dương - Bí thư Tỉnh ủy.
2. Đồng chí Tô Văn Ôn - Phó Bí thư Tỉnh ủy.
3. Đồng chí Phạm Thành Huyền.
4. Đồng chí Lưu Văn Trọng.
5. Đồng chí Lê Tụng.

Tỉnh ủy viên:

6. Đồng chí Hà Huy An.
7. Đồng chí Nguyễn Châu (Châu Râu).

8. Đồng chí Võ Cứ.
9. Đồng chí Nguyễn Quý Hanh.
10. Đồng chí Nguyễn Lương.
11. Đồng chí Trần Văn Quế (Mười Kinh).
12. Đồng chí Mai Xuân Thưởng.
13. Đồng chí Huỳnh Tường.

Tháng 2-1964, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng tại thôn A Xây (Hòn Dũ) đã bầu đồng chí Tô Văn Ổn làm Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Mai Dương được Khu ủy Khu 5 điều động nhận công tác khác. Hội nghị cũng bầu đồng chí Lưu Văn Trọng làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA LẦN THỨ IV

Đại hội diễn ra vào tháng 02-1965 tại Suối Bún (Hòn Dữ), huyện Vĩnh Khánh (nay là huyện Khánh Vĩnh). Tham dự Đại hội có trên 100 đại biểu đại diện cho đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Mai Dương, Khu ủy viên Khu 5, Phó Bí thư Liên Tỉnh ủy 3 dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội lần này là đại hội vui thắng lợi của việc giải phóng một phần nông thôn đồng bằng trong phong trào Đồng khởi cuối năm 1964. Đại hội đã đi sâu kiểm điểm quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng của tỉnh từ sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III đến đầu năm 1965. Đại hội khẳng định “nhờ được tôi luyện qua chiến tranh, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương, Khu ủy, Đảng bộ đã có nhiều kinh nghiệm và đã thu thắng lợi lớn trong chấp hành chủ trương nỗ lực phá ấp, phá kềm, khởi nghĩa từng phần mở rộng vùng làm chủ nông thôn, thay đổi dần tương quan giữa ta và địch”; “tương quan địch ta trong tỉnh có nhiều thay đổi nhảy vọt. Thề địch đã chuyển vào bị động, thế ta đã đủ điều kiện để liên tục tấn công”. Đại hội phân tích cụ thể đặc điểm tình hình mới trong tỉnh:

Về phía địch, trên toàn miền Nam, địch đang trên đà thất bại. Trong tỉnh, địch cũng lâm vào tình trạng bị động nghiêm trọng. Trước phong trào Đồng khởi phá ấp chiến lược, địch từ chỗ có một vùng ấp chiến lược rộng lớn để làm chỗ dựa đánh vào các căn cứ cách mạng thì nay bị thu hẹp. Bộ máy chính quyền thôn xã không còn đủ sức kèm kẹp quần chúng, không còn uy tín để lừa bịp Nhân dân. Xu hướng hòa bình trung lập, đòi chấm dứt chiến tranh không chỉ ở trong quần chúng, mà đã lan rộng vào hàng ngũ địch.

Về phía ta, Đảng bộ đã được tôi luyện qua nhiều thời kỳ đấu tranh cách mạng; phong trào của các địa phương trong tỉnh có nhiều tiến bộ mới. Vùng căn cứ được mở rộng và nối liền hầu hết giữa các huyện, tạo một thể liên hoàn rộng rãi. Vùng giải phóng tương đối rộng và cài răng lược với địch, chiếm trên 1/3 dân số toàn tỉnh. “Ba mũi giáp công” đã trở thành phương châm tự giác của Nhân dân. Quần chúng đã dám sử dụng bạo lực cách mạng, đứng dậy phá tan ấp chiến lược, xóa bỏ kèm kẹp của địch; dám biểu tình, rượt dân vệ, truy ác ôn; tham gia các cuộc biểu tình chính trị trực diện vào các thị xã, thị trấn. Lực lượng vũ trang, bán vũ trang, đội ngũ chính trị, binh vận trong tỉnh cũng phát triển khá.

Bên cạnh đó, Đại hội cũng chỉ ra những hạn chế: Công tác xây dựng làng chiến đấu để đảm bảo yêu



Căn cứ Hòn Dũ, huyện Vĩnh Khánh,
nơi diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ IV
(2-1965)

cầu làm chủ còn chậm. Công tác phát triển Đảng còn hạn chế và chưa đều. Phong trào đấu tranh chính trị chưa theo kịp phong trào đấu tranh vũ trang. Phong trào phát triển không đều và không nhanh; vùng giải phóng rộng mà vùng làm chủ còn hẹp. Khó khăn sắp đến là sau bão lụt, nạn sâu, chuột, mùa lúa đã mất đến 50% sản lượng lương thực; nhiều khả năng sẽ đói kém nặng, trạng thái đấu tranh giữa ta và địch cũng sẽ diễn ra ác liệt hơn.

Mặc dù có nhiều hạn chế, khó khăn nhưng Đại hội nhận định triển vọng của phong trào cách mạng trong giai đoạn mới: “Địch đã suy nhược nặng, thế kìm kẹp bị lỏng đi nhiều, phong trào quần chúng đang quật khởi, cao trào khởi nghĩa phát triển nhanh. Thế của ta đang chuyển lên tấn công dồn dập; vùng làm chủ nhất định sẽ phát triển gấp bội, thực lực ta sẽ được tăng cường, tạo điều kiện để đón thời cơ tổng công kích tổng khởi nghĩa”.

Do tình hình thực tiễn thay đổi thường xuyên, được sự đồng ý của Khu ủy Khu 5, Đại hội không vạch ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ 02 năm (theo Điều lệ Đảng được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng thông qua) mà chỉ vạch ra phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong năm 1965 là:

Thứ nhất, khẩn trương nâng cao hơn nữa nhận thức của toàn Đảng bộ, toàn quân; bám sát quần chúng, ra

sức mở rộng cơ sở vào vùng sâu (tức vùng địch kiểm soát) và cả trong hàng ngũ địch, liên tục phát động quần chúng phá kèm, khởi nghĩa ở nông thôn. Nỗ lực giành lại hầu hết nông thôn đồng bằng và các vùng địch còn kiểm soát ở miền Tây (kể cả dinh điền), phá lỏng kèm kẹp của địch ở các thị trấn, thị xã và nỗ lực giải phóng một số cứ điểm, quận lỵ

Thứ hai, nâng cao phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, khẩn trương xây dựng làng chiến đấu, phát triển phong trào chiến tranh du kích, nỗ lực củng cố vùng giải phóng; vùng mới mở ra đạt tiêu chuẩn làm chủ; bảo đảm nhiệm vụ giành và giữ nguồn nhân, vật lực ở nông thôn. Đồng thời, tích cực củng cố giữ vững vùng căn cứ, liên tục mở rộng vùng căn cứ xuống đồng bằng, tạo thành thế liên hoàn.

Thứ ba, đẩy mạnh sản xuất và tiết kiệm, phát động quần chúng đấu tranh chống địch bao vây và phá hoại kinh tế, tích cực và chủ động chống đói, phòng đói, bảo đảm thể đứng kiềng ba chân (kinh tế, vũ trang, chính trị) cho các vùng căn cứ, để phục vụ cho việc giữ vững và phát triển thế tấn công ba mặt (chính trị, vũ trang, binh vận).

Thứ tư, nắm vững phương châm đấu tranh trường kỳ, nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh. Ra sức nhanh chóng xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang để đẩy mạnh đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang.

Tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, làm thất bại âm mưu càn quét đánh phá, lấn chiếm, gom dân lập ấp chiến lược của chúng. Đẩy địch nhanh vào thế bị động, tan rã sâu sắc hơn, thu hẹp vùng địch, mở rộng vùng cách mạng. Nhanh chóng tăng cường thực lực của ta về mặt chính trị, quân sự và kinh tế.

Để đảm bảo thực hiện tốt các phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trên, Đại hội xác định các yêu cầu chỉ đạo cụ thể trong tỉnh:

Thứ nhất, lấy công tác “phá ấp, phá kèm” làm trọng tâm; lấy công tác xây dựng Đảng làm nền tảng quyết định. Đồng thời, nhấn mạnh ba mặt công tác: Chuyển phong trào đấu tranh chính trị, binh vận lên một khí thế mới, quy mô lớn hơn; nâng cao và mở rộng xây dựng thôn xã chiến đấu; đẩy mạnh sản xuất và tiết kiệm, đấu tranh kinh tế với địch, chủ động chống đói, phòng đói.

Thứ hai, nắm vững quan hệ giữa miền Tây với đồng bằng và thị trấn, thị xã. Đại hội xác định nhiệm vụ mở rộng nông thôn đồng bằng là nhiệm vụ trọng tâm, đồng thời không xem nhẹ nhiệm vụ củng cố miền Tây. So sánh giữa miền núi và đồng bằng, hai nhiệm vụ trên đều cấp bách như nhau. Cho nên, trước mắt cần phải chú ý thích đáng với nơi nào có nhiều khả năng mở rộng phong trào, thu hẹp được hậu phương địch, giành được nhân tài vật lực nhiều nhất nhưng không lệch phương châm chung.

Đối với miền Tây, cần ra sức đẩy mạnh tấn công mở rộng cơ sở vào vùng địch, coi đây là nhiệm vụ trung tâm trước mắt. Phát động quần chúng “phá ấp, phá kèm” giành lại nguồn nhân tài, vật lực, mở rộng vùng làm chủ, vùng tranh chấp. Xóa tuyến trắng, tạo vùng đệm giữa ta và địch. Tăng cường củng cố các vùng căn cứ hiện có. Động viên toàn Đảng bộ, toàn dân trong tỉnh quyết tâm chống địch càn quét, lấn chiếm; chống gom dân, lập ấp chiến lược, chống biệt kích, giữ vững căn cứ, tạo điều kiện nối liền và mở rộng các căn cứ. Duy trì và phát triển phong trào du kích, đẩy mạnh sản xuất và bảo vệ sản xuất; hỗ trợ kịp thời về nông cụ, giống nuôi, thuốc, áo quần; tích cực bồi dưỡng và cải thiện đời sống Nhân dân, xây dựng lực lượng về mọi mặt.

Đối với đồng bằng, tập trung sức giải quyết nhiệm vụ trọng tâm “phá ấp, phá kèm”, giành lấy khối nhân vật lực dồi dào; tạo điều kiện mở rộng vùng căn cứ xuống đồng bằng.

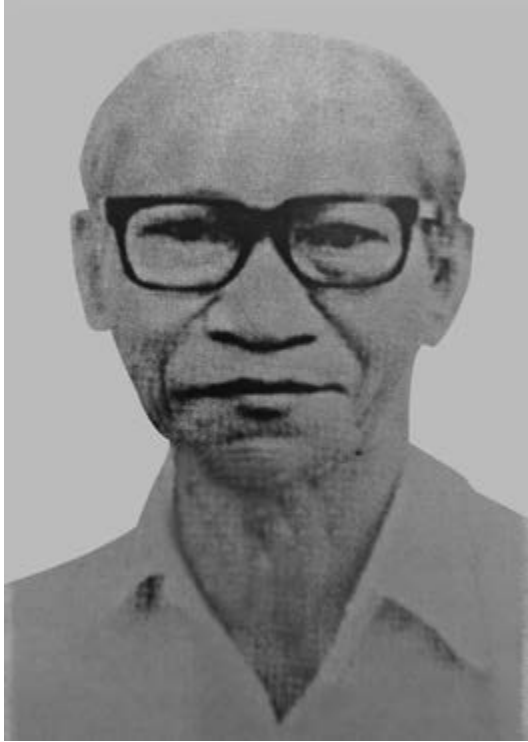
Đối với thị xã, thị trấn, đây là nơi đầu não của địch, cũng là trung tâm của phong trào đấu tranh chính trị; phải nỗ lực phát triển cơ sở ở cả thị trấn, thị xã để đáp ứng sự lãnh đạo phong trào đấu tranh sôi nổi sắp đến. Phải đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị các thị trấn, thị xã để kéo căng địch, phá lỏng kèm kẹp ở vùng đầu não địch, hỗ trợ phong trào nông thôn. Phải

biết dùng bàn đạp nông thôn để phát triển phong trào thị trấn, thị xã.

Thứ ba, về một số mặt công tác cụ thể, Đại hội xác định: Đối với công tác vũ trang, các đơn vị vũ trang phải coi nhiệm vụ bám dân, phát động quần chúng “phá ấp, phá kềm”, kịp thời phát động chiến tranh du kích, xây dựng thôn xã chiến đấu vững chắc, rộng khắp... là nhiệm vụ hàng đầu. Đối với công tác đấu tranh chính trị, tiếp tục đẩy mạnh phong trào của quần chúng, nhất là tại đô thị. Đối với công tác binh vận, đẩy mạnh phong trào đào ră ngũ ngụy quân hơn nữa, vận động binh sĩ ngụy làm nội ứng binh biến khi phá ấp chiến lược đánh đồn bót, nổi dậy binh biến lớn và ly khai chống địch khi có cơ hội. Đối với công tác an ninh, phải quét sạch do thám, gián điệp, đảng phái phản động, không để cho bọn gián điệp ngầm uy hiếp, khống chế quần chúng, nhất là ở vùng địa bàn xây dựng căn cứ. Đối với công tác kinh tế tài chính, phải thực hiện nhanh chóng và đầy đủ việc cứu trợ Nhân dân bị bão lụt; khẩn trương đẩy mạnh sản xuất lương thực cả ở đồng bằng và miền núi, nhất là ở vùng giải phóng. Đối với công tác y tế, cần phát động phong trào vệ sinh, phòng bệnh sâu rộng, mạnh mẽ, tận dụng rộng rãi mọi khả năng sản xuất, tích trữ thuốc. Đào tạo nhiều cán bộ y tế; xây dựng mạng lưới y tế nhân dân khắp vùng giải phóng và căn cứ. Đối với công tác hành lang giao thông, cần tiếp tục củng

cổ các đường hành lang hiện có, tăng cường trang bị, cán bộ, giao liên và các tổ bảo vệ đường. Đối với công tác tuyên huấn, Đại hội chỉ rõ nhiệm vụ chủ yếu của công tác tuyên huấn sắp đến là: Nâng cao trình độ chính trị, lập trường tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, chủ yếu là khắc phục tư tưởng hữu khuynh, phê phán tư tưởng bảo thủ, tư tưởng cá nhân; bồi dưỡng đào tạo cán bộ cho cấp xã, huyện; ra sức tuyên truyền giáo dục, nâng cao trình độ giác ngộ cách mạng cho quần chúng, động viên chính trị cho toàn dân về những nhiệm vụ của Đảng đã đề ra. Đối với công tác thi đua, cần xây dựng và phát huy mạnh những điển hình tốt là ngọn cờ hiệu triệu thi đua. Mở đại hội chiến sĩ thi đua từ dưới lên. Đối với công tác xây dựng Đảng, cần xác định xây dựng tư tưởng là chính, đồng thời coi trọng xây dựng tổ chức. Gắn chặt xây dựng, củng cố Đảng trong phong trào đấu tranh chính trị, binh vận, vũ trang của quần chúng. Dựa vào phong trào đấu tranh của quần chúng để bảo tồn, che giấu lực lượng, bảo vệ Đảng.

Thứ tư, Đại hội xác định cần kiện toàn tổ chức, bộ máy theo phương châm: Từng bước kiện toàn tỉnh, tăng cường huyện, xây dựng củng cố xã thôn; bổ sung, tăng cường cán bộ cho các đội công tác. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc, chăm lo việc giáo dục, đào tạo cán bộ.



Đồng chí Nguyễn Hồng Châu, Bí thư Tỉnh ủy
(1966 - 1970)

Thứ năm, xây dựng và củng cố Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng. Xây dựng cơ sở quần chúng trong thanh niên phải đi đôi với việc xây dựng, phát triển tổ chức Đoàn; chống tư tưởng hẹp hòi, hết sức chú ý công tác nữ thanh niên. Trước mắt, cần tăng số lượng đoàn viên; nhất là ở xã, thôn nơi địch còn kềm kẹp. Nơi có đảng viên thì phải có số lượng đoàn viên ít nhất bằng số đảng viên.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 13 đồng chí. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu đồng chí Tô Văn Ôn làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Lưu Văn Trọng làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Tháng 8-1965, theo quyết định của Khu ủy Khu 5, đồng chí Mai Dương được chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy; 02 đồng chí Tô Văn Ôn và Lưu Văn Trọng được cử làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Đến tháng 7-1966, đồng chí Mai Dương chuyển công tác, đồng chí Nguyễn Hồng Châu (Năm Phở) được Khu ủy Khu 5 chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy.

(*) Hiện chưa tìm thấy Danh sách Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh được bầu tại Đại hội.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA LẦN THỨ V

Đại hội diễn ra từ ngày 01 đến ngày 03-11-1968, tại Gia Ao, huyện Vĩnh Sơn (nay là thị trấn Khánh Vĩnh - huyện Khánh Vĩnh). Về tham dự Đại hội có 106 đại biểu thay mặt cho toàn đảng viên trong Đảng bộ.

Đại hội nhận định trong 04 năm (1965 - 1968), mục tiêu chủ yếu và cơ bản của địch là đánh bật lực lượng cách mạng ra khỏi địa bàn Khánh Hòa, xây dựng Khánh Hòa thành căn cứ quân sự, căn cứ hậu cần an toàn lý tưởng đã không thực hiện được. Trái lại, các lực lượng cách mạng vẫn bám chặt, không chỉ ở miền núi, đồng bằng nông thôn mà cả ở thành thị và ngày càng trưởng thành, càng đánh càng mạnh. Công tác xây dựng căn cứ miền núi có tác dụng to lớn, là nơi đứng chân của các lực lượng của tỉnh, là bàn đạp tiến công các mục tiêu đóng quân của địch, là hậu phương trực tiếp của các huyện đồng bằng. Đó là niềm tự hào, là một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của các lực lượng cách mạng của tỉnh. Phong trào cách mạng vùng nông thôn, đồng bằng được mở rộng, nhiều vùng làm chủ và tranh chấp được mở rộng tận vùng sâu, xây



Thị trấn Khánh Vĩnh, huyện Khánh Vĩnh ngày nay,
nơi diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ V
(11-1968)

dựng được lực lượng chi bộ đảng, chi đoàn thanh niên, du kích, qua đó nắm chắc được quần chúng; phản ánh sự tiến bộ bước đầu trong những cố gắng chịu đựng gian khổ hy sinh, thực hiện quần trụ, bám, xây dựng thực lực bên trong của các lực lượng cách mạng trong tỉnh. Nhờ đó, tạo ra những điều kiện thuận lợi để bước vào triển khai những đợt tiến công lớn đầu năm 1968. Phong trào cách mạng ở thị trấn, thị xã có bước chuyển mới: Bằng việc vạch trần cái xấu của Mỹ, tinh thần ghét Mỹ và chống Mỹ lên cao không chỉ trong quần chúng mà ngay cả một số người làm việc trong nguy quân, nguy quyền. Tình hình này là nhân tố thúc đẩy cuộc đấu tranh của quần chúng bùng nổ với nhiều hình thức phong phú. Trong đó, nổi lên là tự vệ mật - một loại hình vũ trang hoạt động hợp pháp trong lòng địch đã gây ra sự sợ hãi đối với Mỹ-ngụy với nhiều trận đánh, cách đánh thông minh, táo bạo; đồng thời mở ra một khả năng mới cho lực lượng tập trung nói chung và binh chủng nói riêng tại chiến trường Khánh Hòa là có thể tồn tại và hoạt động có hiệu quả trong lòng địch - vùng thành thị - vốn xưa nay địch cho là an toàn nhất.

Sau hàng chục năm bị kèm kẹp, khống chế, đàn áp, đến cuối năm 1964, đầu năm 1965, quần chúng một số vùng trong tỉnh đã vùng dậy đập nát ách kèm kẹp của địch trên 10 xã, giải phóng trên 4 vạn dân ở đồng bằng Nam, Bắc Khánh, mở ra một thế trận mới cho phong trào toàn tỉnh. Lực lượng cách mạng trong tỉnh phát

triển lên một bước mới, nhiều cán bộ mới được đào tạo, bộ đội địa phương một số huyện được xây dựng, tạo điều kiện tốt cho công tác thị xã phát triển, giải quyết nhiều khó khăn kinh tế cho căn cứ miền núi, nâng cao lòng tin tưởng của quần chúng trong tỉnh. Đồng thời đẩy địch vào bước suy sụp mới, hàng mảng áp chiến lược và nguy quân, nguy quyền địa phương bị tan rã, tinh thần chúng hoang mang, dao động cao.

Mặc dù chiến trường gặp nhiều khó khăn, hạn chế, nhưng Tỉnh ủy đã lãnh đạo các lực lượng vũ trang thực hiện nhiệm vụ tiêu hao, tiêu diệt địch. Cuối năm 1966 đầu năm 1967, chúng ta đã đánh bại được kế hoạch mùa khô lần thứ 2 của địch ; con số địch bị tiêu diệt trong tỉnh mỗi năm đều tăng lên, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch. Đặc biệt, trong đợt tổng tiến công và nổi dậy đầu xuân 1968, tỉnh đã đóng góp rất xứng đáng vào thắng lợi chung của toàn miền Nam. Tỉnh ủy đã dần dần đi sâu hơn vào công tác lãnh đạo quân sự và công tác chính trị, tư tưởng trong lực lượng vũ trang.

Đại hội biểu dương tinh thần cách mạng kiên cường của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và Nhân dân trong tỉnh. Nêu bật thành công có tính chất quyết định của Đảng bộ là giáo dục cho cán bộ, đảng viên và chiến sĩ thấm nhuần đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng, yên tâm, phấn khởi bám chiến trường năm

sâu trong vùng kiểm soát của địch và ở cách xa trung tâm chỉ đạo của Khu ủy. Công tác chính trị, tư tưởng được nâng lên một bước, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, tăng cường được khối đoàn kết, nhất trí trong Đảng bộ, làm cho Đảng bộ vững vàng hơn qua nhiều thử thách. Đội ngũ cán bộ người địa phương đã đông đảo và trưởng thành hơn, đặc biệt cán bộ người dân tộc thiểu số khá đông, trung thành, tận tụy với cách mạng.

Về kinh tế tài chính, đã động viên được tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn của toàn Đảng bộ để ra sức tự lực cánh sinh, giải quyết được nhiều khó khăn về lương thực, vật chất, đảm bảo cho các lực lượng lớn có thể đứng chân hoạt động dài ngày trong tỉnh. Thành tích chủ yếu là sản xuất tự túc nội bộ, sản xuất ở miền núi và tinh thần chịu đựng gian khổ đói, rách, lạt của cán bộ, chiến sĩ và nhân viên.

Công tác y tế bước đầu thâm nhập xuống đến Nhân dân và phục vụ chiến đấu, phục vụ tiền tuyến tốt hơn. Về văn hóa giáo dục, vùng đồng bằng giải phóng đã hình thành được một số trường, lớp theo chương trình giáo dục mới, gây ảnh hưởng tốt đến công tác giáo dục cách mạng trong Nhân dân. Ở miền núi đã duy trì được phong trào học tập văn hóa ở hai huyện.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Đại hội đã chỉ ra những hạn chế: Sự chỉ đạo của Tỉnh ủy chưa sâu sát,

linh hoạt trong công tác đồng bằng, chưa chỉ đạo phá được chiến thuật viện-chốt của địch, chưa nghiên cứu sâu toàn bộ hệ thống kèm kẹp mới của địch để chỉ đạo chống, phá có kết quả; chỉ đạo công tác thị xã chưa chặt, chưa sâu; chỉ đạo chống phá âm mưu của địch đối với căn cứ miền núi không kịp thời, kém cảnh giác nên phong trào chiến tranh du kích bị sụt giảm; chưa nắm chắc công tác đấu tranh chính trị về binh địch vận; công tác kinh tế tài chính còn yếu, nhất là việc khai thác nhân tài, vật lực trong vùng địch; công tác chính trị, tư tưởng chưa theo kịp với yêu cầu chiến đấu trong tình hình mới, chưa chú trọng việc tăng cường thành phần cơ bản trong Đảng bộ, trong các cấp ủy...

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 21 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu đồng chí Nguyễn Hồng Châu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Tô Văn Ôn làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Năm 1969, đồng chí Tô Văn Ôn hy sinh. Cuối năm 1970, đồng chí Nguyễn Hồng Châu, Bí thư Tỉnh ủy nhận nhiệm vụ khác, Khu ủy Khu 5 chỉ định đồng chí Ngũ Hữu Ngật, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Phó Bí thư Tỉnh ủy phụ trách Đảng bộ tỉnh.

(*) Báo cáo chính trị của Đại hội không thể hiện phân phương hướng, mục tiêu. Chưa tìm thấy Nghị quyết và Danh sách Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh được bầu tại Đại hội.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA LẦN THỨ VI

Đại hội diễn ra từ ngày 18-10 đến ngày 20-10-1971, tại Tà Gộc, huyện Vĩnh Khánh (nay là huyện Khánh Vĩnh). Về tham dự Đại hội có 80 đại biểu (76 chính thức, 4 dự khuyết) thay mặt cho 2.320 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Đại hội nêu rõ: Từ sau Tết Mậu Thân năm 1968, địch ra sức bình định, đánh phá, kèm kẹp quần chúng, giành giật quyết liệt với ta. Chúng ráo riết bắt lính, đưa quân nguy thay quân Mỹ; tăng cường phòng thủ Nha Trang, Cam Ranh, thực hiện các kế hoạch “bình định đặc biệt”, “bình định nước rút”; đánh phá nhiều lần theo kiểu “chà đi xát lại” ở những nơi có phong trào cách mạng mạnh. Bên cạnh đó, chúng tăng cường chiến tranh tâm lý, tổ chức lực lượng “phượng hoàng” bao trùm lên bộ máy tề nguỵ; phát triển chiến tranh gián điệp, tìm cách bôi đen quần chúng cách mạng, gây chia rẽ, nghi ngờ trong nội bộ. Trong vùng giải phóng, chúng đẩy mạnh càn quét khu vực giáp ranh và căn cứ miền núi, đẩy mạnh hoạt động gián điệp, rải chất độc hóa học, phá hoại sản xuất, kho tàng, hành lang.

Trước thủ đoạn nham hiểm của kẻ thù, Tỉnh ủy đã lãnh đạo toàn dân và toàn quân trong tỉnh “vượt qua gian khổ hy sinh, đập lên đầu thù, xốc tới, liên tục tấn công và nổi dậy, giành giết quyết liệt với địch, đánh bại từng bước chương trình bình định nông thôn của Mỹ, ngụy; giành thắng lợi hết sức vẻ vang”. Bằng 04 chiến dịch HT (hè - thu), đã loại khỏi vòng chiến đấu hàng vạn tên Mỹ, Nam Triều Tiên và ngụy quân, ngụy quyền; phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh; làm rung chuyển hệ thống ngụy quyền từ tỉnh đến xã; các căn cứ liên hợp quân sự quy mô lớn của địch như Lam Sơn (Dục Mỹ, Ninh Hòa), Hà Thanh (Bộ Tư lệnh Sư đoàn 9 Bạch Mã - Nam Triều Tiên), Cam Ranh, Nha Trang bị đánh thiệt hại nhiều lần.

Song song với những thắng lợi lớn về quân sự, đấu tranh chính trị cũng giành nhiều thắng lợi. Cơ sở quần chúng ở cả nông thôn, đô thị từng bước được phục hồi, phát triển sau thời gian dài bị địch đánh phá ác liệt sau Tết Mậu Thân năm 1968. Phong trào chiến tranh du kích, sử dụng ba mũi giáp công đánh địch, diệt ác, phá kềm, giành dân, chống bình định diễn ra rộng khắp ở vùng nông thôn, đồng bằng. Phong trào đấu tranh chính trị, binh địch vận, chống bắt lính, chống địch rải chất độc hóa học cũng diễn ra sôi nổi và quyết liệt. Phong trào đấu tranh ở đô thị đòi dân sinh, dân chủ, đòi Mỹ rút quân, lập lại hòa bình, đòi lật đổ Thiệu, Kỳ diễn ra liên tục, với nhiều mức độ, hình thức khác nhau. Đặc biệt,



Thôn Tà Gộc, huyện Vĩnh Khánh, nơi diễn ra
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ VI (10-1971)

trong đợt sinh hoạt kỷ niệm Ngày sinh của Bác Hồ (19-5-1970), 8.000 quần chúng ở Nha Trang, 3.000 quần chúng ở Diên Khánh và hàng trăm quần chúng ở các địa phương khác đã lập bàn thờ, cầu siêu cho Bác Hồ, kêu gọi chấm dứt chiến tranh.

Phong trào miền núi cũng có bước phát triển, du kích miền núi đã đánh hàng trăm trận, loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch, đặc biệt là máy bay. Phong trào chống địch phá hoại và rải chất độc hóa học, bảo vệ sản xuất có bước phát triển khá. Tổng sản lượng lương thực sản xuất năm 1971 tăng 1,4 lần so với năm 1968. Các mặt văn hóa, giáo dục, y tế cũng đạt được nhiều tiến bộ. Ủy ban nhân dân cách mạng đã được thành lập ở các huyện, xã miền núi.

Bên cạnh những thắng lợi, Đại hội cũng thẳng thắn chỉ ra những mặt hạn chế: Bộ đội huyện hoạt động chưa đều, một số nơi chưa làm đúng chức năng diệt ác ôn, phá rã phòng vệ dân sự phục vụ trực tiếp cho phong trào; du kích hợp pháp phát triển quá chậm, trình độ kỹ chiến thuật thấp; công tác phá kèm giành dân còn yếu và chậm; công tác phát triển Đảng còn chậm; còn lẫn lộn giữa công tác Đảng và công tác chính quyền; đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào trong vùng căn cứ miền núi mặc dù có nhiều cải thiện nhưng còn rất khó khăn.

Từ tổng kết thực tiễn qua ba năm đấu tranh chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, âm mưu bình định của đế quốc Mỹ và tay sai, Đại hội rút ra những bài học kinh nghiệm lớn: Phải đánh giá đúng địch - ta; cán bộ phải bám dân, phải tin tưởng và biết phát huy sức mạnh của quần chúng; cần nắm vững tư tưởng tấn công và phát huy tinh thần cách mạng tiến công, hiểu rõ mối quan hệ giữa tấn công và xây dựng; hiểu đúng vai trò, vị trí của chiến lược ở ba vùng (căn cứ miền núi, đồng bằng và thị xã, thị trấn), kết hợp hai hình thức đấu tranh chính trị, quân sự song song; cấp ủy các cấp cần nắm vững và thường xuyên quán triệt đường lối, phương châm, nghị quyết của Đảng.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tiễn cách mạng tỉnh Khánh Hòa, dự báo âm mưu, thủ đoạn của địch, Đại hội xác định nhiệm vụ chung của Đảng bộ tỉnh trong thời gian sắp đến là “Đoàn kết nhất trí, nỗ lực động viên toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân kiên quyết đánh lâu dài, nỗ lực phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn và nhược điểm, tranh thủ thời gian, tạo thời cơ trực tiếp, nắm lấy thời cơ lớn, phát triển thế tiến công mới ở cả ba vùng chiến lược, phát động ba cao trào quyết thắng giặc Mỹ xâm lược: Cao trào diệt và làm tan rã quân nguy; cao trào tiến công và nổi dậy làm chủ ở nông thôn; cao trào cách mạng ở thành thị, đánh bại căn bản kế hoạch bình định của địch, góp phần đánh bại Việt Nam hóa chiến tranh”.

Trên cơ sở nhiệm vụ chung, Đại hội xác định các nhiệm vụ cụ thể như sau:

Thứ nhất, tấn công và nổi dậy liên tục, mở rộng vùng làm chủ ở nông thôn đồng bằng. Trong đó, giai đoạn mở đầu quyết tâm mở rộng vùng làm chủ và vùng tranh chấp chiếm 1/3 thôn, xã trong toàn tỉnh; căn bản xoá vùng trắng cơ sở. Thời gian tiếp theo, củng cố và phát triển mạnh hơn, đưa vùng làm chủ và vùng tranh chấp chiếm 1/2 thôn, xã trong toàn tỉnh; có một số xã đưa lên thành vùng giải phóng.

Thứ hai, tiêu diệt và làm tan rã bộ phận quan trọng sinh lực địch, trọng tâm là tiêu diệt lực lượng bảo an và các đơn vị ác ôn tại chỗ. Tổ chức cho quần chúng nổi dậy vũ trang khởi nghĩa, diệt ác phá kềm, làm tan rã nguy quyền thôn, xã; nhanh chóng giành chính quyền làm chủ ở nông thôn đồng bằng. Xây dựng và phát triển 3 thứ quân (bộ đội tỉnh, bộ đội huyện, du kích xã) tinh nhuệ, đảm bảo đủ số lượng. Thống nhất ý chí và hành động trong chỉ đạo, chỉ huy chiến đấu.

Thứ ba, tăng cường công tác binh vận; khơi gợi tình cảm cách mạng, tinh thần yêu nước trong binh sĩ nguy. Đánh bại thủ đoạn chiến tranh tâm lý của địch. Ra sức tuyên truyền, giáo dục và thực hiện nghiêm các chính sách của Đảng trong quần chúng, nhất là chính sách ruộng đất, dân tộc, tôn giáo.

Thứ tư, đẩy mạnh xây dựng lực lượng, nhất là lực lượng sống hợp pháp; xây dựng chi bộ, chi đoàn, du kích xã, thôn làm nòng cốt cho đấu tranh chính trị, binh vận. Ngoài ra, phải tập trung xây dựng lực lượng cách mạng trong bộ máy kèm kẹp của địch (ngụy quân, ngụy quyền), chủ yếu là lực lượng tại chỗ như nghĩa quân, phòng vệ dân sự, binh định, bảo an. Kiện toàn và bổ sung các đội công tác cho đủ số và chất lượng. Rút hết số quân nhân biệt phái trở về Tỉnh đội.

Thứ năm, tiếp tục đẩy mạnh việc hình thành cơ cấu chi bộ, chi đoàn, tổ tự vệ mật, cốt cán ở đô thị. Năm và xây dựng các tổ chức công khai hợp pháp, nửa hợp pháp do Đảng lãnh đạo để tập hợp đông đảo quần chúng, nhất là trong các phong trào của công nhân lao động, Phật giáo, học sinh, sinh viên. Nghiên cứu thu hút sự tác động và ảnh hưởng của các phong trào công khai ở Sài Gòn, Đà Nẵng đến phong trào đấu tranh đô thị ở Khánh Hòa.

Thứ sáu, xây dựng bảo vệ căn cứ miền núi vững chắc. Đưa phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh mẽ, đều khắp. Mỗi xã vùng căn cứ phải tổ chức một trung đội du kích, trong đó có một tiểu đội du kích đặc công giỏi. Vừa xây dựng căn cứ, vừa phải chú ý công tác vùng giáp ranh và các khu tập trung nhằm làm bàn đạp vững chắc tấn công đồng bằng, giải phóng dân ở các khu tập trung, ngăn chặn sự thâm nhập của địch vào bên trong căn cứ,

mở hành lang đưa hàng hóa từ đồng bằng lên phục vụ đời sống miền núi. Đưa Nhân dân vùng căn cứ vào con đường làm ăn tập thể, đến cuối năm 1972 căn bản phải giải quyết vấn đề “lạt rách” cho đồng bào.

Thứ bảy, ra sức xây dựng nền kinh tế tự cung tự cấp, tự lực cánh sinh, nỗ lực tự túc hoàn toàn về lương thực để chủ động trong mọi tình thế. Ra sức xây dựng kinh tế căn cứ miền núi vững chắc, lấy sản xuất làm then chốt, lương thực làm trọng tâm, đẩy mạnh chăn nuôi, tự túc về thịt. Đối với đồng bằng phải ra sức đấu tranh kinh tế với địch, giữ vững đời sống bình thường cho người dân, đẩy mạnh giao lưu kinh tế giữa vùng địch và vùng ta; chuyển lương thực, hàng hoá từ vùng địch lên căn cứ, đảm bảo nhu cầu kháng chiến.

Thứ tám, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ Đảng trong sạch về chính trị, vững vàng về tư tưởng, mạnh mẽ về tổ chức; có chất lượng cao, có số lượng đông. Tích cực xây dựng phát triển mạnh lực lượng chính trị hợp pháp, phát triển mạnh cơ sở Đảng lãnh đạo bên trong lực lượng này. Tăng cường đào tạo cán bộ, chú trọng đào tạo cán bộ nòng cốt xã thôn, cán bộ trẻ, nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ quân sự. Nỗ lực rút nhiều thanh niên bổ sung cho lực lượng cách mạng, đưa thiếu nhi ra Bắc đào tạo. Thực hiện tốt Nghị quyết tu dưỡng, rèn luyện đảng viên của Tỉnh ủy. Tổ chức bình chọn đảng viên 04 tốt, chi bộ 04 tốt. Các cấp ủy

đảng hoàn thành đại hội đảng bộ huyện và các ngành vào cuối năm 1971 và đầu năm 1972.

Thứ chín, làm cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và quần chúng nhân dân chuyển biến thật sự nhảy vọt về tư tưởng và hành động để thực hiện nhiệm vụ trước mắt là mở rộng vùng làm chủ, giành dân ở đồng bằng. Mỗi cán bộ, đảng viên phải là trụ cột kiên cường trong đấu tranh và chiến đấu, quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Đảng. Mỗi cán bộ, đảng viên phải là trung tâm đoàn kết nhất trí cả về đoàn kết nội bộ lẫn đoàn kết với Nhân dân trong thực hiện đường lối chủ trương, nhiệm vụ chính trị hiện nay của Đảng. Chống quan liêu mệnh lệnh, coi thường quần chúng, xa rời Nhân dân, kiêu ngạo, công thần kèn cựa với đồng chí, đồng đội, với Nhân dân; không chăm lo đời sống chiến sĩ và quần chúng nhân dân. Chống hiện tượng vô tổ chức, vô kỷ luật; nể nang, coi nhẹ việc học tập tu dưỡng, rèn luyện bản thân.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 25 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 09 đồng chí, đồng chí Ngũ Hữu Ngật làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Lương làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

1. Đồng chí Ngũ Hữu Ngật (Nguyễn Văn Ngật) - Bí thư Tỉnh ủy.



Đồng chí Ngũ Hữu Ngật, Bí thư Tỉnh ủy
(1971 - 1972)

2. Đồng chí Nguyễn Lương - Phó Bí thư Tỉnh ủy.
3. Đồng chí Triết Giang (Võ Tòng).
4. Đồng chí Nguyễn Ngọc Hoanh.
5. Đồng chí Nguyễn Văn Khánh (Biêu).
6. Đồng chí Đặng Nhiên.
7. Đồng chí Nguyễn Tiến Thanh.
8. Đồng chí Bùi Hồng Thái.
9. Đồng chí Nguyễn Văn Thắng (Quyết).

Tỉnh ủy viên:

10. Đồng chí Võ Danh.
11. Đồng chí Cao Văn Huỳnh (Cao Đá).
12. Đồng chí Nguyễn Điều (Hoài Sơn).
13. Đồng chí Vũ Tấn Hạt.
14. Đồng chí Trần Quốc Khánh.
15. Đồng chí Trịnh Kim.
16. Đồng chí Cha La.
17. Đồng chí Nguyễn Nghiệp.
18. Đồng chí Nguyễn Sơn.
19. Đồng chí Huỳnh Ngọc Thắng (Chín Đền).
20. Đồng chí Lâm Trường Thắng.
21. Đồng chí Võ Tuy (Hùng).

Tỉnh ủy viên dự khuyết:

22. Đồng chí Nguyễn Phúc Ánh.
23. Đồng chí Nguyễn Văn Hiên.
24. Đồng chí Nguyễn Nhữ.
25. Đồng chí Nguyễn Đình Tòng (Tư Ổm).

Tháng 9-1972, đồng chí Ngũ Hữu Ngật được điều động nhận công tác khác, Khu ủy Khu 5 chỉ định đồng chí Mai Dương làm Bí thư Tỉnh ủy.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA LẦN THỨ VII

Đại hội diễn ra từ ngày 04 đến ngày 08-10-1973, tại Hòn Dũ, huyện Vĩnh Khánh (nay là huyện Khánh Vĩnh).

Đại hội tập trung đánh giá tình hình địch và phong trào kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong 18 năm, nhất là việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI. Đại hội nhận định: Từ khi ký Hiệp định Pa-ri, địch vẫn điên cuồng tiếp tục chiến tranh gây nhiều khó khăn. Trong thời gian sắp tới, chúng sẽ tiếp tục phá hoại Hiệp định Pa-ri, huy động mọi lực lượng quân sự, chính trị, kinh tế đánh phá với những âm mưu, thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt hơn nữa. Tuy nhiên, nhược điểm rất cơ bản của địch là tinh thần nguy quân, nguy quyền sa sút nghiêm trọng, chán ghét chiến tranh, muốn hòa bình, mâu thuẫn nội bộ ngày càng tăng, chính trị không ổn định, bản chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh ngày càng lộ rõ.

Về phía ta, các mặt công tác triển khai tương đối tốt, mở ra nhiều khả năng mới. Ở cả ba vùng, quần chúng đều phấn khởi, mở rộng làm ăn, đi lại bình thường. Ở vùng của ta, quần chúng sôi nổi thi đua xây dựng mọi mặt vững mạnh, trở thành hậu phương trực tiếp cho

phong trào đồng bằng, sẵn sàng đánh bại địch trong mọi tình huống. Đảng bộ tỉnh lãnh đạo quân, dân trong tỉnh tiêu diệt nhiều sinh lực địch, liên tiếp giành nhiều thắng lợi ở một số chiến dịch HT (8/1969), HT2 (3/1970), HT3 (8/1970) và HT4 (2/1971)... Công tác vùng địch từng bước ổn định, phát triển thêm nhiều cơ sở mới, một số nơi bị đứt, vỡ bắt đầu phục hồi, phong trào được giữ vững.

Cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và đồng bào vững vàng về tư tưởng, có tinh thần tự lực, tự cường, quyết tâm và có niềm tin vào thắng lợi của cuộc kháng chiến. Đảng bộ ngày càng trưởng thành và phát triển, nhất là các chi bộ miền núi, đảng viên phát triển tương đối đều khắp. Công tác phát triển đảng viên hoạt động bất hợp pháp đã được quan tâm; nhiều đảng viên trưởng thành nhanh, nhất là đảng viên trẻ ở tuyến đầu. Trong gần ba năm (1971 - 1973), toàn tỉnh phát triển 785 đảng viên, trong đó 246 đảng viên người dân tộc thiểu số, 101 đảng viên là nữ. Cấp ủy đảng được chú trọng xây dựng và tăng cường lớp trẻ, nữ, người dân tộc thiểu số; số lượng huyện ủy viên đấu tranh hợp pháp ngày càng tăng. Nhiều nơi ở đồng bằng, cấp ủy trưởng thành về nhiều mặt. Công tác kiểm tra giữ gìn kỷ luật trong Đảng được chú trọng.

Công tác tổng động viên chính trị miền núi và chính sách khen thưởng Tổ quốc ghi công đạt nhiều kết quả. Đông đảo Nhân dân tham gia học tập, báo công, xã đông nhất chiếm từ 85% đến 90%, xã ít nhất chiếm 40%.



Căn cứ Hòn Dù, huyện Vĩnh Khánh, nơi diễn ra
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ VII (10-1973)

Đại hội chỉ ra khó khăn lớn nhất của ta: Ở đồng bằng, chưa có vùng giải phóng, vùng làm chủ và tranh chấp còn hẹp. Thực lực chính trị, vũ trang hợp pháp và bất hợp pháp còn thiếu và yếu. Cơ sở đảng ở vùng địch tạm chiếm còn quá ít, vùng chưa có cơ sở cách mạng còn nhiều. Nguồn bổ sung nhân lực chưa mở ra được. Việc cung cấp vật tư, vũ khí, lương thực, thực phẩm, thuốc men, phục vụ chiến đấu còn rất hạn chế, chưa đảm bảo.

Dựa vào nhiệm vụ của Khu 5, căn cứ vào tình hình trong tỉnh, Đại hội đề ra phương châm chỉ đạo:

- Kiên trì đấu tranh lâu dài, đề cao tinh thần tự lực cánh sinh, nỗ lực giành thắng lợi từng bước đi đến giành thắng lợi hoàn toàn.

- Nắm vững tư tưởng chiến lược tấn công, quán triệt các mặt đấu tranh với địch; xây dựng lực lượng cách mạng trong cả vùng địch và vùng ta.

- Coi trọng kết hợp xây dựng giữa vùng ta và vùng địch, giữa nông thôn và thành thị, giữa tấn công và xây dựng; nắm vững và chỉ đạo chặt chẽ mối quan hệ hữu cơ giữa xây dựng vùng ta và phát triển phong trào vùng địch vì giữa hai vùng có tác động thúc đẩy lẫn nhau.

- Đấu tranh chính trị, binh vận kết hợp chặt chẽ với đấu tranh vũ trang, đấu tranh ngoại giao nhằm đánh bại mọi âm mưu phá hoại hiệp định của địch; buộc địch ngừng bắn, thực hiện hòa bình.

- Đứng vững lập trường nguyên tắc cách mạng, vận dụng mềm dẻo, khéo léo sách lược, chính sách của Đảng phù hợp với thực tiễn và có lợi nhất.

- Chỉ đạo phải toàn diện về quân sự, chính trị, kinh tế, chú trọng đúng mức và nắm vững phương châm ba vùng chiến lược.

Đại hội xác định nhiệm vụ của Đảng bộ sắp tới là: “Động viên nỗ lực toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân bằng ba mũi giáp công đánh bại sự lấn chiếm, bình định, tổ cộng của địch, giữ vững vùng ta, khôi phục lại thế làm chủ (vùng làm chủ và tranh chấp cũ), mở rộng diện lòng kèm, giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển phong trào và lực lượng cách mạng ở vùng địch (cả thị xã, thị trấn). Khẩn trương xây dựng vùng ta về mọi mặt: Chú trọng các khâu quan trọng sản xuất, giao thông vận tải, giao lưu hàng hóa, xây dựng quân sự, chính trị, kinh tế đủ sức làm chỗ dựa cho phong trào đồng bằng, đồng thời sẵn sàng đánh thắng địch gây lại chiến tranh”.

Nhiệm vụ trung tâm: “Ra sức đánh bại lấn chiếm, bình định, tổ cộng của địch, giành dân, giữ dân, mở rộng quyền làm chủ, phát triển thực lực ta”.

Trên cơ sở nhiệm vụ chung, Đại hội đề ra nhiệm vụ cụ thể cho các mặt công tác:

- Công tác quân sự: Tập trung tiêu diệt địch, ra sức đánh bại chính sách lấn chiếm, bình định, tổ cộng của

địch, bảo vệ vùng ta, giành dân, mở rộng quyền làm chủ trong vùng địch và vùng tranh chấp. Xây dựng ba thứ quân làm hậu thuẫn cho phong trào quần chúng, tham gia công tác vận động quần chúng xây dựng căn cứ.

- Đấu tranh chính trị binh vận: Đẩy mạnh đợt tuyên truyền tố cáo âm mưu và tội ác của địch và tập trung vào khẩu hiệu trung tâm là hòa bình, độc lập, dân chủ hòa hợp dân tộc và đòi địch thi hành hiệp định, thực hiện hòa bình.

- Công tác thành thị: Đây là một công tác rất quan trọng, nhất là trong giai đoạn mới, nên toàn Đảng bộ phải đặt mạnh xây dựng. Các huyện đồng bằng đều phải có trách nhiệm xây dựng cơ sở phục vụ cho thị xã, thị trấn.

- Xây dựng vùng ta: Đi đôi với công tác vùng địch, phải kiên quyết chống càn, chống lấn chiếm, bảo vệ và giữ vững căn cứ, xây dựng căn cứ lớn mạnh về mọi mặt làm chỗ dựa vững chắc cho phong trào cách mạng như quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, trong đó, lấy kinh tế là trung tâm với việc tập trung sản xuất, giao thông vận tải, khai thác và tổ chức giao thương hàng hóa; phát triển y tế, giáo dục lên một bước mới; xây dựng gia đình, xóm, thôn, căn cứ ngày càng giàu mạnh.

- Công tác xây dựng Đảng: Mở đợt động viên chính trị sâu rộng trong nội bộ và quần chúng; xây dựng và củng cố chi bộ, nâng cao chất lượng đảng viên và phát triển đảng viên mới, nhất là đảng viên hợp pháp; phát

triển đoàn viên, xây dựng chi đoàn, củng cố ban chấp hành đoàn các cấp có chất lượng; chỉnh đốn cách làm việc đảm bảo tập thể dân chủ, thống nhất toàn diện.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 23 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 06 đồng chí, đồng chí Võ Cứ làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Quyền Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Bùi Hồng Thái làm Thường trực Tỉnh ủy.

Đại hội cử Đoàn đại biểu tỉnh đi dự Đại hội Đại biểu Đảng bộ Khu V lần thứ III, gồm 11 đồng chí do đồng chí Bùi Hồng Thái - Thường trực Tỉnh ủy làm trưởng đoàn.

Đầu tháng 5-1975, đồng chí Mai Dương, Ủy viên Khu ủy Khu 5 được điều về làm Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa.

(*) Chưa tìm thấy Danh sách Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh được bầu tại Đại hội.



Đồng chí Võ Cứ , Quyền Bí thư Tỉnh ủy
(1973 - 1975)

BAN CHẤP HÀNH LÂM THỜI ĐẢNG BỘ TỈNH PHÚ KHÁNH (11/1975 - 3/1977)

Ngày 29-9-1975, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 245-NQ/TW về việc bỏ khu, hợp tỉnh và Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 20-10-1975 về điều chỉnh việc hợp nhất một số tỉnh ở miền Nam. Theo chủ trương của Trung ương, ngày 29-10-1975, Ủy ban nhân dân cách mạng Khu Trung Trung Bộ (Khu 5) ra Quyết định số 155 về việc hợp nhất hai tỉnh Khánh Hòa và Phú Yên thành tỉnh mới, lấy tên là tỉnh Phú Khánh.

Ban Bí thư Trung ương Đảng ra quyết định thành lập Đảng bộ tỉnh Phú Khánh và chỉ định Ban Chấp hành Lâm thời Đảng bộ Phú Khánh gồm có 43 đồng chí, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lâm thời gồm có 15 đồng chí, đồng chí Nguyễn Xuân Hữu, Ủy viên Ban Thường vụ Khu ủy Khu 5 làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Mai Dương, Lê Trọng Khoan, Ủy viên Khu ủy Khu 5 làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

1. Đồng chí Nguyễn Xuân Hữu - Bí thư Tỉnh ủy.
2. Đồng chí Mai Dương - Phó Bí thư Tỉnh ủy.
3. Đồng chí Lê Trọng Khoan - Phó Bí thư Tỉnh ủy.
4. Đồng chí Nguyễn Hữu Ái.

5. Đồng chí Lê Bác.
6. Đồng chí Ông Văn Bưu.
7. Đồng chí Mai Xuân Cống.
8. Đồng chí Võ Cừ (Thế).
9. Đồng chí Triết Giang (Võ Tòng).
10. Đồng chí Nguyễn Lương.
11. Đồng chí Hồ Ngọc Nhưông.
12. Đồng chí Nguyễn Quyết.
13. Đồng chí Bùi Tân.
14. Đồng chí Bùi Hồng Thái.
15. Đồng chí Lê Tụng.

Tỉnh ủy viên:

16. Đồng chí Nguyễn Văn Ánh.
17. Đồng chí Nguyễn Đức Bảo.
18. Đồng chí Đới Ngọc Cầu.
19. Đồng chí Trần Hồng Châu.
20. Đồng chí Nguyễn Chung.
21. Đồng chí Nguyễn Cúc.
22. Đồng chí Võ Danh.
23. Đồng chí Dương Dự.
24. Đồng chí Nguyễn Điều (Hoài Sơn).
25. Đồng chí Trần Thanh Hà.
26. Đồng chí Lê Bích Hải.
27. Đồng chí Nguyễn Văn Hiên.
28. Đồng chí Cao Huỳnh (Cao Văn Huỳnh).
29. Đồng chí Đinh Hòa Khánh.
30. Đồng chí Trần Quốc Khánh.

31. Đồng chí Cha La.
32. Đồng chí Trịnh Tấn Lực.
33. Đồng chí Mai Văn Minh.
34. Đồng chí Nguyễn Thị Minh.
35. Đồng chí Ma Nhân.
36. Đồng chí Đặng Nhiên.
37. Đồng chí Ma Noa.
38. Đồng chí Nguyễn Đình Quế.
39. Đồng chí Hoàng Sơn.
40. Đồng chí Mạnh Hùng Thiên.
41. Đồng chí Nguyễn Văn Trúc.
42. Đồng chí Lê Duy Tường.
43. Đồng chí Nguyễn Hữu Xuân.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH PHÚ KHÁNH LẦN THỨ I

Đại hội được tiến hành thành 02 vòng tại thị xã Nha Trang, vòng 1 diễn ra từ ngày 11 đến ngày 20-11-1976, có 235 đại biểu tham dự; vòng 2 diễn ra từ ngày 21 đến ngày 26-3-1977, có 231 đại biểu tham dự (223 đại biểu chính thức, 8 đại biểu dự khuyết), thay mặt cho 8.300 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Đại hội (vòng 1) tập trung nghiên cứu, góp ý Dự thảo đề cương Báo cáo chính trị và Điều lệ Đảng (sửa đổi) của Ban Chấp hành Trung ương; bầu đoàn đại biểu của Đảng bộ đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (gồm 12 đồng chí chính thức, 01 dự khuyết).

Đại hội (vòng 2) tập trung đánh giá tình hình của tỉnh từ sau ngày giải phóng, nhất là hơn một năm kể từ ngày hợp nhất tỉnh Khánh Hòa và Phú Yên thành tỉnh Phú Khánh: Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh đoàn kết phấn đấu, nỗ lực vượt qua khó khăn, giành nhiều thắng lợi trong cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đại hội khẳng định những tiềm năng to lớn của tỉnh về ba thế mạnh (nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp), coi đó là những thuận lợi cơ bản để giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, phát triển nghề biển, nghề



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ I.

rừng, tiểu thủ công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng cần thiết đáp ứng cho đời sống và xuất khẩu bằng nguyên liệu của địa phương.

Kinh tế của tỉnh chuyển biến tích cực, nhất là về nông nghiệp. Tổng sản xuất lương thực quy thóc đạt 243.725 tấn (tăng lên 34% so với năm 1975); khai hoang 12.500 héc-ta, diện tích gieo trồng đạt 114,025 héc-ta (tăng 25,7% so với năm 1975), hình thành 19 điểm kinh tế mới. Toàn tỉnh cơ bản xóa bỏ bóc lột phong kiến, chia 16.000 héc-ta ruộng đất cho 26 vạn nông dân, thu hút 30.000 nhân khẩu vào sản xuất nông nghiệp, trong đó có 12.500 lao động ở thị xã, thị trấn trước đó không có việc làm; nhiều nơi nông dân đã tập hợp vào tổ đổi công, vận công góp phần tăng cường khối đoàn kết nông thôn. Nghề cá và nghề rừng cơ bản đạt chỉ tiêu đề ra. Năm 1976, đánh bắt 53.400 tấn, đạt 71,2% kế hoạch; xuất khẩu 240 tấn cá, tôm ướp đông, đạt 60% kế hoạch; sản xuất 12 triệu lít nước mắm, đạt 80%, trong đó thu mua mới 1,5 triệu lít, đạt 38% kế hoạch; sản xuất 42.300 tấn muối, đạt 94,2%, tăng 41% so với năm 1975. Trồng 2.900 héc-ta rừng, đạt 83% kế hoạch; khai thác 23.700 m³ gỗ, đạt 79% kế hoạch, tăng gấp 8 lần so với năm 1975. Tiểu thủ công nghiệp dần được khôi phục và đã sản xuất được một số mặt hàng phục vụ sản xuất, xuất khẩu, giải quyết việc làm cho một số dân thị xã. Giao thông vận tải đáp ứng gấp đôi nhu cầu đi lại của Nhân dân so với năm 1975, vận chuyển hàng hóa đạt 83% kế hoạch.

Công tác lưu thông phân phối, thương nghiệp và cửa hàng mậu dịch quốc doanh, hợp tác xã mua bán ngày càng phát triển tương đối rộng. Thu, mua lương thực đạt 83% kế hoạch đề ra, tăng 4,5 lần so với năm 1975; hàng xuất khẩu trị giá 2,5 triệu, đạt 96,1% kế hoạch. Quản lý thu, chi ngân sách đã thành nề nếp, thu ngân sách đạt 97,6% kế hoạch, trong đó thu địa phương tăng 11,6%; tổng chi ngân sách đạt 93,3% kế hoạch.

Công tác giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội có bước phát triển. Hệ thống giáo dục phổ thông được mở rộng, học sinh niên khóa 1976-1977 tăng 70% so với niên khóa 1975-1976; hệ mẫu giáo phát triển tốt; 5 huyện, thị xã và 77 xã, phường đã thanh toán mù chữ; tất cả các huyện và hầu hết xã, phường có trường, lớp bổ túc văn hóa. Toàn tỉnh tăng 7 bệnh viện cấp huyện, 466 giường bệnh so với năm 1975, công tác phòng chống dịch bệnh đạt hiệu quả tốt. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao phát triển, tạo nếp sống vui tươi, lành mạnh. Công tác giải quyết chế độ, chính sách có nhiều cố gắng.

Hệ thống chuyên chính vô sản được củng cố và kiện toàn, hầu hết xã, phường ở vùng mới giải phóng có chi bộ; chính quyền các cấp và cơ quan chuyên môn được tăng cường. Hầu hết cán bộ, đảng viên tích cực công tác, giữ được phẩm chất, đạo đức. Tư tưởng, nhận thức của quần chúng có chuyển biến, tích cực tham gia các phong trào thi đua. Công đoàn, nông hội, đoàn

thanh niên, hội phụ nữ phát huy tốt vai trò nòng cốt của mình trong các hoạt động. An ninh chính trị, trật tự xã hội được giữ vững và ổn định, phá trên 20 tổ chức của địch mới nhen nhóm và bắt được một số tên cầm đầu. Công tác giáo dục cải tạo ngụy quân, ngụy quyền đạt kết quả bước đầu.

Bên cạnh đó, Đại hội chỉ ra công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội còn nhiều hạn chế, khó khăn. Việc chỉ đạo các ngành kinh tế chưa cân đối, thiếu đồng bộ, sự phối hợp thiếu nhịp nhàng, nhất là giữa sản xuất và lưu thông phân phối. Các ngành kinh tế của tỉnh phát triển chậm, sản lượng thấp so với tiềm năng của tỉnh. Cải tạo quan hệ sản xuất cũ và công thương nghiệp, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm và lúng túng, kinh tế quốc doanh còn yếu. Công tác quản lý cơ sở vật chất chưa tốt. Nhiều nơi còn vi phạm quyền làm chủ tập thể của Nhân dân. Đời sống của các tầng lớp nhân dân còn khó khăn. Công tác xây dựng Đảng chưa được chăm lo đúng mức; tổ chức cơ sở đảng, nhất là vùng mới giải phóng còn quá yếu, số lượng đảng viên ít; trình độ chính trị, tư tưởng, năng lực của cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng với nhiệm vụ mới. Nề nếp và lề lối làm việc của cấp ủy đảng chậm cải thiện.

Đại hội đề ra phương hướng, mục tiêu lớn của kế hoạch 5 năm (1976-1980):

Thứ nhất, trên cơ sở phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát động phong trào lao động sản xuất sôi nổi, tập trung sức tạo bước phát triển vượt bậc trong nông nghiệp; đồng thời, phát triển nghề cá, nghề rừng, công nghiệp chế biến và hàng tiêu dùng, nhằm giải quyết vững chắc nhu cầu lương thực, thực phẩm và một phần hàng tiêu dùng thông thường cho Nhân dân, tăng nhanh hàng xuất khẩu.

Phần đầu đạt các chỉ tiêu lớn sau: 135 nghìn héc-ta đất canh tác, 200 nghìn héc-ta đất gieo trồng, trong đó có 10.000 héc-ta bông. Tổng sản lượng lương thực quy thóc 520.000 tấn, bình quân đầu người 400kg/năm; 10.000 tấn bông; 400 nghìn con heo, 177 nghìn trâu, bò; 90.000 tấn cá, 150 nghìn tấn muối, 16 triệu lít nước mắm, 3.000 tấn hải sản đông lạnh xuất khẩu; trồng 14.000 héc-ta rừng, khai thác 80.000 m³ gỗ. Xây dựng xong cơ khí trung tâm tỉnh với 500 tấn/năm, điện lực đạt 35.000 kw phụ tải, chế biến 20.000 tấn màu quy thóc, sản xuất 90 vạn công cụ thô sơ và cải tiến, 100 triệu viên gạch, ngói, 80 nghìn tấn vôi, hàng xuất khẩu trị giá 55 triệu đồng. Đưa giá trị tổng sản lượng toàn tỉnh lên 470 triệu đồng, trong đó ngành công nghiệp chiếm 51% (gồm cả đánh cá biển). Cơ giới hóa một phần quan trọng nghề cá, một số khâu làm đất ở các vùng trọng điểm trồng lúa, sắn, bắp, bông.

Thứ hai, hoàn thành căn bản cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại sản xuất trong tất cả các ngành. Xây dựng bước đầu cơ sở vật chất kỹ thuật từ tỉnh đến huyện, trước hết là cơ khí và điện. Từng bước hình thành cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp ở tỉnh và ở huyện, kết hợp kinh tế với quốc phòng.

Thứ ba, phân bố lại lực lượng lao động theo ba thể mạnh là nông, lâm, ngư nghiệp, ở cả ba vùng đồng bằng, miền núi và biển. Tổ chức lao động theo ngành, nghề, hình thành các vùng chuyên canh lớn, khuyến khích sản xuất các mặt hàng tiêu dùng thông thường và xuất khẩu, giãn bớt dân thành phố, thị xã, tăng thêm dân ở miền núi, bảo đảm mọi người lao động đều có việc làm, tăng nhanh năng suất lao động xã hội.

Thứ tư, phát triển mạnh y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội. Mở rộng các hoạt động phòng bệnh, chữa bệnh và từng bước quản lý sức khỏe của cán bộ và nhân dân lao động. Không chế, dập tắt các dịch bệnh, căn bản giải quyết bệnh sốt rét, hoa liễu. Xây dựng đủ cơ sở y tế khám, chữa bệnh cho Nhân dân, phát triển mạnh thuốc nam. Thanh toán nạn mù chữ, phát triển mạnh bổ túc văn hóa. Mỗi xã đều có trường cấp I, các xã ở đồng bằng có trường cấp II, bảo đảm trẻ em đến tuổi đi học đều có chỗ học, thanh niên ít nhất học hết cấp I. Phát triển văn hóa xã hội chủ nghĩa,

xóa ảnh hưởng văn hóa nô dịch, đòi truy. Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật, nghiệp vụ và công nhân chuyên nghiệp. Đảm bảo Nhân dân đủ ăn, đủ mặc, có nhà ở, trong đó, ở nông thôn 30% có nhà gạch ngói, mỗi nhà có giếng nước. Thực hiện tốt chính sách xã hội đối với các cháu mồ côi, người già không nơi nương tựa.

Thứ năm, công tác xây dựng Đảng có nhiệm vụ: “Ra sức xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nâng cao tính chất giai cấp công nhân, bảo đảm Đảng bộ luôn luôn đoàn kết, nhất trí, gắn bó chặt chẽ với quần chúng trên cơ sở phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, chăm lo xây dựng tổ chức cơ sở đảng, phát triển đảng viên mới, nhất là ở các xã, phường mới giải phóng, tích cực đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, nâng cao năng lực, phẩm chất của cán bộ, đảng viên, kiện toàn bộ máy chuyên chính vô sản các cấp, xây dựng lề lối làm việc và tác phong công tác”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm có 39 ủy viên, trong đó 37 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm có 11 đồng chí; đồng chí Nguyễn Xuân Hữu - Ủy viên Trung ương Đảng làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Mai Dương, Trần Suyền làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

1. Đồng chí Nguyễn Xuân Hữu - Bí thư Tỉnh ủy.
2. Đồng chí Mai Dương - Phó Bí thư Tỉnh ủy.
3. Đồng chí Trần Suyền (Sáu Suyền) - Phó Bí thư Tỉnh ủy.

4. Đồng chí Nguyễn Hữu Ái.
5. Đồng chí Võ Cừ (Thế).
6. Đồng chí Lê Huân.
7. Đồng chí Hồ Ngọc Nhường.
8. Đồng chí Nguyễn Duy Luân.
9. Đồng chí Nguyễn Lương.
10. Đồng chí Nguyễn Phụng Minh.
11. Đồng chí Lê Tụng.

Tỉnh ủy viên:

12. Đồng chí Nguyễn Văn Ánh.
13. Đồng chí Nguyễn Biện (Quyết Tâm).
14. Đồng chí Nguyễn Chính.
15. Đồng chí Mai Xuân Cống.
16. Đồng chí Phạm Cư.
17. Đồng chí Nguyễn Cúc.
18. Đồng chí Lê Văn Đại.
19. Đồng chí Nguyễn Điều (Hoài Sơn).
20. Đồng chí Triết Giang (Võ Tòng).
21. Đồng chí Lê Bích Hải.
22. Đồng chí Nguyễn Quý Hanh.
23. Đồng chí Đinh Hòa Khánh.

24. Đồng chí Đặng Nhiên (Đặng Anh).
25. Đồng chí Bùi Đức Nhung.
26. Đồng chí Nguyễn Thị Minh.
27. Đồng chí Phạm Công Minh.
28. Đồng chí Phạm Hồng Quang.
29. Đồng chí Nguyễn Tiến Thanh.
30. Đồng chí Lâm Trường Thắng.
31. Đồng chí Nguyễn Văn Thắng (Quyết).
32. Đồng chí Cao Xuân Thiêm (Văn Công).
33. Đồng chí Võ Đông Thu.
34. Đồng chí Nguyễn Tường Thuật.
35. Đồng chí Huỳnh Trúc.
36. Đồng chí Ma Trung.
37. Đồng chí Bùi Thị Thanh Vân.

Tỉnh ủy viên dự khuyết:

38. Đồng chí Cao Sơn Hà.
39. Đồng chí Võ Hóa.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH PHÚ KHÁNH LẦN THỨ II

Đại hội diễn ra từ ngày 12 đến ngày 19-10-1979, tại thành phố Nha Trang. Về tham dự Đại hội có 330 đại biểu thay mặt cho 11.400 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Đại hội đánh giá: Hơn 02 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ I trong tình hình cả nước và trong tỉnh có nhiều khó khăn phức tạp, dưới ánh sáng của đường lối chung và các Nghị quyết của Trung ương, Đảng bộ đã nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy năng lực và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tinh thần cách mạng tiến công, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý chí tự lực tự cường, cố gắng phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, giành được thắng lợi to lớn về nhiều mặt, nhất là về sản xuất nông nghiệp. Năm 1978, đã thực hiện được chỉ tiêu 30 vạn tấn lương thực Trung ương giao. Hai năm (1977-1978) đã khai hoang, phục hóa được 15 nghìn héc-ta, vượt kế hoạch 5 nghìn héc-ta. Nghị quyết đầu tiên của Tỉnh ủy sau hợp nhất tỉnh tháng 11-1975 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ I đã xác định đúng tầm quan trọng của sản xuất nông nghiệp nên tỉnh đã giành được thắng lợi lớn trên lĩnh vực này.

Từ một tỉnh thiếu lương thực, nay đã tự lực và có đóng góp cho Nhà nước mỗi năm một nhiều hơn (từ 5.000 tấn năm 1977 lên 12.500 tấn năm 1978). Từ năm 1975 đến năm 1979, diện tích canh tác tăng thêm 04 vạn héc-ta, tổng sản lượng lương thực tăng 12 vạn tấn; tổ chức trên 200 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và 200 tập đoàn sản xuất; phân bố lại lao động cho trên 10 vạn dân, trong đó có 6,2 vạn người đi xây dựng vùng kinh tế mới; tăng diện tích tưới tiêu thêm 6.400 héc-ta lúa... Thắng lợi về phát triển sản xuất và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp là thắng lợi lớn nhất của tỉnh trong 2 năm qua.

Tổng giá trị của ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp năm 1978 đạt 96 triệu đồng, chiếm gần 40% tổng giá trị sản lượng công, nông nghiệp, tăng 24,7% so với năm 1976; giá trị hàng xuất khẩu mỗi năm tăng từ 50% đến 60%; bước đầu có những hoạt động đầu tư vốn dài hạn và ngắn hạn cho các ngành kinh tế, có tác động tích cực đến việc hình thành và củng cố các tổ chức kinh tế cấp huyện, góp phần giành thắng lợi lớn trong các phong trào xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Đời sống của Nhân dân ngày càng được nâng cao, nhất là đời sống của người dân miền núi, vùng bị chiến tranh tàn phá trước đây đã được cải thiện, nhà cửa được xây dựng; đời sống của người dân ở nông thôn và đồng



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ II (10-1979)

bằng tương đối ổn định; ở thành thị, hơn 4 vạn người có việc làm mới; xóa bỏ một bước quan trọng ảnh hưởng văn hóa nô dịch của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, từng bước xây dựng văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền giáo dục xã hội chủ nghĩa bao gồm cả giáo dục phổ thông, mẫu giáo, bổ túc văn hóa và giáo dục cao đẳng. Trẻ em đến tuổi đi học mỗi năm tăng từ 2 đến 3 vạn. Nạn mù chữ cơ bản đã được thanh toán, phong trào học bổ túc phát triển tốt. Mạng lưới y tế ở xã, thôn được phát triển, từng bước tiêu diệt bệnh sốt rét; kịp thời phát hiện và đập tan các âm mưu và hành động phá hoại của bọn phản cách mạng.

Xây dựng và củng cố một bước hệ thống chuyên chính vô sản từ tỉnh đến cơ sở; tất cả các xã, phường đều có chi bộ, số đảng viên ở cơ sở chiếm 33% tổng số đảng viên trong toàn tỉnh. Bộ máy chính quyền ở cơ sở qua các lần bầu cử Hội đồng nhân dân được sàng lọc và củng cố một bước. Các đoàn thể quần chúng đã thu hút được tuyệt đại bộ phận quần chúng, đào tạo được nhiều cốt cán, sinh hoạt các đoàn thể nhiều nơi đi dần vào nề nếp.

Đại hội khẳng định những thắng lợi đạt được là lớn, cơ bản và toàn diện. Tuy nhiên, so với nhiệm vụ, mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ I đề ra và với tiềm năng vốn có thì thắng lợi đạt được còn thấp, sự tiến bộ không đồng đều,

sản xuất các mặt phát triển chậm. Rừng và biển là hai thể mạnh chưa được đầu tư, khai thác và phát huy đúng mức, năng suất lao động thấp, sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm, chưa sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, đời sống của Nhân dân còn nhiều khó khăn...

Đại hội xác định phương hướng, nhiệm vụ chung cho những năm tới và chủ trương, biện pháp thực hiện trong hai năm 1980-1981 là:

Tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng và các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trong tình hình mới, nhất là Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VI, động viên cao độ tinh thần yêu nước và chủ nghĩa xã hội, truyền thống đoàn kết chống ngoại xâm, tinh thần tự lực tự cường của toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân trong tình; nắm vững chuyên chính vô sản, ra sức phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động; đẩy mạnh công cuộc cải tạo, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng; tăng nhanh tiềm lực kinh tế và quốc phòng, xây dựng hậu phương vững mạnh, luôn luôn đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, kiên quyết đập tan mọi âm mưu của địch hòng làm suy yếu, phá hoại và xâm lược nước ta; chăm lo tốt hơn đời sống các mặt của Nhân dân, tăng cường tổ chức quản lý kinh

tế, quản lý xã hội. Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, bảo đảm hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu của kế hoạch 2 năm 1980 - 1981 và hoàn thành tốt nghĩa vụ quốc tế được giao.

Đại hội đề ra 3 nhiệm vụ cấp bách:

Một là, đẩy mạnh sản xuất, ổn định và bảo đảm đời sống của Nhân dân.

Hai là, tăng cường quốc phòng và an ninh, sẵn sàng chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, kiên quyết đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội, nhất là tệ ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng.

Để thực hiện thắng lợi 3 nhiệm vụ cấp bách trên, mục tiêu phấn đấu của 2 năm 1980 - 1981 là:

- Tập trung sức giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm, bảo đảm đến cuối năm 1981, bình quân mỗi người dân đạt 330 kg lương thực, 24 kg cá, 6 lít nước mắm trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, tăng năng suất lao động, tổ chức và củng cố các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp và nghề cá.

- Đẩy mạnh sản xuất tiểu thủ công nghiệp địa phương, đạt giá trị sản lượng lên 200 triệu đồng, phấn đấu không để thiếu các mặt hàng tiêu dùng thông thường mà tỉnh có khả năng về nguyên liệu và cơ sở kỹ thuật.

- Hàng xuất khẩu đến năm 1981 đạt 25 triệu đồng.

- Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trên địa bàn cấp huyện như cơ khí sửa chữa, cơ sở chế biến lương thực, giống, bảo vệ thực vật, sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển thủy lợi..., đi đôi và tăng cường đồng bộ bộ máy, phân cấp toàn diện cho huyện, thành phố, thị xã, xây dựng huyện nông - công nghiệp.

- Xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang và công an nhân dân vững mạnh, đủ sức chủ động trong mọi tình huống.

- Tạo bước chuyển biến mới về tư tưởng và tổ chức, phát động phong trào cách mạng quần chúng liên tục, sôi nổi nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần thứ VI của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 45 ủy viên, trong đó có 43 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí; đồng chí Nguyễn Xuân Hữu, Ủy viên Trung ương Đảng làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Mai Dương, Nguyễn Phụng Minh làm Phó Bí thư Tỉnh ủy

Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

1. Đồng chí Nguyễn Xuân Hữu - Bí thư Tỉnh ủy.
2. Đồng chí Mai Dương - Phó Bí thư Tỉnh ủy.

3. Đồng chí Nguyễn Phụng Minh - Phó Bí thư Tỉnh ủy.
4. Đồng chí Võ Cừ (Thế).
5. Đồng chí Triết Giang (Võ Tòng).
6. Đồng chí Lê Huân.
7. Đồng chí Nguyễn Duy Luân.
8. Đồng chí Nguyễn Lương.
9. Đồng chí Hồ Ngọc Nhưường.
10. Đồng chí Nguyễn Quyết.
11. Đồng chí Trần Suyền.
12. Đồng chí Bùi Hồng Thái.
13. Đồng chí Cao Xuân Thiêm.

Tỉnh ủy viên:

14. Đồng chí Nguyễn Văn An.
15. Đồng chí Nguyễn Hữu Ái.
16. Đồng chí Nguyễn Văn Ánh.
17. Đồng chí Mai Xuân Cống.
18. Đồng chí Phạm Cư.
19. Đồng chí Nguyễn Điều.
20. Đồng chí Lương Công Đoan.
21. Đồng chí Cao Sơn Hà.
22. Đồng chí Lê Bích Hải.
23. Đồng chí Nguyễn Quý Hanh.
24. Đồng chí Võ Hòa.
25. Đồng chí Nguyễn Ngọc Hoanh.
26. Đồng chí Đinh Hòa Khánh.
27. Đồng chí Trần Quốc Khánh.
28. Đồng chí La Chí Noa.

29. Đồng chí Nguyễn Thị Miên.
30. Đồng chí Nguyễn Thị Minh.
31. Đồng chí Huỳnh Môn.
32. Đồng chí Phạm Hồng Quang.
33. Đồng chí Quyết Tâm.
34. Đồng chí Bùi Tân.
35. Đồng chí Nguyễn Tiến Thanh.
36. Đồng chí Võ Đông Thu.
37. Đồng chí Nguyễn Tường Thuật.
38. Đồng chí Huỳnh Trúc.
39. Đồng chí Nguyễn Minh Trung.
40. Đồng chí Bùi Thị Thanh Vân.
41. Đồng chí Nguyễn Thị Hồng Vân.
42. Đồng chí Nguyễn Văn Ván.
43. Đồng chí Tạ Sơn Xuân.

Tỉnh ủy viên dự khuyết:

44. Đồng chí Nguyễn Chính.
45. Đồng chí Võ Việt Hùng.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH PHÚ KHÁNH LẦN THỨ III

Đại hội tổ chức thành 02 vòng tại thành phố Nha Trang. Vòng 1 diễn ra từ ngày 08 đến ngày 16-01-1982, có 350 đại biểu thay mặt hơn 12.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh về dự. Vòng 2 diễn ra từ ngày 31-01 đến ngày 03-02-1983, có 345 đại biểu thay mặt cho đảng viên trong toàn Đảng bộ về dự. Đồng chí Trần Kiên, Bí thư Trung ương Đảng, đồng chí Nguyễn Duy Trinh, Ủy viên Trung ương Đảng về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội (vòng 01) tập trung thảo luận, đóng góp ý kiến vào các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng; bầu đại biểu dự Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng.

Đại hội (vòng 2) tập trung đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ II: Đảng bộ và Nhân dân tỉnh đoàn kết phấn đấu, không ngừng vươn lên giành nhiều thắng lợi tương đối toàn diện trên các lĩnh vực. Hệ thống chuyên chính vô sản được xây dựng và củng cố từ tỉnh đến cơ sở, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững và ngày càng ổn định hơn.

Công cuộc cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế mới đạt nhiều thắng lợi, nhất là lĩnh vực nông nghiệp. Số lượng hợp tác xã nông nghiệp khá, giỏi ngày càng tăng, chiếm 1/3 tổng số hợp tác xã, hợp tác xã yếu, kém ít dần. Nhiều hợp tác xã đạt năng suất lúa từ 8 đến 11 tấn/01 héc-ta của hai vụ lúa trong năm, một số hợp tác xã kết hợp nông-công nghiệp. Diện tích canh tác tăng từ 6 vạn héc-ta lên gần 11 vạn héc-ta. Từ năm 1977, tỉnh đã tự trang trải đủ lương thực, thực phẩm cho tỉnh và đóng góp về Trung ương, kể cả những năm bị mất mùa. Từ năm 1980, ngành thủy sản tự cân đối một phần vật tư, sản lượng đánh bắt, chế biến và thu mua thủy sản ngày càng nhiều, năm cao nhất đạt 01 vạn tấn, hải sản xuất khẩu chiếm hơn 40% kim ngạch xuất khẩu. Sản xuất, tiêu thụ muối dần ổn định và mở rộng. Các lâm trường, vườn ươm, xưởng chế biến gỗ có nhiều tiến bộ. Năm 1982, việc trồng cây ở đồi thấp, bãi cát ven biển, giao đất, giao rừng... vượt chỉ tiêu đề ra. Tiểu thủ công nghiệp phát triển khá, sản xuất một số sản phẩm mới như đường, giấy, vật liệu xây dựng, dệt..., một số ngành nghề được khôi phục và phát triển, cơ khí của tỉnh, huyện và một số cụm kinh tế - kỹ thuật được xây dựng. Giao thông nông thôn, miền núi, vận tải thô sơ, vận tải thủy, bưu điện phát triển. Thông tin liên lạc thông suốt từ tỉnh đến cơ sở, nối liền các huyện, thị xã và hơn 1/2 số xã, phường trong tỉnh.



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ III (vòng 2)

Về phân phối lưu thông, bước đầu đã cải tạo, sắp xếp thương nghiệp tư doanh, xây dựng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa với 17 công ty, 336 cửa hàng, điểm bán hàng, 149 hợp tác xã mua bán. Việc nắm hàng vào tay Nhà nước, nhất là các mặt hàng chủ yếu như lương thực, thịt, cá đạt kết quả khá. Thu chi ngân sách, tiền mặt giữ được thăng bằng. Giá trị xuất khẩu mỗi năm đều tăng, năm 1982 tăng 6 lần so với năm 1980 và nhập một số vật tư, hàng hóa cần thiết.

Cơ sở vật chất, kỹ thuật của các ngành kinh tế được mở rộng, năng lực sản xuất trong hầu hết các ngành, địa phương đều tăng. Trong 7 năm (1976-1983), tài sản cố định khu vực sản xuất quốc doanh và tập thể tăng trên 2,7 lần (theo giá năm 1970); tăng thêm 4,5 vạn héc-ta diện tích canh tác; 73 công trình thủy lợi, bảo đảm nước tưới cho 3,4 vạn héc-ta; 50 cơ sở công nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh; 420 xí nghiệp hợp tác, hợp tác xã và tổ hợp tác tiểu, thủ công nghiệp; 242 hợp tác xã và 254 tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Các cơ sở văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học được mở rộng.

Văn hóa đời sống, tệ nạn xã hội được xóa bỏ một bước, phát triển văn hóa, văn nghệ xã hội chủ nghĩa. Mạng lưới phát thanh, truyền hình, báo chí... đã có nhiều tiến bộ; một số huyện hình thành điểm văn hóa

xã, cụm văn hóa huyện, rạp chiếu bóng, sân vận động... Nạn mù chữ được xóa xong, tất cả các xã có trường phổ thông cơ sở, các huyện có trường phổ thông trung học, bình quân hơn 3 người trong tỉnh có một người đi học. Mạng lưới y tế mở rộng đến cơ sở, giường bệnh tăng 1,5 lần so với lúc mới giải phóng. Việc kết hợp đông, tây y trong khám, chữa bệnh, ngăn ngừa, khống chế các bệnh dịch đã tạo thành nề nếp. Phong trào thể dục, thể thao; công tác thương binh và xã hội có nhiều tiến bộ. Đời sống Nhân dân tương đối ổn định. Một số vùng nông thôn trên 75% hộ nông dân có nhà gạch, ngói, hàng chục vạn người ở thành thị có việc làm.

Công tác xây Đảng, nhất là cơ sở và huyện đạt kết quả quan trọng. Tính đến tháng 10-1982, kết nạp trên 2,6 nghìn đảng viên, phát triển 2,1 vạn đoàn viên thanh niên. Hầu hết xã, phường, đơn vị sản xuất, kinh doanh có tổ chức đảng. Đại đa số cán bộ, đảng viên có phẩm chất cách mạng, trung thành với Đảng, tận tụy với nhiệm vụ được giao. Cấp ủy các cấp từng bước được kiện toàn, nhiều chi bộ, đảng bộ trưởng thành. Đảng bộ, chi bộ yếu kém ngày càng giảm. Cán bộ lãnh đạo, quản lý, khoa học kỹ thuật đáp ứng được một bước yêu cầu của Đảng bộ.

Bên cạnh kết quả đạt được, Đại hội chỉ ra một số khó khăn, hạn chế: Các ngành kinh tế phát triển chậm, đầu tư xây dựng cơ bản chưa đồng bộ, chậm cải

tiền quản lý kinh tế-xã hội, buông lỏng cải tạo thương nghiệp, tư bản tư doanh và chuyên chính vô sản trên mặt trận phân phối lưu thông. Văn hóa mới chưa phổ cập rộng rãi, nhất là ở miền núi, miền biển. Việc truy quét, xóa bỏ văn hóa đồi trụy, chống địch phá hoại về tư tưởng chưa liên tục, đúng mức. Chất lượng giáo dục, y tế còn thấp, nhất là miền núi, vùng kinh tế mới. Phong trào thể dục, thể thao của quần chúng ở nhiều huyện còn yếu. Công tác xây dựng Đảng còn nhiều mặt yếu kém và trì trệ; nhiều nơi, đảng viên chưa gắn bó thực sự với quần chúng và chưa trực tiếp sản xuất, công tác ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh còn ít, phát triển đảng viên mới quá chậm; giáo dục chính trị chưa được coi trọng đúng mức; tổ chức cán bộ chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ mới; việc kiểm tra, giám sát hành động của cán bộ, đảng viên chưa thường xuyên, nghiêm túc và kịp thời.

Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ chung: Trên cơ sở quán triệt và phổ biến sâu rộng Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III tạo ra một sự nhất trí cao về chính trị, tư tưởng trong toàn Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh; phát động mạnh mẽ phong trào cách mạng của quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của Nhân dân lao động, tăng cường hiệu lực bộ máy Nhà nước và nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng; đẩy mạnh đồng thời ba cuộc cách mạng,

kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, xây dựng với cải tạo để hoàn thành tốt cải tạo, xây dựng quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất xã hội chủ nghĩa; ra sức xây dựng huyện, tăng cường xây dựng thành phố, thị xã, vùng ven biển và miền núi bảo đảm thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, bốn mục tiêu kinh tế - xã hội và hoàn thành tốt nghĩa vụ quốc tế.

Đại hội đề ra mục tiêu phấn đấu đến năm 1985 là:

Thứ nhất, về sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật: Tiếp tục tạo thêm lực lượng sản xuất mới, khối lượng tổng sản phẩm xã hội cao hơn, cơ cấu hợp lý. Riêng ở miền núi, chú ý xây dựng các cơ sở vật chất - kỹ thuật đầu tiên, phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất, chăm lo đời sống của từng vùng. Trong đó:

- Sản lượng lương thực quy thóc đạt 40 vạn tấn, đàn bò đạt 14,6 vạn con, đàn lợn đạt 26,5 vạn con. Khai thác 3 vạn m³ gỗ, trồng 3 nghìn héc-ta rừng tập trung, 15 triệu cây phân tán. Khai thác 3,9 vạn tấn hải sản, nuôi trồng 2 nghìn héc-ta mặt nước. Sản xuất 6,5 vạn tấn muối. Mở rộng đất nông nghiệp từ 11 vạn héc-ta lên 15 vạn héc-ta, trong đó 1,5 vạn héc-ta đất ven biển, 1 vạn héc-ta đất đồi và phía Tây tỉnh, 1,5 vạn héc-ta đồng cỏ tự nhiên. Xây dựng hồ chứa nước nhỏ và vừa, hoàn chỉnh hệ thống thủy nông Đồng Cam, hồ chứa nước Đá Bàn, bảo đảm diện tích tưới cho 4 vạn héc-ta. Hình thành các vùng chuyên canh cây lương thực,

hoa màu, cây công nghiệp: 5 vạn héc-ta lúa, 4,5 vạn héc-ta màu, 3,1 vạn héc-ta cây công nghiệp. Tăng giá trị sản lượng công nghiệp bình quân hằng năm 20%. Xây dựng bình quân ở mỗi huyện 3 cụm kinh tế - kỹ thuật, từ 2 đến 3 trạm thủy điện nhỏ. Tăng 2 nghìn tấn phương tiện vận tải thủy. Mở rộng cơ sở hạ tầng, chú ý cảng Nha Trang và Vũng Rô. Xây dựng Nha Trang thành một trung tâm du lịch.

- Mở rộng kinh doanh, tăng cường quản lý thị trường, doanh số bán lẻ chiếm 60% thị trường, từng bước ổn định giá cả. Đưa giá trị xuất khẩu lên 15 triệu rúp và đô la, phân đầu thu ngân sách của tỉnh từ 1,3 đến 1,5 tỷ đồng, thực hiện tiết kiệm 10% trong sản xuất và xây dựng cơ bản. Giải quyết việc làm cho 2,6 vạn người. Hạ tỷ lệ sinh đẻ xuống dưới 1,7%.

Thứ hai, về cải tạo xã hội chủ nghĩa: Tiếp tục củng cố hợp tác xã nông nghiệp, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, hình thành từng bước cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp. Hoàn thành cải tạo thương nghiệp, nhất là thương nghiệp tư bản, tư doanh gắn liền với phát triển mạnh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, mở rộng kinh doanh, tăng cường quản lý thị trường. Đẩy mạnh cải tạo ngành hải sản cả về đánh bắt, chế biến và lưu thông.

Thứ ba, giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội: Thực hiện phổ cập lớp 5 trong thanh niên, lớp 6 trong đảng viên, củng cố, phát triển hệ thống nhà trẻ, mẫu giáo. Đảm

bảo đủ thuốc chữa bệnh thông thường cho Nhân dân, bình quân 1 vạn dân có 30 giường bệnh. Đẩy lùi, tiến tới thanh toán các bệnh xã hội, sốt rét, hoàn thành 3 công trình vệ sinh. Mở rộng mạnh ngành nghề. Giải quyết vững chắc, cân đối lương thực, thực phẩm ở từng huyện, bình quân đầu người 20kg cá, 7,5 lít nước mắm, 10 kg đường trong một năm. Phân đấu một nửa số xã có điểm văn hóa; phát động rộng rãi phong trào thể dục, thể thao, nhất là thể thao quốc phòng. Hoàn thành xác nhận thương binh, liệt sĩ, kiểm tra, phúc tra sửa chữa sai sót trong thực hiện chính sách thương binh, liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng.

Thứ tư, về an ninh quốc phòng: Tăng cường xây dựng nền quốc phòng toàn dân, phòng tuyến an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Thứ năm, xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Phân đấu đến năm 1985 không còn đảng bộ, chi bộ yếu kém, hơn 50% tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu đảng bộ, chi bộ vững mạnh. Ra sức xây dựng huyện vững mạnh.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 44 ủy viên, trong đó có 41 ủy viên chính thức, 03 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí; đồng chí

Nguyễn Xuân Hữu, Ủy viên Trung ương Đảng làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Nguyễn Phụng Minh và Hồ Ngọc Nhường làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

1. Đồng chí Nguyễn Xuân Hữu - Bí thư Tỉnh ủy.
2. Đồng chí Nguyễn Phụng Minh - Phó Bí thư Tỉnh ủy.
3. Đồng chí Hồ Ngọc Nhường - Phó Bí thư Tỉnh ủy.
4. Đồng chí Võ Cự (Thế).
5. Đồng chí Triết Giang (Võ Tòng).
6. Đồng chí Võ Hòa.
7. Đồng chí Lê Huân.
8. Đồng chí Nguyễn Duy Luân.
9. Đồng chí Nguyễn Lương.
10. Đồng chí Trần Suyên.
11. Đồng chí Bùi Hồng Thái.
12. Đồng chí Cao Xuân Thiêm.
13. Đồng chí Huỳnh Trúc.

Tỉnh ủy viên:

14. Đồng chí Trần Việt Á.
15. Đồng chí Nguyễn Văn Ánh.
16. Đồng chí Lương Duy Ánh.
17. Đồng chí Phạm Cư.
18. Đồng chí Nguyễn Cúc.
19. Đồng chí Nguyễn Điều.
20. Đồng chí Bùi Sơn Hải.
21. Đồng chí Võ Hóa.

22. Đồng chí Nguyễn Ngọc Hoanh.
23. Đồng chí Lê Văn Kế.
24. Đồng chí Phạm Tuấn Kiệt.
25. Đồng chí Trần Quốc Khánh.
26. Đồng chí Đinh Hòa Khánh.
27. Đồng chí Nguyễn Thị Miễn.
28. Đồng chí Mai Văn Minh.
29. Đồng chí Huỳnh Môn.
30. Đồng chí La Chí Noa.
31. Đồng chí Phạm Hồng Quang.
32. Đồng chí Nguyễn Thành Quang.
33. Đồng chí Quyết Tâm.
34. Đồng chí Bùi Tân.
35. Đồng chí Đỗ Vĩnh Tân.
36. Đồng chí Nguyễn Văn Trúc.
37. Đồng chí Nguyễn Tường Thuật.
38. Đồng chí Nguyễn Minh Trung.
39. Đồng chí Trần Văn Trung.
40. Đồng chí Nguyễn Thị Hồng Vân.
41. Đồng chí Nguyễn Ngọc Xuân.

Tỉnh ủy viên dự khuyết:

42. Đồng chí Cao Sơn Hà.
43. Đồng chí Nguyễn Thị Minh.
44. Đồng chí Lê Duy Tùng.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH PHÚ KHÁNH LẦN THỨ IV

Đại hội diễn ra từ ngày 21 đến ngày 26-10-1986, tại thành phố Nha Trang. Về tham dự Đại hội có 409 đại biểu thay mặt cho 17.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Trần Kiên, Bí thư Trung ương Đảng về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội tập trung đánh giá tình hình thực hiện các mặt công tác do Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III đề ra. Đánh giá tổng quát tình hình kinh tế - xã hội 3 năm (1983-1985) của tỉnh, Đại hội nêu rõ: Có 9 trong số 14 chỉ tiêu chủ yếu do Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III đề ra đạt và vượt mức kế hoạch. Đến cuối năm 1984, một số chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch 5 năm (1981-1985) được thực hiện trước một năm.

Về sản xuất nông nghiệp - công nghiệp: Tổng sản lượng lương thực tăng bình quân hằng năm 8,2%, năng suất lúa đạt bình quân 36,35 tạ/héc-ta; khai hoang 3 vạn héc-ta, tăng năng lực tưới nước cho 4.300 héc-ta, bước đầu hình thành và phát triển các vùng chuyên canh lúa cao sản, sắn, mía, đào, cà phê, dừa...; trồng mới 9.800 héc-ta rừng, khai thác bình quân hằng năm 2 vạn m³ gỗ, giao 4,3 vạn héc-ta rừng và đất rừng. Sản xuất công

ngiệp, tiểu, thủ công nghiệp, giá trị sản lượng tăng bình quân hằng năm 22,1%. Sản lượng vải, xi măng, đường, giấy, xà phòng... tăng khá. Ngành nghề và cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp được mở rộng, có thêm mặt hàng mới cho tiêu dùng và xuất khẩu. Giá trị sản lượng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 40% giá trị sản lượng công - nông nghiệp toàn tỉnh.

Khối lượng vận chuyển hàng hóa và hành khách bình quân tăng hằng năm 18%, xây dựng cầu đường tăng 20%, xây dựng mới và nâng cấp trên 1.163 km đường ô tô, sắm mới gần 5000 tấn phương tiện vận tải thủy. Mở rộng một số tuyến đường đến các huyện, xã miền núi.

Tăng dần vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách địa phương, chủ động và tập trung hơn cho các công trình trọng điểm. Tổng số vốn đầu tư trong 5 năm dành cho nông nghiệp đạt 27,4%, công nghiệp đạt 22,4%, giao thông xây dựng đạt 12,2% và văn hóa xã hội đạt 15%. Nhiều công trình đã đưa vào sản xuất như: Thủy lợi Đá Bàn, hồ Suối Hành, xí nghiệp được phẩm Nha Trang, dệt Nha Trang...

Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế được duy trì và có chuyển biến tích cực trên một số mặt: Đến năm 1985, cứ 3,5 người dân có 1 người đi học; 1 vạn dân có 32 giường bệnh; tỷ lệ phát triển dân số 2,02%; 12/15 huyện, thị, thành phố thực hiện chỉ tiêu xây dựng đời

sống văn hóa cơ sở; 10/15 huyện, thị có đài phát thanh, hầu hết các xã, phường có trạm truyền thanh.

An ninh và quốc phòng tiếp tục được củng cố và giữ vững, trật tự an toàn xã hội có tiến bộ. Thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với tình kết nghĩa Stung-treng (Campuchia) đạt hiệu quả tích cực. Công tác xây dựng Đảng được tiếp tục củng cố một bước về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Trong 5 năm đã kết nạp gần 4.000 đảng viên, bằng 23% tổng số đảng viên hiện có (17.000); có 892 tổ chức cơ sở đảng, tăng 217 cơ sở so với năm 1981. Tiếp tục củng cố một bước hệ thống các cơ quan lãnh đạo của Đảng, quản lý Nhà nước, quản lý sản xuất kinh doanh từ tỉnh đến cơ sở. Công tác kiểm tra của các cấp ủy được tăng cường, giải quyết kịp thời các vụ vi phạm kỷ luật.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong nhiệm kỳ còn một số hạn chế: Hiệu quả đầu tư cho nông nghiệp chưa cao; tác động của công nghiệp phục vụ nông nghiệp còn yếu; thiếu các chế độ chính sách và tổ chức để thu hút các hợp tác xã và Nhân dân đầu tư sức người, sức của vào trồng cây bảo vệ và làm nghề rừng; chưa có quy hoạch phát triển toàn diện kinh tế vùng biển, chậm ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong đánh bắt, nuôi trồng, chế biến, bảo quản. Đời sống văn hóa phát triển chưa đồng đều giữa các vùng...

Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1986 - 1990): Tiếp

tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược và bốn mục tiêu của Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV và V của Đảng, phấn đấu xây dựng tỉnh Phú Khánh trở thành một trong những tỉnh “giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, đẹp về văn hóa”. Mục tiêu tổng quát của những năm tới là: Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất theo cơ cấu kinh tế, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định và cải thiện một bước đời sống Nhân dân, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thực hiện cơ chế quản lý mới, tiếp tục củng cố an ninh quốc phòng và làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Đại hội đề ra 5 nhiệm vụ lớn là:

- Trước hết phải thực hiện sự ổn định về sản xuất, sử dụng hết lực lượng lao động xã hội, huy động các thành phần kinh tế dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn của Nhà nước. Khai thác, sử dụng tối đa những tiềm năng sản xuất hiện có. Đẩy mạnh sản xuất công - nông nghiệp, tập trung cao cho mặt trận hàng đầu là nông nghiệp. Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Từng bước tạo tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

- Ổn định và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của Nhân dân; tạo ra chuyển biến mới về xã hội; từng bước xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

- Tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục suốt cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Phải tăng cường chỉ đạo, nhất là đối với cải tạo công thương nghiệp tư doanh. Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Thực hiện cơ chế quản lý mới, phát huy quyền tự chủ của cơ sở.

- Nâng cao cảnh giác cách mạng, hành động kiên quyết cùng cả nước làm thất bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch, đế quốc và phản động quốc tế, sẵn sàng đối phó với chiến tranh xâm lược.

- Làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Tăng cường đoàn kết hữu nghị và hợp tác toàn diện với tinh kết nghĩa Stung-treng. Mở rộng hợp tác kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện phương hướng, nhiệm vụ trên, Đại hội đã thông qua những chỉ tiêu chủ yếu trong kỳ kế hoạch năm 1986 - 1990 và mức đạt được đến năm 1990 như sau:

- Tổng sản lượng lương thực quy thóc đến năm 1990 đạt 650.000 tấn.

- Mức tăng giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp hằng năm đạt 22%.

- Tổng giá trị xuất khẩu năm 1990 đạt 50 triệu rúp và đô la.

- Đến năm 1990 đàn heo đạt 40 vạn con, đàn bò đạt 30 vạn con.

- Đánh bắt hải sản đến năm 1990 đạt 50.000 tấn.

- Khai thác gỗ đến năm 1990 đạt 03 vạn m³ (trong đó hợp tác 01 vạn m³).

- Giải quyết việc làm trong 5 năm: 04 vạn lao động (10 vạn khẩu).

- Doanh số bán lẻ thị trường có tổ chức đến năm 1990 đạt 80%.

- Tỷ lệ phát triển dân số đến năm 1990 đạt 1,7%.

- Đến năm 1990, hoàn thành phổ cập giáo dục cấp I.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 60 ủy viên, trong đó có 45 ủy viên chính thức và 15 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 13 đồng chí; đồng chí Nguyễn Duy Luân, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Võ Hòa và Bùi Hồng Thái được làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Đại hội bầu đoàn đại biểu của Đảng bộ đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

1. Đồng chí Nguyễn Duy Luân - Bí thư Tỉnh ủy.

2. Đồng chí Võ Hòa - Phó Bí thư Tỉnh ủy.

3. Đồng chí Bùi Hồng Thái - Phó Bí thư Tỉnh ủy.



Đồng chí Nguyễn Duy Luân,
Ủy viên dự khuyết Ban chấp hành
Trung ương Đảng khóa VI
Bí thư Tỉnh ủy (1986 - 1989)

4. Đồng chí Nguyễn Văn Ánh.
5. Đồng chí Nguyễn Biện (Quyết Tâm).
6. Đồng chí Nguyễn Điều.
7. Đồng chí Triết Giang (Võ Tòng).
8. Đồng chí Lê Văn Kế.
9. Đồng chí Trần Minh Mạch.
10. Đồng chí La Chí Noa.
11. Đồng chí Lê Thái.
12. Đồng chí Nguyễn Văn Trúc.
13. Đồng chí Nguyễn Thị Hồng Vân.

Tỉnh ủy viên:

14. Đồng chí Trần Việt Á.
15. Đồng chí Trần Nguyên Cung.
16. Đồng chí Phạm Cư.
17. Đồng chí Ngô Văn Chính.
18. Đồng chí Trần Diệu.
19. Đồng chí Trần Minh Duân.
20. Đồng chí Nguyễn Sỹ Dư.
21. Đồng chí Lương Công Đoan.
22. Đồng chí Đinh Thanh Đồng.
23. Đồng chí Bùi Sơn Hải.
24. Đồng chí Nguyễn Xuân Hải.
25. Đồng chí Cao Mà Hân.
26. Đồng chí Võ Hóa.
27. Đồng chí Nguyễn Thiết Hùng.
28. Đồng chí Trần Khắc Huỳnh.
29. Đồng chí Lê Văn Hữu.

30. Đồng chí Phạm Tuấn Kiệt.
31. Đồng chí Mầu Văn Liên.
32. Đồng chí Trần Thị Lượng.
33. Đồng chí Nguyễn Thị Minh.
34. Đồng chí Mai Văn Minh.
35. Đồng chí Nguyễn Thị Miên.
36. Đồng chí Nguyễn Thị Nở.
37. Đồng chí Nguyễn Thành Quang.
38. Đồng chí Nguyễn Thanh Sơn.
39. Đồng chí Hoàng Tám.
40. Đồng chí Đỗ Vĩnh Tân.
41. Đồng chí Lê Duy Tùng.
42. Đồng chí Nguyễn Văn Thám.
43. Đồng chí Nguyễn Tường Thuật.
44. Đồng chí Vũ Văn Thoại.
45. Đồng chí Phạm Ứng.

Tỉnh ủy viên dự khuyết:

46. Đồng chí Nguyễn Thị Kim Cúc.
47. Đồng chí Phạm Văn Chi.
48. Đồng chí Nguyễn Đình Hoàn.
49. Đồng chí Dương Văn Khang.
50. Đồng chí Lê Tỷ Khởi.
51. Đồng chí Phạm Thị Lành.
52. Đồng chí Lê Văn Liêm.
53. Đồng chí Phạm Xuân Luân.
54. Đồng chí Nguyễn Văn Lộc.
55. Đồng chí Bùi Mau.

- 56. Đồng chí Phan Xuân Ngọc.
- 57. Đồng chí Nguyễn Thị Nhon.
- 58. Đồng chí Nguyễn Tô Phương
- 59. Đồng chí Lê Văn Tiến.
- 60. Đồng chí Bùi Thị Hồng Tiến.

BAN CHẤP HÀNH LÂM THỜI ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA (7 - 1989)

Ngày 04-3-1989, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 83-QĐ/TW về chia tỉnh Nghĩa Bình và tỉnh Phú Khánh. Ngày 30-6-1989, Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa VIII ban hành Nghị quyết về tách tỉnh Phú Khánh thành hai tỉnh mới là tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa.

Để đáp ứng yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ mới, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định thành lập Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa và chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh gồm 23 ủy viên chính thức, 07 ủy viên dự khuyết; 06 đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đồng chí Bùi Hồng Thái được cử làm Quyền Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Võ Hòa, Nguyễn Thị Hồng Vân làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

1. Đồng chí Bùi Hồng Thái - Quyền Bí thư Tỉnh ủy.
2. Đồng chí Võ Hòa - Phó Bí thư Tỉnh ủy.
3. Đồng chí Nguyễn Thị Hồng Vân - Phó Bí thư Tỉnh ủy.
4. Đồng chí Nguyễn Văn Ánh.
5. Đồng chí Nguyễn Điều.
6. Đồng chí Lê Văn Kế.



Đồng chí Bùi Hồng Thái,
Quyền Bí thư Tỉnh ủy (1989),
Bí thư Tỉnh ủy (1989 - 1996)

Tỉnh ủy viên:

7. Đồng chí Trần Việt Á.
8. Đồng chí Trần Nguyên Cung.
9. Đồng chí Trần Diêu.
10. Đồng chí Trần Minh Duân
11. Đồng chí Nguyễn Xuân Hải.
12. Đồng chí Cao Mà Hân.
13. Đồng chí Võ Hóa.
14. Đồng chí Nguyễn Thiết Hùng.
15. Đồng chí Trần Khắc Huỳnh.
16. Đồng chí Phạm Tuấn Kiệt.
17. Đồng chí Mầu Văn Liên.
18. Đồng chí Trần Thị Lượng.
19. Đồng chí Mai Văn Minh.
20. Đồng chí Nguyễn Thị Minh.
21. Đồng chí Nguyễn Thị Nở.
22. Đồng chí Hoàng Tám.
23. Đồng chí Nguyễn Văn Thám.

Ủy viên dự khuyết:

24. Đồng chí Phạm Văn Chi.
25. Đồng chí Nguyễn Đình Hoàn.
26. Đồng chí Dương Văn Khang.
27. Đồng chí Nguyễn Văn Lộc.
28. Đồng chí Bùi Mau.
29. Đồng chí Phan Xuân Ngọc.
30. Đồng chí Bùi Thị Hồng Tiến.

Ngày 26-10-1989, Bộ Chính trị Trung ương Đảng

quyết định cử đồng chí Bùi Hồng Thái, Quyền Bí thư Tỉnh ủy làm Bí thư Tỉnh ủy.

Năm 1990, đồng chí Võ Hòa, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh qua đời, đồng chí Hồ Ngọc Nhường, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng được Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy. Sau đó, đồng chí Hồ Ngọc Nhường được Tỉnh ủy giới thiệu để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu giữ chức vụ Chủ tịch UBND tỉnh.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA LẦN THỨ XII*

Đại hội (vòng 1) được tiến hành từ ngày 26-4 đến ngày 30-4-1991, tại thành phố Nha Trang. Về tham dự Đại hội có 300 đại biểu thay mặt cho gần 12.000 đảng viên trong Đảng bộ. Đây là đại hội đầu tiên sau khi tái lập tỉnh Khánh Hòa.

Đại hội thảo luận, góp ý vào dự thảo các văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) trình Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng, thông qua Chương trình hành động của Đảng bộ tỉnh từ Đại hội (vòng 1) đến Đại hội (vòng 2). Đại hội bầu đoàn đại biểu của Đảng bộ tỉnh đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng gồm 11 đồng chí.

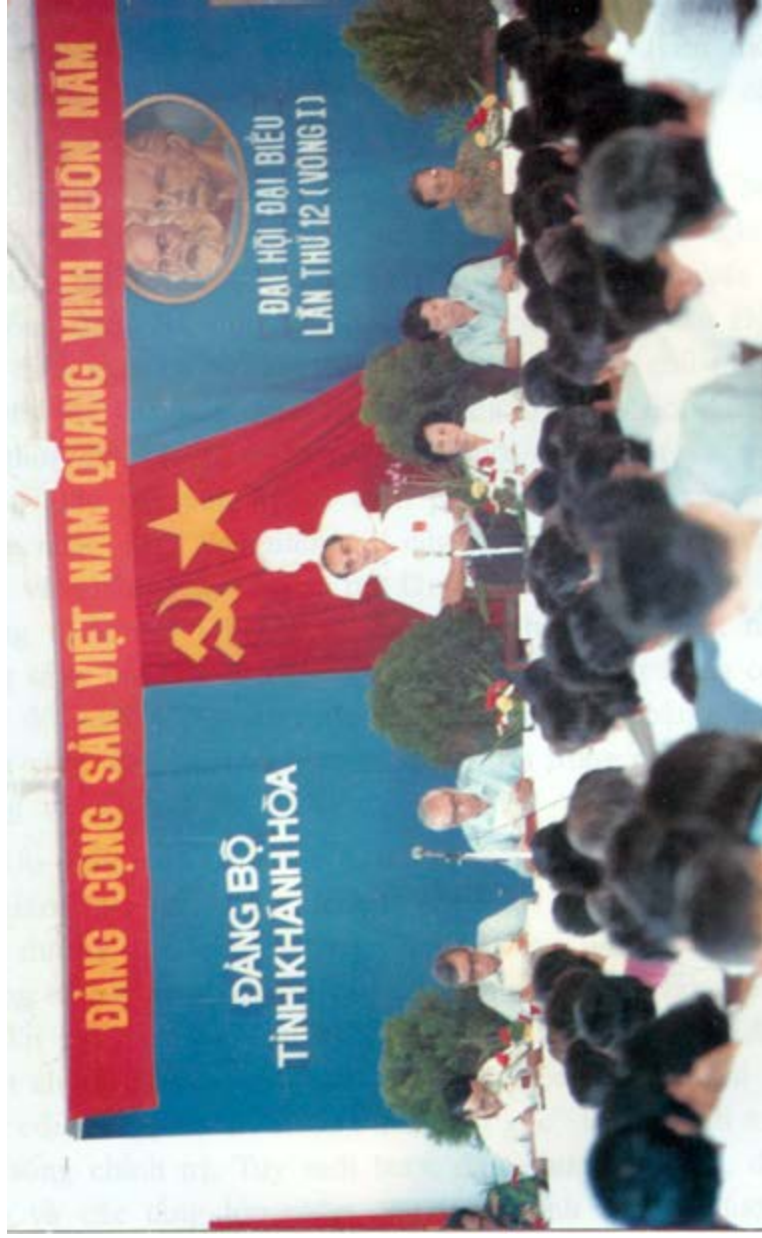
Chương trình hành động của Đảng bộ tỉnh xác định: Sau khi tách tỉnh “tình hình sản xuất tuy gặp nhiều khó khăn nhưng có mặt tiếp tục phát triển, đời sống Nhân dân tương đối ổn định, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội giữ được và có mặt tiến bộ”. Thực hiện Cuộc vận động củng cố Đảng theo tinh

* Tính đến Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XII, trước đó đã diễn ra 11 kỳ đại hội, gồm: 07 kỳ đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa và 04 kỳ đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Khánh.

thần Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 12-9-1987 của Bộ Chính trị về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội (gọi tắt là Cuộc vận động củng cố Đảng), Chỉ thị số 62-CT/TW, ngày 25-6-1990 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc thực hiện Nghị quyết Trung ương tám “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân” ở cơ sở; Quyết định số 240-HĐBT, ngày 26-6-1990 của Hội đồng Bộ trưởng về đấu tranh chống tham nhũng, Đảng bộ tỉnh đã đạt được một số kết quả bước đầu; đã phát hiện, làm rõ và xử lý nhiều vụ việc nghiêm trọng, từng bước chấn chỉnh lại cách điều hành và quản lý, tăng cường công tác kiểm tra và thanh tra để nâng cao tính kỷ cương; tiếp tục đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực trong quản lý kinh tế - xã hội. Đại hội (vòng 1) xác định những nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách:

Thứ nhất, phát huy kết quả đợt sinh hoạt chính trị chính đồn Đảng gắn với cuộc đấu tranh chống tham nhũng và kết quả đại hội Đảng bộ các cấp (vòng 1); tích cực chuẩn bị các mặt nhằm hoàn thành tốt đại hội Đảng bộ các cấp (vòng 2).

Tiếp tục giải quyết tốt những vấn đề tồn đọng hoặc mới phát sinh sau đợt sinh hoạt chính đồn Đảng và đại hội đảng bộ (vòng 1) các cấp. Tiếp tục sắp xếp



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XII, vòng 1 (4-1991)

lại một số đơn vị kinh tế và bố trí lại một số cán bộ chủ chốt ở các ngành, các địa phương và đơn vị nhằm ổn định một bước về tổ chức trước khi vào Đại hội vòng 2.

Dự kiến nhân sự cấp ủy các cấp. Việc chuẩn bị nhân sự phải được tiến hành khẩn trương, nắm vững nguyên tắc, thật sự dân chủ, đảm bảo tiêu chuẩn và cơ cấu.

Kiểm điểm nhiệm kỳ các cấp ủy, kiểm điểm sự lãnh đạo của các cấp ủy, của ban thường vụ cấp ủy; kiểm điểm cá nhân bí thư, phó bí thư, kiểm điểm cá nhân từng cấp ủy viên theo chức trách, nhiệm vụ được phân công.

Quán triệt đầy đủ Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII của Đảng và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ tới, cho 5 năm tới; những chỉ tiêu lớn và biện pháp chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ. Ngoài kế hoạch 05 năm (1991 - 1995), cần xây dựng chiến lược kinh tế - xã hội của Tỉnh ủy từ năm 1991 đến năm 2000.

Thứ hai, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1991; đẩy mạnh các mặt sản xuất và phân phối lưu thông, ổn định đời sống của Nhân dân. Hoàn thành tốt vụ sản xuất xuân hè và hè thu đạt năng suất và chất lượng. Tích cực và chủ động phòng chống

bảo lựt. Hoàn thành các chỉ tiêu nộp ngân sách và làm nghĩa vụ với Nhà nước, góp phần cân đối ngân sách địa phương.

Thứ ba, tăng cường công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Tích cực giải quyết tốt các vụ tranh chấp ruộng đất và nợ tín dụng. Đề phòng kẻ địch và phần tử xấu lợi dụng sơ hở xen vào kích động, phá hoại.

Thứ tư, giải quyết từng bước một số vấn đề chính sách xã hội, việc làm, y tế, giáo dục, văn hóa ở cơ sở và chính sách đối với những người được hưởng chính sách.

Vì tình hình mất đoàn kết nội bộ có mặt nghiêm trọng ở một số đồng chí lãnh đạo tỉnh, ở một vài địa phương nên Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XII (vòng 2) không tiến hành. Được sự chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy đã tự kiểm điểm sâu sắc vấn đề mất đoàn kết nội bộ; kiên quyết xử lý những cá nhân gây mất đoàn kết trong Đảng bộ; chỉ đạo xử lý những cấp ủy cấp dưới có tình trạng mất đoàn kết. Nhờ đó, tình trạng mất đoàn kết nội bộ được giải quyết, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ được giữ vững.

Do Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XII (vòng 2) không tiến hành nên Tỉnh ủy lâm thời sau ngày tái lập tỉnh (7 - 1989) vẫn thực hiện chức năng là cơ quan lãnh đạo Đảng bộ tỉnh

nhiệm kỳ 1991 - 1996. Trước tình hình đó, thực hiện chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, tháng 3-1994, Hội nghị cán bộ Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa được tiến hành. Đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng về dự và chỉ đạo hội nghị. Hội nghị có tính chất là hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng bộ tỉnh. Tại Hội nghị, Tỉnh ủy công bố Quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng cho 11 đồng chí rút khỏi Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, đồng thời chỉ định bổ sung 13 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và điều động 01 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Trung ương.

Hội nghị cán bộ Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa đã quán triệt Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng (khóa VII), thảo luận góp ý kiến vào báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về kiểm điểm, đánh giá thực trạng tình hình trong tỉnh từ năm 1990 - 1993, những việc đã làm và chưa làm được, rút ra những nguyên nhân và kinh nghiệm; xác định mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp chủ yếu hai năm 1994 - 1995.

Trên cơ sở đóng góp ý kiến của cán bộ, đảng viên và thảo luận góp ý trong Hội nghị cán bộ Đảng bộ tỉnh về báo cáo kiểm điểm tình hình và phương hướng nhiệm vụ 2 năm tới. Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 18 đã

thông qua Nghị quyết số 14 -NQ/TU, ngày 29-4-1994 về phương hướng nhiệm vụ năm 1994 - 1995 với 07 mục tiêu chủ yếu:

- Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ và du lịch nhằm khai thác thế mạnh và tiềm năng của tỉnh để từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phần đầu đạt mức tăng GDP bình quân hằng năm từ 8 - 9%, giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng 10 - 12%, nông nghiệp tăng 4%, xuất khẩu đạt 50 - 55 triệu USD, thu ngân sách chiếm 25% tổng sản phẩm của tỉnh (GDP).

- Ổn định, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của Nhân dân đi đôi với triệt để tiết kiệm và tích lũy cho đầu tư phát triển sản xuất trong cả khu vực nhà nước và các thành phần kinh tế khác. Phần đầu 2 năm (1994 - 1995), huy động 700 tỷ đồng để xây dựng cơ sở vật chất, giải quyết việc làm cho 2 - 2,5 vạn lao động, trong đó có 250 tỷ đồng vốn ngân sách để xây dựng kết cấu hạ tầng.

Giảm mức tăng tỷ lệ sinh hằng năm 0,7 - 0,6‰, tăng cường chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, giảm tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em, giải quyết cơ bản hộ thiếu đói 2 huyện miền núi và một số vùng còn khó khăn, thu hẹp dân hộ nghèo, khuyến khích Nhân dân làm giàu trong khuôn khổ pháp luật.



Đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng về dự và chỉ đạo Hội nghị cán bộ
Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa khóa XII (1994)

Thực hiện tốt các chính sách xã hội, từng bước cải thiện điều kiện phòng, chữa bệnh, học tập, hưởng thụ văn hóa, văn nghệ và đi lại của Nhân dân. Kiên quyết chống văn hóa độc hại, đồi trụy.

- Tiếp tục thực hiện chính sách đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, trọng tâm là xác định cụ thể chiến lược và quy hoạch phát triển, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh.

- Vận dụng linh hoạt các chính sách để thu hút và sử dụng tốt đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý trên địa bàn tỉnh. Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, mở rộng dạy nghề, đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý. Thực hiện cơ bản phổ cập giáo dục tiểu học ở thành phố Nha Trang và các thị trấn huyện đồng bằng.

- Đổi mới hoạt động của các cơ quan Nhà nước theo hướng tăng cường quản lý xã hội bằng pháp luật và theo pháp luật, vì lợi ích của Nhân dân. Tăng cường kỷ luật, giữ vững kỷ cương, kiên quyết ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng, quan liêu và các biểu hiện tiêu cực khác.

- Tăng cường ổn định chính trị, giữ vững an ninh, củng cố quốc phòng, đề cao cảnh giác và chủ động đối phó với mọi tình huống, làm thất bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực thù địch.

- Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, nội bộ đoàn kết nhất trí, gắn bó với Nhân dân.

Trước Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có 29 đồng chí, trong đó Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 8 đồng chí. Thường trực Tỉnh ủy gồm đồng chí Bùi Hồng Thái, Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Thị Hồng Vân, Phó Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Thiết Hùng, Phó Bí thư Tỉnh ủy.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA LẦN THỨ XIII, NHIỆM KỲ 1996 - 2000

Đại hội diễn ra từ ngày 23 đến ngày 26-4-1996, tại thành phố Nha Trang. Về tham dự Đại hội có 298 đại biểu thay mặt cho hơn 12.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Đại hội đã tập trung phân tích, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII. Đại hội khẳng định: Trong 5 năm thực hiện đường lối Đổi mới toàn diện của Đảng, Đảng bộ và Nhân dân Khánh Hòa với tinh thần tự lực tự cường, xác định cơ cấu kinh tế và đầu tư đúng hướng, phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn trở ngại, nỗ lực phấn đấu, bước đầu giành được những thành tựu to lớn và quan trọng.

Về kinh tế: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) trên địa bàn tỉnh bình quân hằng năm tăng 13%, gấp 1,9 lần so với năm 1990, GDP bình quân đầu người đạt 3,4 triệu đồng/năm (310 USD).

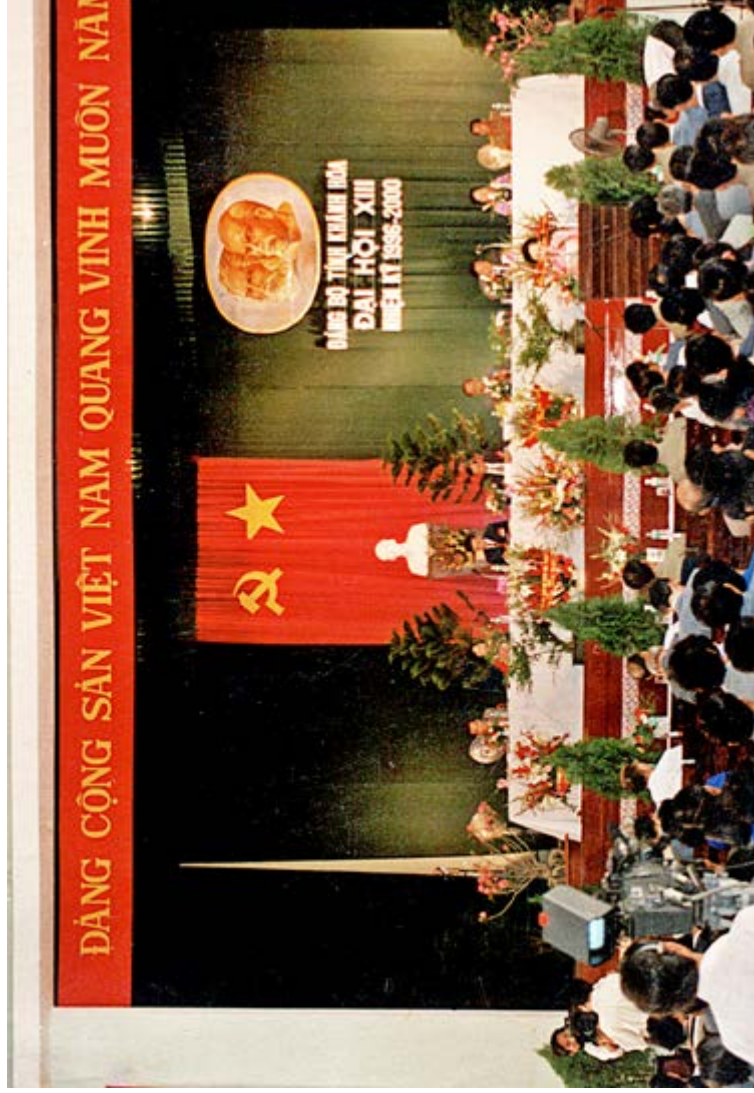
Sản xuất nông nghiệp bình quân hằng năm tăng 3,8%, lương thực ổn định. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm 21%, tăng gần 2 lần so với năm 1990. Tổng các

nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và cơ sở sản xuất, kinh doanh khoảng 1.400 tỷ đồng.

Kinh tế nhiều thành phần dựa trên sự tồn tại và đan xen nhiều hình thức sở hữu đã bước đầu khơi dậy các nguồn lực, tạo ra sự năng động, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng, trong đó kinh tế quốc doanh đạt 47,2%, ngoài quốc doanh chiếm 52,8% trong GDP.

Hệ thống thủy lợi đảm bảo tưới tiêu cho 33 nghìn ha diện tích gieo trồng, tăng 6 nghìn ha so với năm 1990; có 3,3 nghìn ha nuôi tôm, tăng gấp 3 lần so với năm 1990; công suất tàu thuyền đánh cá đạt trên 75 nghìn mã lực, tăng gần 1,8 lần so với năm 1990; hàng xuất khẩu thủy sản đạt khá, chiếm trên 60% giá trị xuất khẩu của tỉnh; tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp bình quân hàng năm gần 21%, tăng gần 2 lần so với năm 1990.

Về công tác văn hóa - xã hội, thực hiện chính sách xã hội và việc xã hội hóa một số lĩnh vực đã có những chuyển biến tích cực: Mạng lưới y tế được củng cố rộng khắp, hệ thống tổ chức của ngành y tế được sắp xếp lại theo phương thức quản lý ngành dọc đã đi vào nề nếp; tỷ suất sinh giảm từ 32‰ xuống còn 27,5‰; tiêm chủng mở rộng 6 loại vắc - xin cho trẻ em trong độ tuổi đạt trên 95%. Dù vậy, tỷ lệ tăng dân số vẫn còn cao (2,21%). Mạng lưới trường học được sắp xếp lại, đa dạng hóa loại hình giáo dục, số học sinh các cấp



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XIII (4-1996)

học, ngành học đều tăng, chất lượng được nâng lên. Có 5/7 huyện, 102/128 xã, phường được công nhận xóa mù chữ phổ cập tiểu học; lớp học ca 3 cơ bản đã chấm dứt. Giải quyết việc làm cho trên 5 vạn lao động. Có trên 70% dân số trong tỉnh được xem truyền hình. Đầu tư và hỗ trợ 73 tỷ đồng xây dựng kết cấu hạ tầng (điện lưới quốc gia, giao thông, nước sạch...) trợ giúp vốn sản xuất và cho vay ưu đãi đối với hộ nghèo (trên 20 tỷ đồng cho gần 2 nghìn hộ; 5,5 tỷ cho chương trình xóa đói giảm nghèo); chuyển đổi cơ cấu cây trồng (cà phê ở Khánh Sơn, mía ở Khánh Vĩnh).

Về công tác an ninh quốc phòng: Các lực lượng vũ trang nhân dân cùng với toàn dân thực hiện có kết quả nhiệm vụ an ninh quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chống diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đi đôi với củng cố, xây dựng lực lượng và thế trận phòng thủ của địa phương, góp phần ổn định chính trị, phục vụ công cuộc Đổi mới.

Việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng có những chuyển biến đáng kể. Tình trạng mất đoàn kết trong nội bộ cơ bản được khắc phục. Tỉnh ủy đã tiến hành kiểm điểm, tự phê bình và phê bình theo Chỉ thị 14 của Ban Bí thư, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ. Tổng số tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh tăng lên đáng kể (29,7%, so với năm 1990 tăng 12%); toàn Đảng bộ có

12.198 đảng viên, phần lớn giữ vững được phẩm chất đạo đức, đủ tư cách đạo đức (khoảng 72,76%); trong 5 năm đã kết nạp 1.774 đảng viên, trong đó có 75% có trình độ học vấn phổ thông trung học trở lên, 47% là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tiến hành tách các tổ chức cơ sở đảng ở các doanh nghiệp Nhà nước ra khỏi Đảng ủy Dân chính Đảng và Thành ủy Nha Trang để thành lập Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh. Tổ chức bộ máy các sở, ban, ngành bước đầu được chỉnh đốn; thành lập thêm 5 ban trực thuộc Tỉnh ủy và 4 ban trực thuộc UBND tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong nhiệm kỳ còn một số hạn chế nhất định: Nền kinh tế còn một số yếu tố chưa vững chắc, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Nhiều mặt xã hội chuyển biến chậm, nhất là các tệ nạn xã hội tăng lên; sự phân cực giữa người giàu và người nghèo, giữa miền núi, đồng bằng và thành thị ngày càng xa. Việc cải cách hành chính tiến hành chậm, chưa mang lại kết quả như mong muốn. Công tác tổ chức của một số cấp ủy, tổ chức cơ sở Đảng có biểu hiện quan liêu, dân chủ hình thức, kỷ luật lỏng lẻo. Tổ chức bộ máy Đảng, chính quyền và đoàn thể còn công kênh, chưa phân định rạch ròi về chức năng, nhiệm vụ. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội diễn biến phức tạp, còn nhiều sơ hở, mất cảnh giác,

nhất là các thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch...

Đại hội xác định một số chỉ tiêu chủ yếu của nhiệm kỳ 1996-2000 là:

Các chỉ tiêu kinh tế:

- GDP (tổng sản phẩm trong nước) trên địa bàn tỉnh bình quân hằng năm tăng từ 12 - 14%.

- Giá trị sản lượng công nghiệp tăng bình quân hằng năm trên 16%.

- Giá trị sản lượng nông nghiệp tăng bình quân hằng năm trên 4%.

- Tốc độ phát triển du lịch, dịch vụ hằng năm tăng trên 18%.

- Tỷ trọng trong GDP: Công nghiệp chiếm 38%; nông - lâm chiếm 21%; dịch vụ - du lịch chiếm 41%.

- Sản lượng xuất khẩu hằng năm tăng từ 22 - 25%.

- Thu ngân sách bình quân tăng 22 - 25%, chiếm ít nhất 20% GDP.

- Huy động nguồn vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm khoảng 6.800 - 7.000 tỷ đồng.

- Phần đầu đến năm 2000, GDP của tỉnh tăng gần 2 lần so với năm 1995, bình quân đầu người từ 550 - 600 USD.

- Phần đầu đến năm 1998: 100% số thôn ở đồng bằng có điện dùng và đến năm 2000: 70% các buôn miền núi có điện dùng.

Các chỉ tiêu xã hội:

- Giải quyết việc làm mỗi năm từ 1,2 - 1,5 vạn lao động.

- Đến năm 2000 không còn hộ đói, thu hẹp hộ nghèo còn 5%.

- Giảm tỷ suất sinh hằng năm trên 0,8‰. Đến năm 2000 dân số tăng tự nhiên còn 1,75%.

- Giảm 50% số người mắc bệnh sốt rét. Trên 95% trẻ em dưới 1 tuổi tiêm chủng 6 loại vắc-xin; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn 22%.

- 100% xã có trạm y tế, 40% xã, phường có bác sĩ.

- 100% số hộ ở thành phố, thị trấn và 60 - 70% số hộ vùng nông thôn dùng nước sạch.

- Hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, riêng nội thành Nha Trang, các thị trấn (trừ thị trấn Khánh Sơn và thị trấn Khánh Vĩnh) hoàn thành phổ cập trung học cơ sở.

- Phần đầu 70 - 80% gia đình xây dựng nếp sống văn minh và gia đình văn hóa.

- Đến năm 1998 phủ sóng truyền hình toàn tỉnh.

Các chỉ tiêu về xây dựng Đảng:

- Phần đầu không còn tổ chức cơ sở Đảng yếu kém.
- Phần đầu 50% tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh.
- Phần đầu mỗi phân xưởng, tổ sản xuất, xóm, buôn làng, tổ dân phố có tổ chức Đảng hoặc đảng viên.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 43 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí; đồng chí Nguyễn Thị Hồng Vân - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Nguyễn Văn TỰ, Nguyễn Thiết Hùng làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Đại hội bầu đoàn đại biểu của Đảng bộ đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

1. Đồng chí Nguyễn Thị Hồng Vân - Bí thư Tỉnh ủy.
2. Đồng chí Nguyễn Văn TỰ - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.
3. Đồng chí Nguyễn Thiết Hùng - Phó Bí thư Tỉnh ủy.
4. Đồng chí Phạm Văn Chi.
5. Đồng chí Trần Minh Duân.
6. Đồng chí Nguyễn Xuân Hải.
7. Đồng chí Trần Ngọc Hòa.
8. Đồng chí Trần Thị Lượng.
9. Đồng chí Bùi Mau.

10. Đồng chí Cao Minh Nhạn.
11. Đồng chí Nguyễn Ngọc Nhị.
12. Đồng chí Nguyễn Thị Nở.
13. Đồng chí Võ Lâm Phi.

Tỉnh ủy viên:

14. Đồng chí Pi Năng Bắc.
15. Đồng chí Đỗ Đăng Cao.
16. Đồng chí Nguyễn Thị Minh Châu.
17. Đồng chí Trần Diệu.
18. Đồng chí Lương Minh Dũng.
19. Đồng chí Phạm Đài.
20. Đồng chí Mầu Minh Địa.
21. Đồng chí Chu Công Định.
22. Đồng chí Lê Thị Độ.
23. Đồng chí Nguyễn Thành Đồng.
24. Đồng chí Nguyễn Trọng Hòa.
25. Đồng chí Nguyễn Ngọc Hưng.
26. Đồng chí Phan Văn Kính.
27. Đồng chí Nguyễn Thị Lại.
28. Đồng chí Võ Thiên Lăng.
29. Đồng chí Nguyễn Văn Lộc.
30. Đồng chí Nguyễn Thị Minh Lý.
31. Đồng chí Trương Tấn Minh.
32. Đồng chí Bùi Hồng Ngọc.
33. Đồng chí Lê Trọng Quỳ.
34. Đồng chí Võ Thị Rồi.
35. Đồng chí Nguyễn Minh Sơn.



Đồng chí Nguyễn Thị Hồng Vân,
Ủy viên dự khuyết Ban chấp hành Trung
ương Đảng khóa VI,
Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khóa VII, VIII
Bí thư Tỉnh ủy (1996 - 2001)

36. Đồng chí Lâm Đức Thanh.
37. Đồng chí Lê Xuân Thân.
38. Đồng chí Bùi Thị Hồng Tiến.
39. Đồng chí Nguyễn Thị Bích Thủy.
40. Đồng chí Cao Thụy.
41. Đồng chí Nguyễn Tăng Thường.
42. Đồng chí Mai Thị Tuyết Trinh.
43. Đồng chí Mai Trục.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA LẦN THỨ XIV, NHIỆM KỲ 2001 - 2005

Đại hội diễn ra từ ngày 18 đến ngày 20-01-2001 tại thành phố Nha Trang. Về tham dự Đại hội có 298 đại biểu thay mặt cho gần 16.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Đại hội đã tập trung phân tích, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII (1996-2000), Đại hội nêu rõ: Trong 5 năm, tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết nhất trí, phát huy cao độ tinh thần tự lực, tự cường, không ngừng phấn đấu, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Về kinh tế có sự tăng trưởng khá. Các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm bước đầu đạt được một số mục tiêu, cụ thể là Chương trình phủ điện nông thôn, đưa điện lưới quốc gia đến 100% xã nông thôn, đồng bằng, miền núi, xã đảo; 97% số hộ ở nông thôn, 95% số hộ ở đồng bằng, 85% số hộ ở miền núi của tỉnh và một số đảo xa đã có điện. Chương trình giao thông nông thôn, tuy mới triển khai được hai năm nhưng hầu hết đường liên thôn, liên xã được mở rộng, một phần được rải nhựa, đường ô tô đến các thôn



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XIV (01-2001)

trong tỉnh, kể cả miền núi thuận lợi hơn. Chương trình mía đường đạt được một số kết quả bước đầu như diện tích nguyên liệu được mở rộng, thiết bị chế biến được đầu tư hiện đại hơn. Chương trình kinh tế thủy sản đã khơi dậy được nội lực lớn trong dân, nhất là đầu tư vào nuôi trồng thủy sản, mang lại hiệu quả cao. Việc thực hiện được một số mục tiêu của các chương trình kinh tế trọng điểm đã thúc đẩy GDP tăng bình quân hằng năm 8,2%; thu nhập bình quân đầu người toàn tỉnh năm 2000 đạt 401 USD/người; giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân hằng năm 12,8%; vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài chiếm 44% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Xuất khẩu địa phương tăng khá với tổng kim ngạch năm 2000 gấp hai lần so với năm 1995; thu ngân sách giai đoạn 1996 - 2000 tăng gấp 2,5 lần so với 5 năm trước, năm 2000 thu trên 1000 tỷ đồng. Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm đạt 6.900 tỷ đồng.

Văn hóa, xã hội thường xuyên được chăm lo và có bước tiến bộ mới, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được cải thiện. Ngân sách hằng năm dành một tỷ lệ thỏa đáng cho lĩnh vực văn hóa, đặc biệt cho chương trình phát triển giáo dục - đào tạo và xóa đói giảm nghèo, các chính sách xã hội, nhất là chính sách đối với người có công được giải quyết có hiệu quả: 100% xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. Giải quyết việc làm mỗi năm từ 1,6 đến 1,9 vạn chỗ làm mới; toàn tỉnh cơ bản không còn hộ đói,

giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 12,6% năm 1995 xuống còn 5% (tính theo chuẩn cả nước đang thực hiện). Công tác xây dựng và phát triển miền núi được quan tâm, bình quân đầu tư 26 tỷ đồng/năm; xây hơn 1.000 căn nhà cấp cho hộ chính sách và đồng bào dân tộc diện khó khăn. Phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, lãnh đạo tỉnh trực tiếp chỉ đạo công tác xóa đói giảm nghèo ở từng địa bàn xã miền núi, đồng thời phân công các cơ quan, đơn vị trong tỉnh nhận đỡ đầu giúp bà con từng địa phương phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo.

An ninh chính trị, quốc phòng được đảm bảo ổn định. Khả năng phòng thủ, tinh thần sẵn sàng chiến đấu, cơ sở vật chất của lực lượng vũ trang được tăng cường; bộ máy cán bộ của các cơ quan bảo vệ pháp luật thường xuyên được củng cố và hoạt động có hiệu quả hơn; công tác phòng chống tham nhũng được các cấp, các ngành quan tâm, đạt một số kết quả.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị không ngừng được tăng cường, tạo ra sự đoàn kết, nhất trí cao trong Đảng bộ; tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh tăng lên. Năm 1995, tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh chỉ đạt 43,06% thì năm 1999 đã tăng lên 61,1%. Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng yếu kém giảm, năm 1995 là 13,5%, năm 1999 chỉ còn 4,25%. Công tác phát triển đảng viên mới có nhiều tiến bộ: Trong nhiệm kỳ, đã

kết nạp được trên 3.000 quần chúng ưu tú vào Đảng, tăng 65,3% so với nhiệm kỳ trước. Trong đó, 87,6% có trình độ học vấn từ cấp 3 trở lên và hơn 40% là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Hoạt động của Mặt trận và đoàn thể các cấp trong tỉnh bám sát nhiệm vụ chính trị, các chương trình kinh tế của địa phương, đơn vị.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong nhiệm kỳ còn một số hạn chế: Kinh tế tăng trưởng khá nhưng phát triển chưa thật sự vững chắc. Kinh tế dịch vụ, du lịch chưa tận dụng hết lợi thế và tiềm năng tại chỗ. Sức cạnh tranh của các doanh nghiệp nhà nước chưa mạnh, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước còn chậm. Xã hội hóa các lĩnh vực y tế, giáo dục, thể dục thể thao, văn hóa còn hạn chế. Môi trường đầu tư thiếu thông thoáng, chưa hấp dẫn. Một số chỉ tiêu về kinh tế chưa đạt như Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII đề ra. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng chưa cao. Bộ máy một số cơ quan trong hệ thống chính trị còn chồng chéo, chồng chéo về chức năng nhiệm vụ...

Đại hội xác định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu nhiệm kỳ 2001 - 2005:

Về phương hướng:

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, tăng cường lãnh đạo, đoàn kết tập

hợp mọi tầng lớp nhân dân, đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa để tăng tốc độ phát triển kinh tế, trên cơ sở phát huy mọi nguồn lực của nền kinh tế nhiều thành phần, tiếp tục thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ, du lịch - nông nghiệp. Coi trọng việc phát triển kinh tế đi đôi với từng bước cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của Nhân dân. Tiếp tục giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội. Coi trọng xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Giữ vững ổn định chính trị, xây dựng, củng cố quốc phòng - an ninh ngày càng vững mạnh.

Giai đoạn 2001 - 2005, Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh phấn đấu đạt được một số mục tiêu chủ yếu sau:

Về kinh tế:

- GDP hằng năm tăng bình quân: từ 9 - 10%;
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2005: đạt khoảng 585 USD;
- Tốc độ sản xuất công nghiệp hằng năm tăng bình quân: từ 13,5 - 14,5%;
- Tốc độ sản xuất nông nghiệp hằng năm tăng bình quân: từ 3,5 - 4%;
- Tốc độ phát triển dịch vụ - du lịch hằng năm tăng bình quân: từ 10 - 11%;

- Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm: từ 1.200 - 1.300 triệu USD;

- Tổng kim ngạch nhập khẩu 5 năm từ: 700 - 800 triệu USD;

- Tỷ lệ huy động ngân sách trong GDP: từ 18- 19%; năm 2005, thu ngân sách bằng 1,6 lần so với năm 2000;

- Huy động vốn đầu tư toàn xã hội: từ 13.500 - 14.500 tỷ đồng. Trong đó, vốn trong nước chiếm 60 - 65%, vốn đầu tư nước ngoài chiếm 35 - 40%.

Về văn hóa - xã hội:

- Giải quyết việc làm mỗi năm: từ 20.000 - 22.000 chỗ lao động mới;

- Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động được đào tạo nghề: 25%;

- Đến năm 2005, thu hẹp hộ nghèo còn từ 5 - 6% (theo chuẩn mới);

- Giảm tỷ suất sinh hằng năm: 0,4‰; tốc độ tăng dân số đến 2005 ở mức 1,21%;

- Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 25%;

- 100% trạm y tế xã phường được trang bị đủ dụng cụ y tế cần thiết cho khám, chữa bệnh tuyến cơ sở và 85% xã có bác sĩ;

- Phần đầu năm 2005, có 70% xã, phường hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở;

- Đến năm 2005, có 90% cơ quan, 70% hộ gia đình, 40% làng, khóm, khối phố đạt tiêu chuẩn văn hóa;

- Đến năm 2005, tất cả các xã đều có trạm truyền thanh, 95% địa bàn dân cư thu được sóng truyền hình với chất lượng cao;

- Đến năm 2005, có 95% dân cư được dùng nước sạch qua lăng, lọc.

Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị:

- Hạn chế đến mức thấp nhất số tổ chức cơ sở đảng yếu kém; phần đầu hằng năm có từ 65 - 70% tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh;

- Mỗi trường học, phân xưởng, thôn, khóm, buôn, tổ dân phố có đảng viên và phần đầu để có tổ chức đảng;

- Tất cả các xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp đều xây dựng quy chế dân chủ cơ sở và tổ chức thực hiện tốt quy chế đó;

- Hoàn thành cải cách thủ tục hành chính Nhà nước “một cửa”;

- Xây dựng, củng cố mặt trận và các đoàn thể quần chúng vững mạnh.

Để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đề ra, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2001 - 2005 tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh và lãnh đạo thực hiện có kết quả các chương trình kinh tế - xã hội đã có trong nhiệm kỳ

1996 -2000, đồng thời xây dựng và lãnh đạo thực hiện 10 chương trình, dự án trọng điểm sau:

1 - Chương trình kinh tế biển (2001- 2010);

2 - Chương trình sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu (2001 - 2010);

3 - Chương trình phát triển du lịch (2001 - 2010);

4 - Chương trình phổ cập trung học cơ sở (2001 - 2010);

5 - Chương trình bồi dưỡng, đào tạo cán bộ và đào tạo nghề (2001 - 2010);

6 - Chương trình phát triển miền núi, hải đảo (2001 - 2005);

7 - Chương trình phát triển nhà ở (2001 - 2005);

8 - Dự án phát triển giống mới có năng suất cao và hiệu quả kinh tế (2001 - 2005);

9 - Dự án thoát nước thành phố Nha Trang (2001 - 2010);

10 - Dự án quy hoạch và xây dựng lòng sông, bờ sông ở đô thị (2001 - 2010).

Các chương trình, dự án 10 năm được chia thành 2 giai đoạn: 2001 - 2005 và 2006 - 2010 để phân đầu thực hiện.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 43 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí, đồng chí Nguyễn Văn Tự

làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Bùi Mau, Phạm Văn Chi làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Đại hội bầu đoàn đại biểu của Đảng bộ đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

1. Đồng chí Nguyễn Văn Tự - Bí thư Tỉnh ủy.
2. Đồng chí Bùi Mau - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.
3. Đồng chí Phạm Văn Chi - Phó Bí thư Tỉnh ủy.
4. Đồng chí Trần Diệu.
5. Đồng chí Trần Minh Duân.
6. Đồng chí Trần Văn Hạnh.
7. Đồng chí Nguyễn Ngọc Hưng.
8. Đồng chí Bùi Hồng Ngọc.
9. Đồng chí Cao Minh Nhạn.
10. Đồng chí Võ Lâm Phi.
11. Đồng chí Nguyễn Minh Sơn.
12. Đồng chí Lê Xuân Thân.
13. Đồng chí Mai Trục.

Tỉnh ủy viên:

14. Đồng chí Pi Năng Bắc.
15. Đồng chí Đỗ Đăng Cao.
16. Đồng chí Phạm Minh Chánh.
17. Đồng chí Nguyễn Văn Chánh.
18. Đồng chí Phạm Đài.
19. Đồng chí Mầu Minh Địa.



Đồng chí Nguyễn Văn TỰ,
Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khóa IX, X
Bí thư Tỉnh ủy (2001 - 2010)

20. Đồng chí Lương Kiên Định.
21. Đồng chí Nguyễn Thành Đồng.
22. Đồng chí Lê Xuân Hạnh.
23. Đồng chí Nguyễn Thị Thu Hằng.
24. Đồng chí Nguyễn Trọng Hòa.
25. Đồng chí Trần An Khánh.
26. Đồng chí Nguyễn Lạc.
27. Đồng chí Trương Tấn Minh.
28. Đồng chí Nguyễn Phùng Mỹ.
29. Đồng chí Võ Nghiệp.
30. Đồng chí Lê Thanh Quang.
31. Đồng chí Bùi Ráng.
32. Đồng chí Huỳnh Sáng.
33. Đồng chí Lâm Đức Thanh.
34. Đồng chí Nguyễn Chiến Thắng.
35. Đồng chí Trần Văn Thịnh.
36. Đồng chí Phan Thông.
37. Đồng chí Vũ Thị Hồng Thu.
38. Đồng chí Cao Thụy.
39. Đồng chí Nguyễn Thị Bích Thủy.
40. Đồng chí Mai Thị Tuyết Trinh.
41. Đồng chí Hoàng Văn Trường.
42. Đồng chí Nguyễn Tấn Tuân.
43. Đồng chí Nguyễn Trọng Vinh.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA LẦN THỨ XV, NHIỆM KỲ 2005 - 2010

Đại hội diễn ra từ ngày 24 đến ngày 26-12-2005, tại thành phố Nha Trang. Về tham dự Đại hội có 300 đại biểu thay mặt cho 20.155 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội đã tập trung đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV: Trong 5 năm, tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết nhất trí, phát huy cao độ tinh thần tự lực, tự cường, không ngừng phấn đấu, vượt qua nhiều khó khăn thử thách và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm đạt 10,84%, vượt mục tiêu đề ra; năm 2005 giá trị tuyệt đối GDP tăng gấp 1,7 lần so với năm 2000, đứng thứ ba trong các tỉnh, thành phố miền Trung (sau Thanh Hóa và Nghệ An); GDP bình quân đầu người đạt trên 768 USD đứng thứ hai trong các tỉnh, thành phố miền Trung (sau Đà Nẵng).

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng các ngành dịch vụ và công nghiệp: Năm 2005, công nghiệp chiếm 40,9%; dịch vụ



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XV (12-2005)

41,1%; nông nghiệp 18%; tỷ trọng thành phần kinh tế ngoài nhà nước tăng lên 67%. Các ngành dịch vụ tăng bình quân hằng năm trên 13,44%, thu hút được nhiều dự án có quy mô lớn như: Khu du lịch 5 sao Hòn Ngọc Việt, Khách sạn Sunrise, khu du lịch Ninh Vân...; các ngành dịch vụ bưu chính viễn thông, ngân hàng, thương mại... phát triển nhanh, cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và dân sinh.

Giá trị sản xuất công nghiệp tăng trưởng bình quân 22,67%/năm; giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân hằng năm trên 2,34%; năng suất nhiều loại cây trồng tăng cao, sản lượng lương thực đạt trên 220 ngàn tấn, giải quyết việc làm cho nhiều lao động, nhất là ở khu vực nông thôn.

Thu ngân sách luôn vượt kế hoạch hằng năm: Năm 2005 thu ước 3.406 tỷ đồng, tăng gấp 3,0 lần so với năm 2000, chiếm 24,6% GDP. Vốn đầu tư phát triển xã hội 5 năm đạt hơn 14.000 tỷ đồng; kim ngạch xuất khẩu đạt 458 triệu USD, trong đó xuất khẩu địa phương 416 triệu USD, nhập khẩu 205 triệu USD. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu chiếm 71% GDP. Xuất khẩu địa phương tăng bình quân hằng năm trên 18%, có trên 110 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu, hàng xuất đến 59 nước và vùng lãnh thổ. Nhập khẩu địa phương tăng bình quân hằng năm trên 28%, có trên 30 doanh nghiệp tham gia nhập khẩu từ 40 nước và

vùng lãnh thổ. Khách du lịch trong và ngoài nước đến Khánh Hòa tăng bình quân 15 - 20%/năm.

Kinh tế nhà nước phát triển ổn định và giữ vai trò chủ đạo, chiếm tỷ lệ trên 40% về nộp ngân sách, giải quyết việc làm cho hơn 16.000 lao động. Đã cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước theo đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; kinh tế tư nhân phát triển mạnh cả về số lượng và quy mô, đến năm 2005 có hơn 1.200 doanh nghiệp tư nhân và hơn 25.000 hộ kinh doanh cá thể, đóng góp trên 50% trong tổng GDP của tỉnh và tham gia giải quyết việc làm cho hơn 90.000 lao động. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển tới 57 dự án với số vốn đăng ký đạt 442,8 triệu USD.

Hầu hết các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm được xây dựng với mục tiêu và bước đi phù hợp, bước đầu đã mang lại hiệu quả tích cực. Nhiều dự án cơ sở hạ tầng quy mô lớn được triển khai xây dựng như: Đại lộ Nguyễn Tất Thành, đường Phạm văn Đồng, đường Cổ Mã - Đàm Môn, đường Khánh Lê - Lâm Đồng... tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển và giao lưu kinh tế, văn hóa, đảm bảo an ninh quốc phòng của các địa phương trong tỉnh và các tỉnh bạn.

Tiềm năng thế mạnh của tỉnh bước đầu được phát huy, tạo bước đột phá về phát triển kinh tế: Chính phủ thông qua kế hoạch phát triển khu vực Vịnh Vân Phong

thành khu kinh tế tổng hợp, trong đó cảng trung chuyển container quốc tế giữ vai trò chủ đạo, kết hợp phát triển kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực. Chuyển phía Bắc bán đảo Cam Ranh sử dụng vào mục đích kinh tế, đưa sân bay Cam Ranh vào hoạt động thương mại và cho phép đầu tư nước ngoài vào khu vực thị xã Cam Ranh mở ra nhiều cơ hội mới cho thu hút đầu tư, phát triển, mở rộng giao lưu kinh tế với cả nước và quốc tế. Đó thực sự là tiền đề và cơ sở để Khánh Hòa có sự bứt phá nhanh về phát triển kinh tế trong những năm tiếp theo.

Văn hóa - xã hội có tiến bộ mới, đời sống của Nhân dân tiếp tục được cải thiện, đặc biệt đối với miền núi. Có 137/137 xã, phường, thị trấn duy trì vững chắc kết quả đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, đảm bảo đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong năm 2005. Phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất và phục vụ dân sinh được đẩy mạnh. Các bệnh viện tuyến huyện được nâng cấp, Bệnh viện đa khoa tỉnh được đầu tư xây dựng mới với trang thiết bị y tế hiện đại. Số giường bệnh tăng 31% so năm 2000, 60% xã có bác sĩ. Tỷ suất sinh toàn tỉnh hàng năm giảm trên 0,30‰. Tốc độ tăng dân số tự nhiên và tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm dần. Báo Khánh Hòa tăng trang, tăng kỳ xuất bản, phát hành báo điện tử; 100% xã có trạm truyền thanh, 95% địa bàn dân cư được phủ sóng phát thanh, truyền hình. Phong

trào thể dục thể thao thành tích cao đứng vào tốp dẫn đầu cả nước ở nhiều giải thi đấu. Năm 2000, toàn tỉnh không còn hộ đói, đến năm 2005 số hộ nghèo còn dưới 2% (theo chuẩn cũ), hoàn thành trước 2 năm so với mục tiêu đề ra; hàng năm tạo việc làm mới cho hơn 22.000 lao động, nâng số lao động có trình độ kỹ thuật, lao động qua đào tạo nghề lên trên 26%.

Công tác quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự xã hội ổn định. Công tác xây dựng đảng, xây dựng hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh hàng năm đều tăng, tính đến đầu năm 2005 đạt 77,5%, tỷ lệ đảng viên đủ tư cách phát huy tác dụng tốt đạt 68,26%. Đến hết tháng 12/2005, toàn Đảng bộ đã kết nạp được 4.991 quần chúng ưu tú vào Đảng, nâng tổng số đảng viên lên 20.155 đồng chí. Hoạt động của hệ thống chính trị tiếp tục được đổi mới và ngày càng mang tính chuyên nghiệp hơn. Hoạt động của mặt trận và các đoàn thể chính trị xã hội, các hội quần chúng có chuyển biến tích cực về nội dung và phương thức hoạt động.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong nhiệm kỳ vẫn còn một số hạn chế: Giá trị sản xuất công nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao nhưng có biểu hiện tăng chậm lại. Việc quản lý nhà nước về giống, thức ăn, quy hoạch nuôi trồng thủy sản còn chưa tốt. Một số chương trình kinh tế - xã hội triển khai chậm, hiệu quả đạt chưa cao. Kết cấu hạ

tầng và các dịch vụ còn yếu, thiếu và chưa đồng bộ; cải cách thủ tục hành chính chậm, thiếu kiên quyết, năng lực cạnh tranh không cao; do đó chưa thu hút mạnh các nhà đầu tư nước ngoài. Một số dự án triển khai chậm, kéo dài ảnh hưởng đến tâm lý và đời sống Nhân dân trong vùng dự án. Kết quả xóa đói giảm nghèo chưa vững chắc, đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận dân cư còn khó khăn. Một số ngành, địa phương chưa chủ động sáng tạo trong giải quyết và triển khai công việc, có tâm lý chờ đợi, đùn đẩy trách nhiệm cho cấp trên.

Đại hội xác định phương hướng và một số mục tiêu chủ yếu của nhiệm kỳ 2005 - 2010 như sau :

Phương hướng: Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng, tăng cường lãnh đạo, đoàn kết tập hợp mọi tầng lớp nhân dân, đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng để tăng tốc độ phát triển kinh tế, trên cơ sở huy động tối đa các nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của tỉnh kết hợp với liên kết, hợp tác phát triển với các địa phương trong cả nước, trong đó đặc biệt chú trọng đến các tỉnh lân cận, với các vùng kinh tế động lực của cả nước, phát triển kinh tế đối ngoại, để duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, tạo chuyển biến mạnh về chất lượng tăng trưởng. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ, du lịch - công nghiệp - nông nghiệp. Đảm

bảo sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng chính đôn Đảng là nhiệm vụ then chốt với xây dựng văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội; không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đặc biệt đối với đồng bào dân tộc thiểu số; giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc; tạo bước chuyển biến cơ bản về chất lượng nguồn nhân lực và nâng cao dân trí; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; đảm bảo quốc phòng - an ninh; bảo vệ và phát triển môi trường sinh thái.

Từ năm 2006 đến 2010, Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh phấn đấu đạt được một số mục tiêu chủ yếu sau :

Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm bình quân: 12%;
- GDP/đầu người đến năm 2010 đạt trên 1200 USD;
- Giá trị sản xuất dịch vụ-du lịch hàng năm tăng bình quân: trên 16%;
- Giá trị sản xuất công nghiệp hàng năm tăng bình quân: trên 20%;
- Giá trị sản xuất nông nghiệp hàng năm tăng bình quân: trên 3,5%;
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Nâng tỷ trọng dịch vụ lên trên 43,5%, công nghiệp lên trên 43,5%, giảm tỷ trọng nông nghiệp xuống dưới 13% GDP;

- Tổng giá trị xuất khẩu đạt trên 900 triệu USD; xuất khẩu địa phương tăng bình quân 15%/năm;

- Tỷ lệ huy động vào ngân sách đạt trên 22% GDP; năm 2010 thu ngân sách gấp 2 lần so với năm 2005;

- Huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt trên 36% GDP; tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt trên 36.000 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư nước ngoài chiếm trên 30%;

Về xã hội:

- Phần đầu đạt chuẩn phổ cập bậc trung học;

- Lao động được giải quyết việc làm mới hàng năm trên 25.000 người; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 35%; lao động nông nghiệp chiếm dưới 40% lao động xã hội;

- Tỷ lệ dân số đô thị đạt trên 60%;

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 3,6% (theo chuẩn mới quốc gia);

- Giảm tỷ suất sinh hàng năm: 0,4‰; tốc độ tăng dân số tự nhiên dưới 1,1%, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn dưới 10%;

- 100% trạm y tế xã phường được xây dựng kiên cố theo mô hình chuẩn quốc gia và có bác sĩ;

- Có 95% số cơ quan, 95% hộ gia đình, 50% thôn, khóm đạt tiêu chuẩn văn hóa; 100% địa bàn dân cư thu được sóng phát thanh, truyền hình;

Về môi trường:

- 90% số dân được dùng nước sạch; tỉ lệ che phủ rừng đạt 48%;

- 100% các cơ sở sản xuất mới có hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn về môi trường; 50% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường;

Về xây dựng Đảng:

- Hạn chế đến mức thấp nhất số tổ chức cơ sở đảng yếu kém; phần đầu hàng năm có từ 75 - 80% tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh;

- Phân đầu 100% xã phường có đảng bộ; Phân đầu 100% cơ quan, đơn vị, thôn, xóm có chi bộ hoặc có đảng viên.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 49 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 12 đồng chí; đồng chí Nguyễn Văn Tự làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Mai Trục, Võ Lâm Phi làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Đại hội bầu đoàn đại biểu của Đảng bộ đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

1. Đồng chí Nguyễn Văn Tự - Bí thư Tỉnh ủy.
2. Đồng chí Mai Trục - Phó Bí thư Thường trực.
3. Đồng chí Võ Lâm Phi – Phó Bí thư Tỉnh ủy.

4. Đồng chí Phạm Minh Chánh.
5. Đồng chí Trần Văn Hạnh.
6. Đồng chí Nguyễn Ngọc Hưng.
7. Đồng chí Nguyễn Phùng Mỹ.
8. Đồng chí Cao Minh Nhạn.
9. Đồng chí Lê Thanh Quang.
10. Đồng chí Bùi Ráng.
11. Đồng chí Nguyễn Chiến Thắng.
12. Đồng chí Hoàng Văn Trường.

Tỉnh ủy viên:

13. Đồng chí Nguyễn Thị Tường Anh.
14. Đồng chí Cao Cường.
15. Đồng chí Nguyễn Chuyện.
16. Đồng chí Nguyễn Việt Dân.
17. Đồng chí Trần Mạnh Dũng.
18. Đồng chí Lương Kiên Định.
19. Đồng chí Nguyễn Nam Hà.
20. Đồng chí Trần Sơn Hải.
21. Đồng chí Lê Xuân Hạnh.
22. Đồng chí Nguyễn Thị Thu Hằng.
23. Đồng chí Nguyễn Trọng Hòa.
24. Đồng chí Phạm Thị Như Hồng.
25. Đồng chí Nguyễn Thị Kiều.
26. Đồng chí Lê Văn Khải.
27. Đồng chí Nguyễn Văn Kháng.
28. Đồng chí Trần An Khánh.
29. Đồng chí Nguyễn Lạc.

30. Đồng chí Nguyễn Xuân Long.
31. Đồng chí Nguyễn Ngọc Minh.
32. Đồng chí Trương Tấn Minh.
33. Đồng chí Võ Thị Tuyết Na.
34. Đồng chí Huỳnh Sáng.
35. Đồng chí Nguyễn Yên Sơn.
36. Đồng chí Nguyễn Đắc Tài.
37. Đồng chí Võ Tấn Thái.
38. Đồng chí Lưu Quốc Thanh.
39. Đồng chí Trần Ngọc Thanh.
40. Đồng chí Lê Xuân Thân.
41. Đồng chí Nguyễn Hữu Thấu.
42. Đồng chí Trần Văn Thịnh.
43. Đồng chí Phan Thông.
44. Đồng chí Nguyễn Thị Bích Thủy.
45. Đồng chí Nguyễn Thị Trang.
46. Đồng chí Hồ Văn Truyền.
47. Đồng chí Nguyễn Tấn Tuấn.
48. Đồng chí Cao Hồng Vân.
49. Đồng chí Lê Đức Vinh.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA LẦN THỨ XVI, NHIỆM KỲ 2010 - 2015

Đại hội diễn ra từ ngày 27 đến ngày 30-9-2010, tại thành phố Nha Trang. Về tham dự Đại hội có 350 đại biểu thay mặt cho gần 26.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tổ chức Trung ương về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội đã tổng kết đánh giá tình hình kết quả đạt được và kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2005 - 2010. Đại hội nhận định: Trong 5 năm qua, Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết nhất trí, phát huy cao độ tinh thần tự lực, tự cường, không ngừng phấn đấu, vượt qua nhiều khó khăn thử thách và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Nổi bật nhất là về phát triển kinh tế, tỉnh tiếp tục giữ vững nhịp độ tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: Tổng sản phẩm nội địa bình quân đạt 10,85%/ năm, cao hơn mức tăng bình quân của cả nước. Đến năm 2010, GDP bình quân đạt 1.500 USD/người; tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 43,5%, dịch vụ-du lịch chiếm 43,5%, nông - lâm - thủy sản chiếm 13% trong GDP; thu ngân sách đạt trên 7.000

tỷ đồng, tăng gấp 2 lần so với năm 2005; tỷ lệ huy động ngân sách trên GDP chiếm 22,2%; huy động vốn đầu tư toàn xã hội trên 39,5% GDP. Sau 5 năm tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt trên 47.000 tỷ đồng (cao gấp 3 lần so với giai đoạn 2000 - 2005). Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 12,4%/năm. Giá trị sản xuất dịch vụ - du lịch tăng bình quân 16,3%/năm. Doanh thu du lịch trên 1.750 tỷ đồng. Giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản tăng bình quân 5,5%/năm; tổng giá trị xuất khẩu đạt 600 triệu USD. Hoạt động kinh tế đối ngoại, tài chính, ngân hàng chuyên biến tích cực, các nguồn thu phát triển; thu ngân sách hàng năm đạt và vượt dự toán.

Chiến lược phát triển kinh tế và các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh ngày càng được định hình rõ nét; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có bước phát triển đáng kể; tốc độ đô thị hóa diễn ra tương đối nhanh, một số chương trình, dự án trọng điểm đã và đang tiếp tục phát huy hiệu quả, tạo thế lực mới, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, hội nhập: Khu kinh tế Vân Phong đã thu hút nhiều dự án đầu tư trong và ngoài nước, vốn đầu tư khoảng 16 tỷ USD; khu vực Cam Ranh thu hút khoảng 600 triệu USD; thành phố Nha Trang thu hút và triển khai nhiều dự án lớn mang tầm quốc tế. Cảng trung chuyển container quốc tế Vân Phong đã khởi công xây dựng; sân bay Cam Ranh được nâng cấp thành sân bay quốc tế. Một số công trình giao thông lớn được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng như: Đại lộ Nguyễn Tất



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVI (9-2010)

Thành, đường nối Nha Trang ra Vĩnh Lương, đường nối Nha Trang - Lâm Đồng, Kè và đường Sông Cái - Nha Trang, đường ra bán đảo Đầm Môn, cùng với việc thực hiện các công trình thủy lợi... đã tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của tỉnh trong tương lai. Ngoài ra, các chương trình chỉnh trang, mở rộng đô thị, cải tạo vệ sinh môi trường, xây dựng khu dân cư, đô thị mới... được triển khai đồng bộ, diện mạo đô thị văn minh, hiện đại được định hình rõ nét với 1 đô thị loại I thuộc tỉnh (thành phố Nha Trang), 1 đô thị loại III (thị xã Cam Ranh), 3 đô thị loại IV (Ninh Hòa, Diên Khánh, Vạn Ninh) và 9 xã được công nhận là đô thị loại V...

Văn hóa - xã hội có bước tiến bộ mới, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân tiếp tục được cải thiện. Mạng lưới trường lớp được mở rộng, kiên cố hóa, bố trí đều khắp các địa bàn dân cư. 100% các trạm y tế xã, phường xây dựng theo mô hình chuẩn quốc gia; tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 10%; chất lượng dân số từng bước nâng cao, giảm tỷ suất sinh còn 0,3‰; 95% số cơ quan, hộ gia đình, 50% thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa. 100% địa bàn dân cư thu được sóng phát thanh, truyền hình; điện thoại cố định đạt 24 máy/100 dân; 100% bệnh viện, trường học kết nối internet. Tỷ lệ hộ nghèo còn 1,5% (theo chuẩn tỉnh còn 11,12%); hàng năm 25.000 lao động được tạo việc làm; tỷ lệ lao động được đào tạo chiếm 35%; 50% số xã cơ bản đạt tiêu chí xã nông thôn mới.

Công tác quốc phòng an ninh, bảo vệ chủ quyền được tăng cường, góp phần ổn định chính trị - xã hội. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị tiếp tục được đẩy mạnh: 100% xã, phường, thị trấn có đảng bộ, 100% thôn thành lập chi bộ; 82% các tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh; trên 85% đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ; kết nạp 6.240 đảng viên. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” có những chuyển biến tích cực; dân chủ ngày càng được phát huy, niềm tin của Nhân dân được củng cố, tính đồng thuận trong xã hội ngày càng cao.

Bên cạnh những thành tựu đạt được là cơ bản, đáng phấn khởi và tự hào, nhưng vẫn còn một số yếu kém, khuyết điểm đáng chú ý. Đó là, tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, hiệu quả, sức cạnh tranh còn thấp, khả năng hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế chưa sâu rộng; một số chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm triển khai còn chậm, hiệu quả chưa cao; các vùng kinh tế động lực chưa được đầu tư đúng mức, do đó chưa phát huy tốt vai trò hỗ trợ, lôi cuốn các vùng phụ cận cùng phát triển; công tác xã hội hóa một số lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục - thể thao còn chậm; một số vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt. Công tác cải cách thủ tục hành chính chưa theo kịp yêu cầu phát triển; trật tự xã hội có nơi có lúc còn diễn biến phức tạp. Hệ thống

chính trị ở cơ sở bộc lộ nhiều bất cập trước yêu cầu đổi mới. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” chưa tạo được sự chuyển biến sâu rộng trong việc làm theo, chưa thấm sâu vào thực tiễn cuộc sống...

Đại hội xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ 5 năm 2010 - 2015 là:

Phương hướng: Phát triển nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững trên cơ sở tiếp tục chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế theo hướng hiện đại; nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế; tăng cường huy động các nguồn vốn để đầu tư và phát huy hiệu quả của 03 vùng kinh tế trọng điểm; nâng cao chất lượng của các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế; tăng cường công tác bảo vệ tài nguyên môi trường và chủ động ứng phó với các tác động của biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tăng cường hiệu quả hoạt động của chính quyền, mặt trận và các đoàn thể. Giữ vững ổn định chính trị, chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trên biển đảo, bảo đảm quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Từ năm 2010 đến 2015, Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh phấn đấu xây dựng Khánh Hòa thành trung tâm kinh tế - văn hóa - du lịch của cả nước, toàn tỉnh cơ bản đạt các tiêu chí thành phố trực thuộc Trung ương, tập trung đạt được một số mục tiêu chủ yếu sau:

Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm 12 - 13%;
- GDP bình quân đầu người: Năm 2015 đạt khoảng 3.000 USD, tăng khoảng 2 lần so với năm 2010;
- Giá trị dịch vụ - du lịch tăng bình quân trên 14%;
- Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng bình quân trên 17%;
- Giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản tăng trên 4%;
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng dịch vụ, du lịch - công nghiệp, xây dựng - nông, lâm, thủy sản. Theo đó, tỷ trọng dịch vụ, du lịch và công nghiệp, xây dựng cùng chiếm 45,5% GDP; nông - lâm - thủy sản chiếm 9% GDP;
- Tổng giá trị xuất khẩu năm 2015 đạt trên 1.250 triệu USD, xuất khẩu địa phương tăng bình quân trên 15%/năm;
- Thu ngân sách năm 2015 tăng gấp 2,5 lần so với năm 2010;

- Huy động vốn đầu tư toàn xã hội năm 2015 đạt trên 45% GDP. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm 2011 - 2015 đạt trên 175 nghìn tỷ đồng (tăng gấp 3,5 lần so với giai đoạn 2006 - 2010); trong đó vốn đầu tư nước ngoài khoảng 20% - 25%.

Về văn hóa - xã hội:

- Số lao động được tạo việc làm hàng năm trên 26.000 người;

- Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động được đào tạo nghề đạt 47,5%;

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 3% (theo chuẩn của tỉnh);

- Đạt cơ bản các tiêu chí về phổ cập trung học phổ thông;

- Giảm tỷ suất sinh hàng năm khoảng 0,25‰; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 10%;

- Tỷ lệ gia đình văn hóa 95%. Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa 70%;

- Toàn tỉnh đạt cơ bản các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới.

- Tỷ lệ dân số đô thị đạt 60%. Toàn tỉnh cơ bản đạt tiêu chí thành phố trực thuộc trung ương.

Về môi trường:

- Trên cơ sở dự báo của quốc gia, xây dựng kế

hoạch ứng phó về tình trạng biến đổi khí hậu xảy ra trên địa bàn tỉnh;

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 45%;
- Có 95% số dân được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh;
- Có 80% cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường, 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh mới đăng ký phải có Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

Về xây dựng đảng và hệ thống chính trị:

- Phần đầu hàng năm có từ 75 - 80% tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh; hạn chế đến mức thấp nhất số tổ chức cơ sở đảng yếu kém;
- Phát triển đảng viên mới đạt trên 1500 đồng chí/năm, đảm bảo 70% trong độ tuổi thanh niên;
- Phát triển đảng viên và tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh: 50% doanh nghiệp đã có công đoàn cơ sở có chi bộ hoặc đảng viên;
- 70% số doanh nghiệp đủ điều kiện theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam thành lập được công đoàn cơ sở.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 55 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 14 đồng chí; đồng chí Lê Thanh Quang

làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Nguyễn Tấn Tuân, Nguyễn Chiến Thắng làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Đại hội bầu đoàn đại biểu của Đảng bộ đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

1. Đồng chí Lê Thanh Quang - Bí thư Tỉnh ủy.
2. Đồng chí Nguyễn Tấn Tuân - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.

3. Đồng chí Nguyễn Chiến Thắng - Phó Bí thư Tỉnh ủy.

4. Đồng chí Lê Văn Bình.
5. Đồng chí Phạm Minh Chánh.
6. Đồng chí Nguyễn Chuyện.
7. Đồng chí Trần Sơn Hải.
8. Đồng chí Nguyễn Thị Kiều.
9. Đồng chí Trần An Khánh.
10. Đồng chí Nguyễn Phùng Mỹ.
11. Đồng chí Nguyễn Đắc Tài.
12. Đồng chí Nguyễn Khắc Toàn.
13. Đồng chí Hoàng Văn Trường.
14. Đồng chí Lê Đức Vinh.

Tỉnh ủy viên:

15. Đồng chí Nguyễn Thị Tường Anh.
16. Đồng chí Huỳnh Ngọc Bông.
17. Đồng chí Cao Cường.
18. Đồng chí Nguyễn Văn Danh.

19. Đồng chí Lê Văn Dẽ.
20. Đồng chí Trần Mạnh Dũng.
21. Đồng chí Nguyễn Công Định.
22. Đồng chí Lương Kiên Định.
23. Đồng chí Nguyễn Xuân Hà.
24. Đồng chí Lê Văn Hạ.
25. Đồng chí Nguyễn Thị Hạnh.
26. Đồng chí Lê Minh Hiền .
27. Đồng chí Nguyễn Hòa.
28. Đồng chí Nguyễn Kim Hòa.
29. Đồng chí Nguyễn Trọng Hòa.
30. Đồng chí Lê Hữu Hoàng.
31. Đồng chí Trần Duy Hưng.
32. Đồng chí Nguyễn Văn Kháng.
33. Đồng chí Lê Văn Khải.
34. Đồng chí Nguyễn Lạc.
35. Đồng chí Nguyễn Xuân Long.
36. Đồng chí Nguyễn Ngọc Minh.
37. Đồng chí Bùi Xuân Minh.
38. Đồng chí Hồ Văn Mừng.
39. Đồng chí Nguyễn Thị Nhung.
40. Đồng chí Nguyễn Văn Phước.
41. Đồng chí Nguyễn Yên Sơn.
42. Đồng chí Ngô Sơn.
43. Đồng chí Trần Ngọc Thanh.
44. Đồng chí Lưu Quốc Thanh.
45. Đồng chí Võ Tấn Thái.



Đồng chí Lê Thanh Quang,
Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khóa XI, XII
Bí thư Tỉnh ủy (2010 - 2019)

46. Đồng chí Lê Xuân Thân.
47. Đồng chí Đào Công Thiên.
48. Đồng chí Phan Thông.
49. Đồng chí Nguyễn Lê Đình Thống.
50. Đồng chí Nguyễn Thị Thu Thủy.
51. Đồng chí Hồ Văn Truyền.
52. Đồng chí Ngô Truyện.
53. Đồng chí Trương Đăng Tuyển.
54. Đồng chí Cao Hồng Vân.
55. Đồng chí Lê Vinh.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA LẦN THỨ XVII, NHIỆM KỲ 2015 - 2020

Đại hội diễn ra từ ngày 22 đến ngày 24-9-2015, tại thành phố Nha Trang. Về tham dự Đại hội có 350 đại biểu thay mặt cho trên 35.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội về dự và chỉ đạo Đại hội.

Chủ đề Đại hội: “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy dân chủ, đoàn kết; khai thác tốt tiềm năng, lợi thế, phát triển nhanh, bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; xây dựng Khánh Hòa trở thành tỉnh giàu đẹp của cả nước”.

Phương châm hành động của Đại hội là “Dân chủ, đoàn kết, phát triển”.

Đại hội đã tổng kết, đánh giá tình hình, kết quả đạt được của nhiệm kỳ 2010 - 2015: Trong 5 năm, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong tỉnh phát huy truyền thống anh hùng, đoàn kết, năng động, sáng tạo, quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức, phấn đấu hoàn thành cơ bản các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đã đề ra. Kinh tế tiếp tục đạt mức tăng trưởng khá và toàn diện



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVII (9-2015)

trên tất cả các lĩnh vực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân tăng 6,43%/năm, tuy thấp hơn mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XVI đề ra (12 - 13%/năm), nhưng cao hơn bình quân của cả nước. GDP bình quân đầu người đạt 2.440 USD. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng qua các năm và đạt trên 110,5 nghìn tỷ đồng trong 5 năm, tăng gấp 2,3 lần so với giai đoạn 2005 - 2010; tỷ trọng vốn đầu tư trên GDP bình quân đạt 42,69%.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo đúng định hướng Nghị quyết đề ra (dịch vụ - du lịch; công nghiệp - xây dựng; nông, lâm, thủy sản) và theo hướng tăng tỷ trọng các ngành kinh tế biển. Tái cơ cấu kinh tế của các doanh nghiệp theo chiều sâu, tăng tỷ trọng các ngành có hàm lượng giá trị gia tăng cao như du lịch, dịch vụ kho ngoại quan, đóng tàu biển... Công nghiệp và xây dựng có mức tăng trưởng hợp lý, giữ vị trí chủ lực góp phần ổn định và phát triển nền kinh tế của tỉnh.

Khu vực dịch vụ - du lịch tiếp tục phát triển, các chỉ tiêu chủ yếu về du lịch hàng năm đều tăng từ 15% đến 25%, giá trị dịch vụ du lịch vượt 3,2%. Thị trường xuất khẩu mở rộng đến 105 quốc gia, tăng 20 nước so với năm 2010. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn năm 2015 ước đạt 1.252 triệu USD.

Nông nghiệp từng bước hình thành các vùng sản xuất tập trung, thâm canh tạo ra sản lượng hàng hóa;

một số cây, con giống mới đưa vào sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cao; độ che phủ rừng đạt chỉ tiêu 45%; thủy sản phát triển đa dạng, từ đánh bắt đến nuôi trồng và chế biến, kim ngạch xuất khẩu thủy sản chiếm trên 30% giá trị xuất khẩu của tỉnh và là một trong 5 tỉnh xuất khẩu thủy sản mạnh trong cả nước.

Năm 2014, thu ngân sách trên địa bàn tỉnh vượt mốc 15.000 tỷ đồng; năm 2015 phấn đấu thu trên 11.700 tỷ đồng, gấp 1,4 lần so với năm 2010; tốc độ thu ngân sách Nhà nước bình quân tăng 6,8%/năm, trong đó thu nội địa bình quân tăng 9,8%/năm.

Tích cực triển khai thực hiện các nghị quyết phát triển 3 vùng kinh tế trọng điểm: (1) Khu vực vịnh Cam Ranh: Tập trung triển khai các dự án phát triển hạ tầng trọng điểm, trong đó nhiều công trình, dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng; đầu tư, hoàn thành hạ tầng cơ sở khu hành chính và hệ thống trục đường chính Khu trung tâm huyện Cam Lâm; hoàn thành cơ bản hạ tầng Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh; 19 dự án du lịch nguồn vốn ngoài ngân sách được cấp phép xây dựng, khởi công và một số dự án đã đưa vào khai thác; (2) Khu kinh tế Vân Phong: Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng, thu hút đầu tư; xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội quan trọng; đưa vào hoạt động Kho xăng dầu ngoại quan, Trạm phân phối xi măng Nghi Sơn,

Dự án Quốc lộ 1A đi Ninh Hải...; (3) Thành phố Nha Trang: Hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch chung đến năm 2025; hình thành và đưa vào hoạt động một số khu đô thị mới; khai thác, sử dụng một số dự án du lịch có quy mô lớn, nhiều khách sạn có thương hiệu đẳng cấp thế giới có mặt tại Nha Trang; các dự án nhà ở xã hội, nhà ở thu nhập thấp, một số dự án xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, giáo dục, thể thao đã đi vào hoạt động, góp phần tạo ra diện mạo mới cho thành phố Nha Trang ngày càng phát triển, đảm bảo an sinh xã hội.

Bước đầu thực hiện các nội dung Kết luận số 53-KL/TW của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 theo Nghị quyết số 18-NQ/TU, ngày 03-7-2013 của Tỉnh ủy. Bên cạnh đó, đẩy nhanh việc xây dựng, phát triển toàn diện huyện Trường Sa, củng cố hệ thống chính trị, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với an ninh, quốc phòng, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Triển khai đồng bộ, hiệu quả 4 chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: (1) Chương trình xây dựng nông thôn mới đã đầu tư tổng nguồn vốn là 14.706 tỷ đồng, đến cuối năm 2015 số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới bình quân chung toàn tỉnh là 12,6 tiêu chí/19 tiêu chí/1 xã và có 21/94 xã đạt đầy đủ 19

tiêu chí (đạt 22%) vượt chỉ tiêu của Chương trình và Nghị quyết của Tỉnh ủy; (2) Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã bố trí 273 tỷ đồng đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu; hỗ trợ đào tạo nghề cho 2.806 lao động là người dân tộc thiểu số, trong đó 2.045 lao động được bố trí việc làm; hỗ trợ xây mới 295 nhà và tô trát, sửa chữa 382 nhà cho đồng bào dân tộc thiểu số; 100% xã, thôn có các công trình thiết yếu phục vụ dân sinh. Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số bình quân hàng năm giảm 8,6%, đạt mục tiêu của chương trình đề ra; đến cuối năm 2015, thu nhập bình quân của đồng bào dân tộc thiểu số đạt mục tiêu đề ra là 8,16 triệu đồng/người/năm; (3) Chương trình phát triển hệ thống đô thị với tổng kinh phí đã giải ngân là 11.571 tỷ đồng. Hoàn thành 25 đồ án quy hoạch trên địa bàn toàn tỉnh; 41 dự án hạ tầng kỹ thuật với kinh phí 5.010 tỷ đồng; (4) Chương trình phát triển nguồn nhân lực đã bố trí 1.293,2 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh để đầu tư cơ sở vật chất; bước đầu cơ bản giải quyết đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và cơ cấu trình độ, ngành, nghề phục vụ yêu cầu phát triển của tỉnh.

Hoạt động văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe Nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực: Hệ thống trường, lớp phát triển đa dạng; có 165 trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia (tăng 90 trường so với đầu nhiệm kỳ). Tỷ lệ trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo

đạt trên 99%; 100% trường mẫu giáo huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh có bán trú; 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; 83,6% học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày. Tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Đến cuối năm 2015, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 47,5%. Trường Đại học Khánh Hòa đi vào hoạt động theo Quyết định số 1234/QĐ-TTg, ngày 01-10-2015 của Thủ tướng Chính phủ. Đến năm 2015, toàn tỉnh đạt tỉ lệ 27,5 giường bệnh và 5,5 bác sĩ trên 10.000 dân; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 10%.

Toàn tỉnh có 95% cơ quan, 90% gia đình, 70% thôn/tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa; tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường đạt 87%; trên 92% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh và trên 21,5% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch; tỷ lệ hộ nghèo từ 9,4% năm 2010 giảm còn dưới 3%; đảm bảo 100% hộ gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống người dân cư trú; 100% xã, phường, thị trấn làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được duy trì ổn định; công tác quân sự - quốc phòng địa phương được quan tâm, củng cố. Bộ máy Nhà nước được củng cố, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân. Công tác vận động quần chúng có nhiều tiến bộ, khối đại đoàn

kết toàn dân được tăng cường, dân chủ xã hội được phát huy. Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở có nhiều tiến bộ, ngày càng sâu sát cơ sở.

Công tác xây dựng Đảng có nhiều tiến bộ, nhiều nội dung, cách làm mới đã được triển khai và có chuyển biến rõ nét. Đảng bộ tỉnh có 14 đảng bộ trực thuộc, 554 tổ chức cơ sở đảng, trong đó có 274 đảng bộ cơ sở. Hàng năm, tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh chiếm từ 82% đến 87% và trên 88% đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ; kết nạp 8.408 đảng viên, đưa tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ lên 35.161 người, bình quân kết nạp 1.868 đảng viên/năm, vượt 24,5% so với mục tiêu Nghị quyết, trong đó, đảng viên được kết nạp trong độ tuổi thanh niên đạt tỷ lệ trên 50%; phát triển đảng viên và thành lập tổ chức đảng trong các doanh nghiệp tư nhân có công đoàn cơ sở đạt 46,%; triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về xây dựng Đảng gắn với thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Kinh tế tăng trưởng chưa đạt mục tiêu đề ra, nguồn lực dành cho đầu tư phát triển gặp nhiều khó khăn, một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch; Trên các lĩnh vực văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh còn một số hạn

chế chậm được khắc phục; Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị còn một số mặt chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Đại hội đã phân tích, chỉ ra những nguyên nhân chủ quan, khách quan, rút ra những bài học kinh nghiệm để xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp lãnh đạo trong nhiệm kỳ mới.

Đại hội xác định phương hướng, mục tiêu nhiệm kỳ 2015 - 2020 như sau:

Phương hướng: Tập trung phát triển kinh tế bền vững trên cơ sở tiếp tục chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại; nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế; tăng cường huy động các nguồn vốn để tiếp tục đầu tư, phát huy hiệu quả 4 chương trình kinh tế - xã hội và 3 vùng kinh tế trọng điểm gắn với thực hiện Kết luận số 53-KL/TW của Bộ Chính trị “về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030”; khai thác đồng bộ, hiệu quả tiềm lực kinh tế biển. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; quan tâm phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ; đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực, nhất là đối với ngành y tế, giáo dục; bảo đảm hệ thống an sinh, phúc lợi xã hội đa dạng, bao quát; tập trung giảm nghèo bền vững; tăng cường công tác bảo vệ tài nguyên môi trường và chủ động ứng phó với các tác động của biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nâng

cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên; xây dựng hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; tăng cường và củng cố quân sự, quốc phòng, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Mục tiêu chủ yếu đến năm 2020:

* Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hàng năm 7,5 - 8,0%.

- GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 3.200 USD/năm (tương đương 70 triệu VNĐ).

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng dịch vụ - du lịch, công nghiệp - xây dựng và nông, lâm, thủy sản.

- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2020 đạt trên 2 tỷ USD; xuất khẩu tăng bình quân hàng năm trên 10%.

- Thu ngân sách nhà nước năm 2020 gấp 1,5 - 1,7 lần so với năm 2015.

- Tỷ lệ huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội/GRDP bình quân hàng năm đạt 50 - 60%.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm 2016 - 2020 đạt trên 215 nghìn tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân hàng năm trên 15%.

*** Về xã hội:**

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân từ 1,5 - 2,0%/năm theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020.

- Số người lao động có việc làm tăng thêm bình quân mỗi năm là 9.000 người.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 đạt khoảng 80%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt khoảng 60%.

- Đạt 08 bác sĩ và 32 giường bệnh công lập trên 10.000 dân (không kể giường y tế xã).

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) dưới 9%.

- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đến năm 2020 đạt trên 80%.

- Tỷ lệ dân số đô thị năm 2020 đạt 60%.

- 55% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (tương ứng 53/94 xã); 90% số xã còn lại đạt 10 tiêu chí nông thôn mới trở lên (tương ứng 37/41 xã).

*** Về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững:**

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 đạt từ 47,5% trở lên.

- Tỷ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2020 đạt trên 95%.

- Phần đầu 90% số cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường.

* Về xây dựng Đảng:

- Phần đầu hàng năm có trên 50% tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh; hạn chế thấp nhất số tổ chức cơ sở đảng yếu kém.

- Phần đầu phát triển đảng viên mới hàng năm đạt từ 1.800 đồng chí trở lên, trong đó 55% trở lên trong độ tuổi thanh niên.

- Phần đầu 50% doanh nghiệp đã thành lập công đoàn cơ sở có chi bộ hoặc đảng viên.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 52 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 14 đồng chí; đồng chí Lê Thanh Quang làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Nguyễn Tấn Tuân, Lê Đức Vinh làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Đại hội bầu đoàn đại biểu của Đảng bộ đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng

Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

1. Đồng chí Lê Thanh Quang - Bí thư Tỉnh ủy.
2. Đồng chí Nguyễn Tấn Tuân - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.
3. Đồng chí Lê Đức Vinh - Phó Bí thư Tỉnh ủy.
4. Đồng chí Nguyễn Chuyện.
5. Đồng chí Trần Mạnh Dũng.

6. Đồng chí Trần Sơn Hải.
7. Đồng chí Trần An Khánh.
8. Đồng chí Trần Ngọc Khánh.
9. Đồng chí Hồ Văn Mừng.
10. Đồng chí Nguyễn Đắc Tài.
11. Đồng chí Nguyễn Khắc Toàn.
12. Đồng chí Trần Ngọc Thanh.
13. Đồng chí Lê Xuân Thân.
14. Đồng chí Ngô Quang Trung.

Tỉnh ủy viên:

15. Đồng chí Lê Tiến Anh.
16. Đồng chí Nguyễn Anh.
17. Đồng chí Lê Tấn Bản.
18. Đồng chí Nguyễn Duy Bắc.
19. Đồng chí Huỳnh Ngọc Bông.
20. Đồng chí Mầu Thái Cư.
21. Đồng chí Cao Cường.
22. Đồng chí Nguyễn Văn Danh.
23. Đồng chí Lê Văn Dẽ.
24. Đồng chí Lương Dự.
25. Đồng chí Nguyễn Công Định.
26. Đồng chí Lương Kiên Định.
27. Đồng chí Nguyễn Văn Ghi.
28. Đồng chí Nguyễn Khắc Hà.
29. Đồng chí Nguyễn Xuân Hà.
30. Đồng chí Lê Văn Hạ.
31. Đồng chí Lương Đức Hải.

32. Đồng chí Võ Hoàn Hải.
33. Đồng chí Nguyễn Thị Hạnh.
34. Đồng chí Lê Minh Hiền.
35. Đồng chí Nguyễn Hòa.
36. Đồng chí Lê Hữu Hoàng.
37. Đồng chí Trần Duy Hưng.
38. Đồng chí Lê Văn Khải.
39. Đồng chí Nguyễn Văn Kháng.
40. Đồng chí Bùi Xuân Minh.
41. Đồng chí Trần Hòa Nam.
42. Đồng chí Trần Hải Sơn.
43. Đồng chí Hồ Thanh Tùng.
44. Đồng chí Võ Tấn Thái.
45. Đồng chí Đào Công Thiên.
46. Đồng chí Lê Hữu Thọ.
47. Đồng chí Phan Thông.
48. Đồng chí Nguyễn Lê Đình Thống.
49. Đồng chí Tống Trân.
50. Đồng chí Lê Hữu Trí.
51. Đồng chí Ngô Truyện.
52. Đồng chí Lê Vinh.

Ngày 7-10-2019, Bộ Chính trị có Quyết định số 1570-QĐ/TW chỉ định đồng chí Nguyễn Khắc Định - Ủy viên Trung ương Đảng tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa, nhiệm kỳ 2015 - 2020 thay đồng chí Lê Thanh Quang.



Đồng chí Nguyễn Khắc Định,
Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khóa XII
Bí thư Tỉnh ủy (10-2019 - đến nay)

Ngày 16-3-2020, Bộ Chính trị có Quyết định số 1908-QĐ/TW chuẩn y đồng chí Nguyễn Khắc Toàn, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Khánh Hòa, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Ngày 29-4-2020, Ban Bí thư Trung ương Đảng có Quyết định số 2073-QĐ/TW điều động, chỉ định đồng chí Hà Quốc Trị, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

CÔNG TÁC CHUẨN BỊ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA LẦN THỨ XVIII, NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30-5-2019 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 143-KH/TU, ngày 10-7-2019 về triển khai đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025; quyết định thành lập các tiểu ban: Nhân sự, Nội dung, Vật chất nhằm tham mưu, giúp việc cho Ban Thường Tỉnh ủy, Tỉnh ủy chuẩn bị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII (gọi tắt là Đại hội).

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy đã quan tâm chỉ đạo, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức đại hội đảng bộ các cấp; thành lập 03 đoàn kiểm tra công tác chuẩn bị đại hội tại các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy do các đồng chí trong Thường trực Tỉnh ủy làm Trưởng đoàn; phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp dự và theo dõi, chỉ đạo đại hội. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chọn 10 đảng bộ cơ sở và Đảng bộ huyện Cam Lâm để tổ chức đại

hội điểm. Đến ngày 30-6-2020, có 680/680 tổ chức cơ sở đảng đã Đại hội xong; đến ngày 31-8-2020, 15/15 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức thành công đại hội.

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các Tiểu ban làm việc nghiêm túc, trách nhiệm để chuẩn bị tốt Văn kiện Đại hội. Văn kiện Đại hội bao gồm những nội dung chính: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Chương trình hành động thực hiện nghị quyết đại hội đảng các cấp, nhiệm kỳ 2020 - 2025...

Các văn kiện của Đại hội được chuẩn bị công phu, nghiêm túc. Đặc biệt, dự thảo Báo cáo chính trị được chuẩn bị từ rất sớm (tháng 5-2019). Dự thảo Báo cáo chính trị có nội dung kết cấu, bố cục khoa học, chặt chẽ; hội tụ trí tuệ, tâm huyết, phản ánh được tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; đánh giá trung thực, khách quan, toàn diện tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2015 - 2020. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tiểu ban Nội dung đã tổ chức lấy ý kiến các đồng chí cán bộ lão

thành cách mạng, cán bộ hưu trí, các nhà khoa học, nhân sĩ, trí thức, chuyên gia trong, ngoài tỉnh và các tầng lớp nhân dân về nội dung của dự thảo Báo cáo chính trị với nhiều hình thức khác nhau... Tỉnh ủy đã gửi lấy ý kiến góp ý của 53 bộ, ban, ngành Trung ương và tổ chức góp ý tại đại hội đảng bộ cấp trên cơ sở. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tiểu ban Nội dung đã nghiêm túc, cầu thị, tiếp thu các nội dung góp ý.

Chủ đề Đại hội, dự thảo Báo cáo chính trị xác định: “Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ, đoàn kết, đổi mới, sáng tạo; không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; phấn đấu xây dựng tỉnh Khánh Hòa phát triển nhanh, bền vững và toàn diện, trở thành trung tâm kinh tế biển, trung tâm du lịch, dịch vụ lớn của cả nước.”

Dự thảo Báo cáo chính trị nhận định: “Năm năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương và các ý kiến chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước khi đến làm việc với Khánh Hòa, tỉnh đã thực hiện đạt và vượt 16/20 chỉ tiêu về kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đề ra. Mục tiêu xây dựng Khánh Hòa

giàu đẹp đã được quan tâm triển khai thực hiện và đạt được những kết quả tích cực. So với khu vực và cả nước, Khánh Hòa đang từng bước trở thành một trong những trung tâm kinh tế động lực và trung tâm du lịch lớn. Giai đoạn 2016 - 2020, quy mô GRDP của Khánh Hòa xếp thứ 24/63 tỉnh, thành phố trong cả nước (trong đó, quy mô ngành dịch vụ xếp thứ 12/63), xếp thứ 4/14 tỉnh, thành phố thuộc vùng khu vực miền Trung (quy mô ngành dịch vụ xếp thứ 4/14), xếp thứ 3/8 tỉnh, thành phố khu vực duyên hải Nam Trung bộ (quy mô ngành dịch vụ xếp thứ 2/8, sau thành phố Đà Nẵng); GRDP bình quân đầu người xếp trong khoảng từ 14-17/63 tỉnh, thành phố; xếp thứ 3/14 tỉnh, thành phố thuộc khu vực miền Trung và xếp thứ 3/8 tỉnh, thành phố khu vực duyên hải Nam Trung bộ; tiếp tục duy trì là một trong 16 tỉnh có đóng góp vào ngân sách Trung ương. Hệ thống các đô thị trên địa bàn tỉnh từng bước được đầu tư đồng bộ theo hướng văn minh, hiện đại; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp, giảm tỷ trọng khu vực nông nghiệp; phát triển các ngành dịch vụ có hàm lượng tri thức và công nghệ cao; thu nhập bình quân đầu người tăng và không ngừng chăm lo sức khỏe, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân; chất lượng giáo dục - đào tạo tăng lên, khoa học - công nghệ được quan tâm; công tác bảo tồn và phát huy

các di sản văn hóa, di tích lịch sử được tăng cường; triển khai tốt nhiệm vụ xây dựng, củng cố các tiềm lực trong khu vực phòng thủ tỉnh, bảo đảm hài hòa phát triển kinh tế đi đôi với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; Khánh Hòa được các bộ, ngành Trung ương, các tổ chức trong và ngoài nước thường xuyên lựa chọn để tổ chức nhiều sự kiện văn hóa, du lịch, hội nghị, hội thảo khoa học mang tầm quốc gia và quốc tế.

Công tác chăm lo xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, nhất là việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã được triển khai bài bản, thường xuyên, qua đó góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị trong tỉnh và xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh.

Những thành tựu đạt được trong nhiệm kỳ qua là thành quả của sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan ở Trung ương; sự kiên quyết trong lãnh đạo của cấp ủy,

sự nỗ lực trong điều hành của chính quyền các cấp, cùng sự đoàn kết, thống nhất, cố gắng vượt qua khó khăn của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, có 4/20 chỉ tiêu không đạt. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh hiện có. Công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực đất đai, môi trường, đầu tư, kinh doanh, thông tin, báo chí,... còn nhiều bất cập, hạn chế. Chất lượng cuộc sống của Nhân dân đã được cải thiện, song tỷ lệ hộ nghèo còn cao, nhất là ở hai huyện miền núi Khánh Sơn và Khánh Vĩnh.

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị còn một số mặt chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Những sai phạm nghiêm trọng của tỉnh đã ảnh hưởng không tốt đến uy tín của cấp ủy, chính quyền địa phương, gây bức xúc trong xã hội. Nhận thức và ý thức trách nhiệm của số ít cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu chưa thật đầy đủ, sâu sắc, toàn diện; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức đảng còn thấp; công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên ở một số nơi chưa được quan tâm thường xuyên; công tác vận động quần chúng và hoạt động của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính

trị - xã hội ở một số địa phương thiếu chủ động, chưa linh hoạt.”

Dự thảo Báo cáo Chính trị đề ra phương hướng, mục tiêu chung: “Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng chống tham nhũng, quan liêu, tiêu cực, lãng phí; phát huy sức mạnh toàn dân, củng cố lòng tin và sự đồng thuận của Nhân dân; làm tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; tăng cường hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Tập trung phát triển kinh tế nhanh, bền vững, trên cơ sở đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các ngành dịch vụ, du lịch, công nghiệp, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tập trung xây dựng ngành nông nghiệp công nghệ cao, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế. Thực hiện có hiệu quả các nghị quyết và chương trình về phát triển kinh tế - xã hội; phát triển giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

Tập trung xây dựng tỉnh Khánh Hòa ngày càng giàu đẹp, trở thành trung tâm kinh tế - du lịch, khoa

học và công nghệ, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển, kinh tế du lịch và chăm sóc sức khỏe Nhân dân của vùng duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên và của cả nước.”

Về mục tiêu cụ thể: “Đến năm 2025: Khánh Hòa trở thành trung tâm kinh tế biển, trung tâm du lịch, dịch vụ lớn của cả nước. Đến năm 2030: Khánh Hòa phát triển toàn diện trên các lĩnh vực, trở thành đô thị trực thuộc Trung ương. Đến năm 2045: Khánh Hòa trở thành địa phương phát triển hiện đại; thu nhập bình quân của người dân Khánh Hòa thuộc nhóm các tỉnh, thành phố cao nhất cả nước.”

Về chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025:

* Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hàng năm đạt 7,5% trở lên.

- GRDP bình quân đầu người năm 2025 đạt 5.685 USD.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tiếp tục tăng tỷ trọng các ngành dịch vụ (chiếm 52,6%), công nghiệp, xây dựng (chiếm 31,1%) và giảm tỷ trọng các ngành nông, lâm, thủy sản (chiếm 7,8%).

- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2025 đạt 2 tỷ USD.

- Thu ngân sách nội địa năm 2025 gấp 2,2 lần so với năm 2020.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm 2021 - 2025 đạt trên 360 nghìn tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân hàng năm trên 12%.

- Tỷ lệ huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội/GRDP hàng năm đạt 55-60%.

- Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trong GRDP bình quân hàng năm đạt 40%.

- Tốc độ tăng năng suất lao động (giá so sánh) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 6,8%.

* Về văn hóa - xã hội:

- Số hộ nghèo năm 2025 giảm 1/2 so với năm đầu nhiệm kỳ (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021 - 2025). Huyện Khánh Sơn, huyện Khánh Vĩnh phấn đấu mức giảm tỷ lệ hộ nghèo 4-5%/năm.

- Số người lao động có việc làm tăng thêm bình quân hàng năm trên 11,5 nghìn người; tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị năm 2025 dưới 3,8%.

- Số trường công lập đạt chuẩn quốc gia ở 4 cấp học (mầm non, tiểu học, THCS và THPT) đến năm 2025 đạt 65,57%.

- Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%; tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 31%.

- Đến năm 2025, đạt 12,5 bác sĩ (10 bác sĩ công lập) trên 10.000 dân và 37,5 giường bệnh (33,5 giường công lập) trên 10.000 dân (không kể trạm y tế xã).

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi đến năm 2025 dưới 8,5%.

- Đến năm 2025, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt trên 45%.

- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt 65%.

- Đến năm 2025, có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, không còn xã dưới 15 tiêu chí; các huyện Vạn Ninh, Diên Khánh, Cam Lâm đạt chuẩn huyện nông thôn mới; thành phố Cam Ranh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

* Về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững:

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 đạt trên 46,5%.

- Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đến năm 2025 đạt 70%, nước hợp vệ sinh đạt 100%.

- Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường năm 2025 đạt 100%;

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn đô thị năm 2025 đạt 100%;

- Tỷ lệ xử lý chất thải y tế (nước thải, chất thải rắn) đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường năm 2025 đạt 90%.

* Về xây dựng Đảng:

- Phần đầu hàng năm có trên 60% số tổ chức cơ sở đảng đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ và từ 15% đến 20% tổ chức cơ sở đảng đạt mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ so với tổng số tổ chức cơ sở đảng đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ (tương ứng tỷ lệ từ 9% - 12%).

- Phần đầu phát triển đảng viên bình quân hàng năm đạt từ 1.700 đồng chí trở lên, trong đó có 55% trở lên trong độ tuổi thanh niên.

- Phần đầu 50% đơn vị kinh tế tư nhân (có đủ các điều kiện cơ bản) đã có tổ chức đoàn thanh niên và công đoàn cơ sở, thành lập tổ chức đảng.

Công tác nhân sự của Đại hội được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy chỉ đạo chặt chẽ, khoa học, khách quan theo đúng các quy định của Trung ương. Triển khai quy trình lấy ý kiến giới thiệu nhân sự tái cử, nhân sự lần đầu ứng cử tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; nhân sự dự kiến cơ cấu vào các chức danh chủ chốt. Kiên quyết không để lọt những người không bảo đảm tiêu

chuẩn, điều kiện, không xứng đáng, không trùng cử cấp ủy cấp dưới vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa mới. Phần đầu xây dựng Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 là một tập thể thật sự đoàn kết, trong sạch, vững mạnh, thống nhất ý chí và hành động, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức trong sáng, kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng; có tầm nhìn chiến lược, có trí tuệ, tư duy đổi mới, sáng tạo; có tính chiến đấu, tính kỷ luật; gần bó mật thiết với Nhân dân, biết lắng nghe, nghiêm túc tự phê bình và phê bình, là hạt nhân quy tụ được sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ và trong Nhân dân; đủ uy tín, năng lực, sức khoẻ để lãnh đạo Đảng bộ trong giai đoạn phát triển mới.

Dự kiến số lượng Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa mới gồm 50 đồng chí (trong đó có 01 đồng chí Trung ương chuyển về); Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 16 đồng chí (trong đó 01 đồng chí Trung ương chuyển về). Dự kiến Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng gồm 20 đồng chí (trong đó có 17 đại biểu chính thức được bầu tại Đại hội và 03 đại biểu đương nhiên).

Ngày 05-9-2020, Bộ Chính trị làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến vào dự thảo Văn kiện

và phương án nhân sự chuẩn bị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Đại hội dự kiến tổ chức từ ngày 12 đến 15-10-2020 tại thành phố Nha Trang, với 350 đại biểu thay mặt cho 43.999 đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh về dự.



Lễ Kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2020) và 90 năm Ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa (24/2/1930 - 24/02/2020)

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu	5
Quá trình vận động thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Khánh Hòa và sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh từ khi thành lập đến Đại hội lần thứ I (1930 – 1950)	9
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ I	22
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ II	31
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ III	37
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ IV	40
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ V	49
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ VI	54
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ VII	63
Ban chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Phú Khánh (11/1975 - 3/1977)	69
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần I	72
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần II	81
	189

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần III	89
Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần IV	99
Ban chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Phú Khánh (7/1989) ...	108
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XII	111
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XIII	118
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XIV	127
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XV	137
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVI	148
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVII	159
Công tác chuẩn bị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII	173

ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA

CÁC KỲ ĐẠI HỘI

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY KHÁNH HÒA

Chịu trách nhiệm nội dung:

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa

Trưởng ban: **HỒ VĂN MỪNG**

Ban biên soạn:

Trần Mộng Điệp

Nguyễn Thị Thanh Hải

Nguyễn Thị Sâm

Nguyễn Quốc Việt

Nguyễn Thị Bích Nhung

Dương Nhật Thùy Trinh

Sửa bản in:

Thanh Hải

Quốc Việt

Trình bày:

In 1.500 quyển, khổ 14.5cm x 20.5cm

tại **Công ty Cổ phần In và Thương mại Khánh Hòa**

Số 08 Lê Thánh Tôn - Nha Trang. ĐT: 0258.3510286.

Giấy phép xuất bản số /GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông Khánh Hòa,
cấp ngày / /2020. In xong và nộp lưu chiểu tháng 09/2020.

XUẤT BẢN PHẨM KHÔNG BÁN
